

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 - Số 189 - Năm thứ 18, tháng 02-2005



TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

và toàn ban biên tập Thông Luận

kính chúc độc giả và thân hữu

một năm Ất Dậu

an khang, hạnh phúc

Xã luận

Xác xược hay lúng túng ?

Dù nghĩ gì về các tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh, cũng phải nhìn nhận rằng những tổ giặc của họ đối với phe Lê Đức Anh vừa chính xác vừa nghiêm trọng. Vụ Năm Châu - Sáu Sĩ và vụ T4 đã chứng tỏ phe Lê Đức Anh, qua Tổng Cục 2, đã gian trá một cách trắng trợn và độc ác, vượt rất xa những gì có thể được gọi là những mưu mô chính trị hay ngay cả những sai phạm. Ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không phủ nhận những tổ giặc này. Đáng lẽ những kẻ phạm pháp phải bị trừng phạt nặng nề. Hơn nữa các tướng Khánh, Giáp cũng không đơn độc, họ được sự hỗ trợ của hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả, những nhân vật lịch sử trong đảng cộng sản. Những phản ứng trong sáu tháng qua cũng cho thấy là họ được hậu thuẫn của dư luận, kể cả đa số đảng viên.

Thế nhưng, Nguyễn Chí Vịnh, người bị tố giặc đích danh là thủ phạm chính, thay vì bị trừng phạt đã được thăng cấp từ thiếu tướng lên trung tướng. Lê Đức Anh đã họp sáu thủ hạ trong bộ chính trị để chuẩn bị khai trừ thượng tướng Nguyễn Nam Khánh và có thể cả đại tướng Võ Nguyên Giáp. Thực là

một thách thức quá xác xược đối với lẽ phải, dư luận và ngay cả đối với chính đảng cộng sản, trước hết là đối với tám ủy viên khác của bộ chính trị.

Phe Lê Đức Anh cũng đã bãi bỏ đại hội đảng giữa nhiệm kỳ để chuẩn bị đường lối và nhân sự cho nhiệm kỳ tới, thay vào đó bằng một hội nghị ban chấp hành trung ương mở rộng, một hội nghị lấp liếm với một ban chấp hành trung ương mà họ đã kiểm soát được, và 60 thủ hạ thân tín khác. Đây là một khiêu khích trắng trợn khác với toàn bộ đảng viên.

Lê Đức Anh và phe nhóm muốn chứng tỏ họ đủ mạnh và tự tin để bất chấp mọi chống đối. Trên thực tế họ đã chỉ thú nhận sự sợ sệt và lúng túng. Họ thú nhận chỉ có sáu trên tổng số mười bốn ủy viên bộ chính trị tuân phục họ. Họ thú nhận không tìm được 1.200 đại biểu thuận với họ để họp đại hội giữa nhiệm kỳ. Họ không còn kiểm soát được khối đảng viên nữa. Trong sự lúng túng họ đã chọn thái độ lì lợm, bất chấp.

Hoặc đảng cộng sản đào thải được phe Lê Đức Anh, hoặc chính nó chứng tỏ là chẳng còn một thực chất nào cả sẽ bị đào thải.

Thông Luận

THỊ TRƯỜNG CHUNG ĐÔNG NAM Á VÀ HOA NAM Bối cảnh, khả năng và các vấn đề

Nguyễn Minh

Trong hội nghị thượng đỉnh tổ chức tại Lào cuối tháng 11-2004 vừa qua, lãnh đạo các nước ASEAN và ba nước Nhật Bản, Trung Quốc và Đại Hàn đã thông qua quyết định triệu tập một hội nghị thượng đỉnh, sẽ tổ chức tại Kuala Lumpur (thủ đô Mã Lai) vào tháng 6-2005 sắp tới, để thành lập "thị trường chung Đông Á" (EAMC-East Asia Common Market). Đây sẽ là định chế hợp tác kinh tế khu vực lớn nhất Đông Nam Á đủ sức đối trọng với hai định chế kinh tế có sẵn là Liên Hiệp Châu Âu (EU) và Hiệp Ước Mậu Dịch Tự Do Bắc Mỹ (NAFTA).

1. Bối cảnh hình thành thị trường chung Đông Á

Sự hình thành thị trường chung Đông Á hiện nay chỉ là hợp thức hóa một hiện thực đã có sẵn. Từ 20 năm gần đây, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Á cao nhất thế giới. Năm 1980, độ lệ thuộc vào xuất khẩu qua các nước trong vùng chỉ ở mức 23%, năm 2002 tỷ lệ đó đã lên đến 39,7%.

Cũng nên biết đối tượng xuất nhập khẩu chính của các nước Đông Á chính là các nước Đông Á khác. Năm 1980 tỷ lệ xuất nhập khẩu giữa các nước trong vùng chiếm 22%, năm 2002 con số đã lên đến 44,8%. Mức độ lệ thuộc xuất nhập khẩu lẫn nhau này sẽ còn gia tăng hơn nữa trong những năm sắp tới.

Nếu so sánh mức độ lệ thuộc hỗ tương giữa các quốc gia Đông Á (trừ Nhật Bản có thể đứng riêng và có mức độ lệ thuộc hỗ tương cao với khắp thế giới) với hai khối EU và NAFTA, mức lệ thuộc hỗ tương giữa các nước Đông Á từ 22,6% năm 1980 đã tăng lên 32,8% năm 1990 và đạt con số 42,1% năm 2002. Tuy chưa bằng con số 62,5% của EU nhưng đã bắt gần kịp con số 45,8% của NAFTA.

Khu vực Đông Á, kể cả Trung Quốc, có một dân số tổng cộng là 2 tỷ người và một tổng thu nhập gộp nội địa (GDP) là 7.000 tỷ USD. So với con số 9.000 tỷ USD/GDP và dân số 500 triệu người của EU và con số 12.000 tỷ USD/GDP với 400 triệu người của NAFTA, Đông Á có khả năng bắt kịp hai định chế này trong một tương lai không xa.

Nếu tính luôn cả Nhật Bản vào khối "Đông Á mở rộng" này thì mức độ lệ thuộc mậu dịch của các nước Đông Á sẽ là 51,8%, gần bằng với EU (62,5%).

Cho đến sau đại chiến 2, sinh hoạt chính trị của các quốc gia Đông Á lệ thuộc nặng vào nước ngoài, rất yếu trong quan hệ đối ngoại. Trong nửa sau thế kỷ 20, Đông Á là một thị trường khổng lồ của Mỹ và lệ thuộc vào nguồn tư liệu sản xuất nhập từ Nhật. Nói chung đó là một châu Á yếu cả về chính trị lẫn kinh tế và xã hội. Nhưng ngày nay, sau ba thập niên cố gắng, quan hệ trao đổi quốc tế của các quốc gia châu Á đã phát triển tốt bậc và hầu như chỉ dựa

vào sức mình là chính. Sự lệ thuộc vào các nước ngoài khu vực giảm dần trọng lượng. Phần lớn hàng hóa sản xuất trong vùng được tiêu thụ ngay trong vùng, vốn đầu tư của các quốc gia trong vùng cũng chỉ quanh quẩn trong vùng.

Cũng nên biết, sau Thỏa thuận Plaza về tiền tệ (1985) của Hội nghị thượng đỉnh sáu nước tiên tiến, Nhật đã đầu tư 94,3 tỷ USD vào sáu nước ASEAN lúc đó (Việt Nam, Campuchia, Lào và Miến Điện chưa gia nhập), Hoa Kỳ : 44,5 tỷ USD, các nước trung tiến (NIEs-Newly Industrializing Economies như Đài Loan, Đại Hàn, Hongkong, Singapore): 104,5 tỷ USD. Đến năm 2001, con số đầu tư của NIEs và các nước vùng Đông Á (kể cả Trung Quốc) đã lên 445,4 tỷ USD, chiếm 61,4% tổng số đầu tư trong vùng. Tỷ lệ đầu tư của hai nước Mỹ và Nhật vào vùng Đông Á cộng lại chỉ bằng 16,9%. Có thể nói cơ cấu đầu tư của các nước Đông Á với nhau đã trở nên bền chặt, tự tin.

2. Khả năng của hai thị trường

Hiện nay khối 10 nước Đông Nam Á (ASEAN-10) đang năng động hóa những quan hệ trao đổi trong vùng bằng cách bỏ các chướng ngại về quan thuế và phi quan thuế.

Từ năm 2002 các quốc gia ASEAN đã thành lập một "khu vực trao đổi tự do", gọi tắt là AFTA (Asean Free Trade Area). Đây là thị trường thí điểm đầu tiên giữa các quốc gia thuộc di sản "văn hóa ăn cơm" tại châu Á. AFTA có một tổng dân số 530 triệu người (gần bằng khối EU), trong đó Nam Dương (Indonesia) đứng đầu với 220 triệu dân, kế là Việt Nam (80 triệu), Philippines (78 triệu), Thái Lan (62 triệu). GDP của toàn khối năm 2002 là 555,3 tỷ USD (khoảng 13% của Nhật).

Sự phân phối lợi tức/đầu người/năm của thị trường mới này không đồng đều. Singapore đứng đầu với trên 21.000 USD, ngang với các nước tiên tiến ; Brunei : 12.000 USD, ngang mức các nước trung tiến ; Mã Lai : 3.780 USD và Thái Lan : 2.190 USD, ngang với các quốc gia vừa phát triển ; còn Campuchia (310 USD), Miến Điện (140 USD) thuộc hạng nghèo nhất trên thế giới.

Tuy trải qua mấy lần thăng trầm kinh tế (khủng hoảng tiền tệ 1997, sự sụp đổ của thị trường chứng khoán hàng điện tử cao cấp năm 2000-2001, dịch bệnh SARS), tỷ lệ tăng trưởng của các quốc gia ASEAN vẫn được duy trì ở mức 4 và 5%/năm, cao hơn các quốc gia châu Âu.

Để tăng cường quan hệ thương mại, các vị ngoại trưởng ASEAN và các quốc gia châu Á khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Ấn Độ, Pakistan... đã họp tại Cheng Mai (Thái Lan), tháng 5-2000 và tháng 3-2003, để thành lập "Quỹ trái khoán châu Á" nhằm mở rộng hợp tác ổn định tiền tệ tại châu Á.

Tháng 11-2004 vừa qua, lần đầu tiên Trung Quốc chịu hợp tác với các nước ASEAN để tổ chức Hội chợ ASEAN-Trung Quốc lần thứ nhất tại Nam Kinh, đúng hơn là tại Khu tự trị dân tộc Choang (Tráng), tỉnh Quảng Tây. Cho đến cuối năm 2004 quan hệ trao đổi giữa Trung Quốc và ASEAN đã đạt con số 100 tỷ USD. Nếu đà này cứ tiếp tục, trong vòng 2-3 năm tới khối lượng trao đổi này sẽ vượt hẳn quan hệ trao đổi giữa Nhật và các nước ASEAN.

Trước đó, tháng 11-2002, Trung Quốc và ASEAN đã thông qua một "Hiệp định khung" (Framework Agreement) để hội nhập hai thị trường với một dân số 1,7 tỷ người. Từ sau ngày đó, Trung Quốc đã tiến hành những trao đổi với ASEAN để từng bước xóa bỏ những hàng rào quan thuế đã có từ trước.

Cũng nên biết trong năm 2003, tổng số tiền đầu tư trực tiếp của Trung Quốc ra nước ngoài là 2,9 tỷ USD, nâng tổng số tiền đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài lên 33,4 tỷ USD. Phần lớn tiền đầu tư này được đổ vào khu vực Đông Nam Á rồi mới đến Brazil, Nga. Trung Quốc cũng đã tích cực mua lại các công ty nước ngoài như công ty điện gia dụng TCL đã mua lại hãng Schneider của Đức, công ty xe hơi Thượng Hải mua hãng Song Long của Đại Hàn và hãng Rover của Anh. Gần đây tập đoàn máy tính điện tử Liên Tưởng (Lenovo) mua lại ngành máy tính cá nhân của công ty IBM (Mỹ), trở thành công ty máy tính cá nhân đứng thứ ba trên thế giới.

Hiện nay vùng Hoa Nam Trung Quốc và các thành phố tự trị Hongkong, Macau đang kết hợp lại thành "vùng kinh tế châu thổ Chu Giang mở rộng", đây sẽ là một trong những vùng có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới, hiện nay 9%/năm. Nếu lôi kéo được Đài Loan vào thì khả năng tăng trưởng còn cao hơn nữa, và sẽ bắt kịp Liên Hiệp Châu Âu. Từ năm 2001, đầu tư của các xí nghiệp Đài Loan vào Trung Quốc gia tăng đáng kể : hàng chục ngàn hãng xưởng lớn nhỏ và gần một triệu doanh nhân.

Vấn đề là Trung Quốc rất sợ Đài Loan tuyên bố độc lập tách hẳn khỏi quỹ đạo Hán tộc, do đó đã bằng mọi cách tăng cường khả năng quân sự để can thiệp khi cần. Đại tướng Kiều Quang Liệt, tổng tham mưu trưởng mới của quân đội Trung Quốc và là tư lệnh của Quân khu Nam Kinh, quân khu đặc trách vấn đề Đài Loan, cho biết quân đội Trung Quốc đã được huấn luyện xong mô hình giải phóng Đài Loan, nhưng tình trạng này rất khó xảy ra.

Với sự phát triển nhanh của vùng Hoa Nam, Đài Loan có thể sẽ tham dự vào khu vực này để mở rộng thêm thị trường chung Đông Á với 2,02 tỷ dân và 7.030 tỷ USD/năm.

3. Các vấn đề của hai thị trường

Nhật, với tư cách là cường quốc kinh tế châu Á và là quốc gia cung cấp viện trợ ODA lớn nhất trong vùng, muốn có vai trò tích cực hơn trong vùng Đông Á. Từ nhiều năm qua, Nhật đã tích cực thương lượng và ký kết Hiệp ước mậu dịch tự do (FTA) với Singapore, Philippines, Đại Hàn, Thái Lan ; tháng 4-2005 sẽ ký với Mã Lai và đang thương

thảo với Indonesia, nước chiếm 40% dân số và 30% GDP của ASEAN.

Thật ra ý tưởng thành lập thị trường chung Đông Á đã có từ 10 năm trước khi cựu thủ tướng Hitoshi Tanaka cho biết sự cần thiết của kết hợp kinh tế mới này phù hợp với những mục tiêu trung và dài hạn của Nhật, đó cũng là tiền đề để Nhật hợp tác với Trung Quốc và khuyến khích Trung Quốc tham gia vào một định chế kinh tế có luật lệ rõ ràng. Cũng nên biết tổng số tiền viện trợ không bồi hoàn (ODA) của Nhật cho Trung Quốc trong 25 năm qua chiếm phân nửa tổng số tiền viện trợ của nước ngoài cho Trung Quốc, nhưng ảnh hưởng của Nhật trên chính quyền Trung Quốc chẳng có bao nhiêu.

Về phía Trung Quốc, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế phát triển ở nhịp độ cao, đó là nhờ nguồn tư bản khổng lồ từ nước ngoài, đáng kể là từ Hoa kiều Đông Nam Á và Đài Loan qua ngả Hongkong, đổ vào. Đến nay tuy sinh hoạt kinh tế vẫn phát triển ở tốc độ cao, những vấn đề của một xã hội phát triển đang dần dần bộc lộ : số người thất nghiệp chính thức được công bố là trên 200 triệu người. Trung Quốc thiếu một "hàng rào ngăn chặn rủi ro" (risk hedge) phòng khi nguy biến. Thời gian ân huệ khi gia nhập vào Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới sẽ chấm dứt vào năm 2006, Trung Quốc buộc phải sinh hoạt theo đúng luật lệ của WTO, nghĩa là phải điều chỉnh lại tỷ giá đồng nguyên và chấp nhận để hàng hóa nước ngoài cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa của mình, v.v. Không có hàng rào ngăn chặn rủi ro này sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc sẽ sụp đổ như những con bài khi có khủng hoảng.

Với dự án thành lập thị trường chung Đông Á tháng 6-2005 sắp tới, Trung Quốc đã tìm một phao cấp cứu : có thể mở rộng khả năng đầu tư và xuất khẩu hàng hóa ngay trong thị trường này. Lý do là vì tuy có tỷ lệ phát triển cao, sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc rất là mong manh : nếu phát triển dưới 7%, thâm hụt ngân sách sẽ không sao cứu vãn nổi và nạn thất nghiệp sẽ tăng lên rất nhanh, bất ổn xã hội sẽ xảy ra. Trong sáu năm qua, từ 1998 đến 2003, quốc trái do chính phủ Trung Quốc phát hành đã lên đến 91 tỷ nguyên, nhờ đó GDP mỗi năm tăng 12%, nhưng đã vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Theo Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), độ lệ thuộc vào quốc trái không được quá 20%, nhưng Trung Quốc đã vượt 24,4% năm 2001, 25,8% năm 2002 và 24,5% năm 2003. Thêm vào đó, bốn ngân hàng lớn của Trung Quốc đã có số nợ không thu hồi được lên đến 500 tỷ USD. Chỉ cần một khủng hoảng tài chánh nhỏ cũng đủ làm sụp đổ tất cả công lao của nhiều năm xây dựng.

Sự tham gia của Đài Loan vào thị trường chung Đông Á này chính vì vậy là cái phao cứu vãn Trung Quốc khi có khủng hoảng. Đài Loan là quốc gia có ngoại tệ nhiều không kém gì Nhật và Trung Quốc, nhưng Đài Loan có một nền tài chánh và ngân hàng lành mạnh hơn Nhật và Trung Quốc. Chính vì thế chỗ đứng của Đài Loan trong thị trường chung Đông Á này rất là quan trọng và phải được trọng vọng, vì nó sẽ là "hàng rào ngăn chặn rủi ro" cho toàn khu vực.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Đảng Cộng Sản Việt Nam được 75 tuổi

Ngày 3-2-2005, Đảng Cộng Sản Việt Nam bước vào tuổi 76 sau một quá trình trộn lẫn những hy sinh dũng cảm, những tội ác, những thành tựu và những đổ vỡ. Bản tổng kết của nó rất phức tạp. Tuy nhiên, nếu cần một kết luận thật cô đọng ngay trong lúc này thì người ta có thể nói lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể tóm tắt trong một từ ngữ : *sai lầm*. Sai lầm của chính nó cũng như của nhiều tác viên khác mà đảng cộng sản vừa là nạn nhân vừa là kẻ thụ hưởng.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được ra đời do một sai lầm về tư tưởng : *chủ nghĩa Marx*. Nếu có một trình độ hiểu biết cao hơn, những người sáng lập đảng cộng sản và những người lãnh đạo kế tiếp họ đã không chấp nhận chủ nghĩa Marx một cách cuồng tín như họ đã chứng tỏ. Khi Tố Hữu ca tụng chủ nghĩa cộng sản như "*mặt trời chân lý chiếu qua tim*", ông đã chỉ là phát ngôn viên của những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Đặc tính của những người đã sáng lập và lãnh đạo đảng cộng sản, từ Hồ Chí Minh đến Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Đỗ Mười, Lê Đức Anh... là thiếu văn hóa. Sự thiếu văn hóa này trong nhất thời đã là sức mạnh, nó cho họ cái quyết tâm ghê gớm của những người thiếu hiểu biết. Nhưng chủ nghĩa Marx chỉ là một sai lầm.

Trước hết là sai lầm ngay từ bản chất của nó : *chủ nghĩa Marx là một chủ nghĩa tập thể*. Cuộc hành trình của nhân loại từ thời tiền sử đã là cuộc hành trình chinh phục tự do. Cuộc sống bầy đàn lúc ban đầu và các chế độ thị tộc, bộ lạc, nô lệ, phong kiến, quân chủ có chung một đặc điểm là chúng đều là những chế độ tập thể. Con người chỉ là một thành tố trong một cấu trúc - bộ lạc, tổ quốc, tôn giáo - và chỉ có giá trị trong vai trò của một viên gạch trong một lâu đài và do đó có thể bị hy sinh nhân danh tập thể. Thế kỷ Ánh Sáng tại châu Âu đã khai sinh ra con người tự do như là một thực thể tự nó có giá trị và phải được tôn trọng, đồng thời cũng là mục đích phục vụ của mọi tổ chức chính trị. Đó là sự khám phá ra nhân quyền và chủ nghĩa cá nhân, hai cách gọi của cùng một khái niệm. Đó là sự khởi đầu của một nền văn minh mới với những thành tựu vĩ đại và đột ngột. Nhưng, như mọi ý kiến mới, nó đã gặp sự chống đối mãnh liệt, dữ dội, của cả một di sản văn hóa và tâm lý. Chủ nghĩa Marx chỉ là một trong những phản ứng thủ cựu trước một khám phá quá mới.

Cũng về bản chất, chủ nghĩa Marx là một *chủ nghĩa định mệnh* (determinism) như hầu hết mọi chủ nghĩa trước nó. Nó tin là có một kịch bản đã định sẵn cho tiến hóa của xã hội, nghĩa là phủ nhận rằng khả năng sáng tạo của con người có thể tạo ra những tình huống mỗi ngày một mới khiến thế giới có thể tiến hóa không ngừng một cách không lường trước được, và do đó không có "chân trời lịch sử nào không thể vượt qua". Việc Marx tiên liệu một kịch bản khác - đấu tranh giai cấp tiến tới xã hội không giai cấp

như là điểm tới sau cùng của lịch sử - không thể làm người ta quên rằng chủ nghĩa Marx là một chủ nghĩa định mệnh. Về điểm này nó không khác với một tôn giáo.

Marx cũng phạm phải cùng một sai lầm lớn, như một số triết gia trước và đương thời với ông, là tin rằng có một xã hội tuyệt đối lý tưởng trong đó tất cả đều hoàn toàn tốt đẹp. Người ta sẽ không bao giờ hiểu nổi sự ngây thơ khó tưởng tượng này vì tất cả những giá trị mà chúng ta trân trọng đều mâu thuẫn với nhau. Tự do mâu thuẫn với bình đẳng. Nếu chúng ta chấp nhận tự do tuyệt đối thì phải để kẻ mạnh thống trị kẻ yếu, cá lớn nuốt cá bé. Còn ngược lại, nếu chúng ta muốn công bằng tuyệt đối thì phải cấm kinh doanh và đóng cửa các trường đại học để đừng ai giàu có và tài giỏi hơn ai. Cũng thế, sáng tạo mâu thuẫn với trật tự, công lý mâu thuẫn với bao dung. Mà đã không thể thực hiện một cách tuyệt đối các giá trị này thì xã hội lý tưởng chỉ là một ảo tưởng. Giải thích duy nhất chỉ có thể là xã hội lý tưởng là di sản của các tôn giáo. Nhưng ít ra các tôn giáo thực tiễn hơn, thiên đường mà họ đề nghị không có trên mặt đất này và trong cuộc sống này. Dầu vậy, ảo tưởng ở một thế giới lý tưởng cần phải xây dựng, cùng với chủ nghĩa tập thể coi thường giá trị cá nhân, đã đưa đến những tội ác kinh khủng của các chế độ cộng sản, phát-xít, nazi. Phải đập trứng mới làm được chả, nhưng trứng vỡ mà chả không có. Phải hy sinh hôm nay cho ngày mai, một ngày mai không có vì không thể có.

Còn lý thuyết tri thức của Marx ? Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất có trí tuệ và tâm linh, dù được trang bị và trang điểm bởi lý luận biện chứng, cuối cùng không khác tín ngưỡng thần vật (animism) của các bộ lạc bán khai, thờ gốc cây, cục đá vì tin là chúng có tâm linh.

Những dự đoán kinh tế của Marx đã sai một cách lộ bịch. Nhưng không phải chỉ có thế. Chủ nghĩa của Marx còn là một chủ nghĩa dã man. Nó quan niệm quan hệ giữa người và người như một quan hệ xung đột và tiêu diệt lẫn nhau. Không phải chỉ xung đột giai cấp như mọi người đều biết về chủ nghĩa Marx mà còn xung đột chủng tộc. Chính Marx chủ trương tiêu diệt các sắc tộc thiểu số hoặc bị coi là phản động. Chính Marx tuyên bố rằng xã hội tương lai không có chỗ cho người Do Thái. Hitler đã chỉ thực hiện những điều Marx đã cổ võ. Tóm lại, chủ nghĩa Marx không phải là một bước tiến về tư tưởng mà là một bước lùi. Nó là một chủ nghĩa sơ đẳng và do đó có khả năng gây sự cuồng tín nơi những người thiếu văn hóa. Marx không phải là một triết gia mà là một lái buôn ảo tưởng. Sự cuồng tín mù quáng của những người sáng lập Đảng Cộng Sản Việt Nam cùng một bản chất với sự cuồng dại của Hitler.

Đó là nói về Marx. Về Lenin chỉ cần nói một cách giản dị : ông ta thuần túy chỉ là một lý thuyết gia của kỹ thuật khủng bố.

Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng sai lầm trong chọn lựa ác độc là tiêu diệt các đảng phái quốc gia khác như Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Nếu không cuộc đấu tranh giành độc lập sẽ dễ dàng hơn nhiều và có thể không cần thiết. Nhưng cũng phải nhìn nhận rằng nếu không có chọn lựa này, nghĩa là nếu Việt Nam tiến tới độc lập một cách tương tự như đa số các quốc gia khác, thì rất có thể đảng cộng sản sẽ không giữ được thế chủ động và chắc chắn sẽ không là đảng cầm quyền hiện nay. Sai lầm cho quyền lợi dân tộc nhưng không sai lầm cho tham vọng quyền lực của chính họ. Sai lầm này, nếu có thể gọi là sai lầm thay vì là một tội ác, nằm trong sự cuồng tín vào chủ nghĩa Marx-Lenin. Không nên quên rằng đảng cộng sản đã ra đời và mạnh lên như một đảng phục vụ cho một chủ nghĩa chứ không phải cho dân tộc. Khẩu hiệu "yêu nước" chỉ được đưa ra cho nhu cầu chinh phục miền Nam, sau năm 1960.

Tất cả những nhận định trên đây không biện minh cho thái độ căm thù đảng cộng sản.

Đảng cộng sản không phải là một âm mưu của một kẻ thù từ bên ngoài. Nó là một sản phẩm tự nhiên của nền văn hóa Khổng Mạnh truyền thống của chúng ta. Nó cũng là một chủ nghĩa tập thể và chuyên chính, cũng phủ nhận cá nhân và cá nhân tư tưởng, cũng bài xích thương mại và quyền tư hữu, cũng độc tôn và giáo điều như Khổng giáo. Ngay cả sự hung bạo và chính sách lý lịch ba đời của nó cũng có sẵn trong truyền thống của nước ta. Nó xuất hiện tại Á Đông như một công thức cải tiến Khổng giáo. Xã hội Việt Nam vào năm 1945 đã chín muồi cho một chủ nghĩa như thế. Nên nhớ rằng cho tới năm 1945 không có một đảng chống cộng nào tại Việt Nam cả. Chính sự độc ác của đảng cộng sản đối với những người không hoàn toàn đồng ý với họ đã tạo ra lập trường chống cộng. Sự chống đối đảng cộng sản đã chỉ tăng lên một cách một cách mạnh mẽ sau 1975, sau khi chủ nghĩa cộng sản toàn thắng và chứng tỏ sự tồi dở của nó. Tuy vậy "bản chất cộng sản", nghĩa là sự độc đoán, bất dung và gian trá vẫn còn hiện diện rất mạnh trong tâm lý và văn hóa Việt Nam. Hãy thử nhìn những người chống cộng cực đoan, họ không khác gì những người cộng sản giáo điều.

Đảng cộng sản cũng là sản phẩm của sự thiếu vắng tư tưởng của người Việt Nam. Một xã hội Khổng giáo muốn tiến lên dân chủ mà không cần trải qua giai đoạn chuyển tiếp cộng sản cần một tiến bộ vượt thoát về tư tưởng mà chúng ta không có.

Nhưng quan trọng hơn hết, chế độ cộng sản đã là sản phẩm của sự suy sụp của ý thức quốc gia của người Việt Nam. Nước ta đã tồn tại được như một nước riêng biệt nhờ địa lý đặc biệt hơn là nhờ tinh thần dân tộc. Biển cả cô lập chúng ta với thế giới bên ngoài, vách núi dãy đặc ngăn cách chúng ta với Trung Quốc. Chúng ta tồn tại được chủ yếu là vì địa lý đặc biệt đó, nhưng ý thức dân tộc của chúng ta rất yếu. Chúng ta đã chỉ sống dưới những chế độ nô lệ, nô lệ người Trung Quốc hoặc nô lệ những cường hào bản xứ. Những kẻ nô lệ không thể có tinh thần quốc gia mạnh.

Thêm vào đó, giai đoạn Pháp thuộc đã giáng một đòn nặng vào tinh thần quốc gia vốn đã yếu của chúng ta. Đó là một giai đoạn trong đó chúng ta mất nước và bị ngoại thuộc, nhưng đồng thời cũng là giai đoạn mà cuộc sống của người Việt Nam được cải thiện một cách ngoạn mục nhất, về cả tinh thần lẫn vật chất; điều này càng khiến nhiều người Việt Nam khó thấy sự cần thiết của đất nước. Không thể phủ nhận rằng lần đầu tiên trong lịch sử nước ta một đảng không những không đứng trên lập trường dân tộc mà còn kêu gọi xóa bỏ quốc gia, không kêu gọi đoàn kết dân tộc mà còn kêu gọi hận thù giữa các thành phần dân tộc, đã được ủng hộ mạnh mẽ nhất. Và cũng không thể phủ nhận rằng đã có rất nhiều người đã hy sinh một cách rất dũng cảm cho chủ nghĩa cộng sản.

Nói chung đảng cộng sản và chế độ cộng sản đã là sự bài tiết của cơ thể Việt Nam bệnh hoạn. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm và đều là nạn nhân. Cũng có thể nhận định rằng những nạn nhân đáng thương nhất chính là những người cộng sản vì họ đã bị di sản lịch sử và văn hóa, sự mê muội hay hoàn cảnh, cuốn hút vào một công trình đập phá đất nước.

Ngày nay ở tuổi 75, đảng cộng sản là một cơ thể già nua, to béo nhưng suy nhược với đủ các tật bệnh. Nó mất lý tưởng và ý chí, bị tham nhũng đục khoét, bị xung đột nội bộ làm chao đảo, bị nhân dân thù ghét và thế giới khinh bỉ. Trầm trọng nhất, nó không có tương lai bởi vì đã không tạo ra được một thế hệ lãnh đạo mới. Nó đang sống những ngày ỳ ạch cuối cùng.

Ở một góc nhìn, đảng cộng sản cũng giống như một đời người. Nó đã sống quá tuổi 75, đã phấn đấu nhiều, đã thành công, đã trở thành giàu có và danh giá, và sẽ chết ở tuổi xấp xỉ 80, nghĩa là đã khá thọ. Đó là một người khá may mắn, nhưng không có ích cho ai và sẽ không được nhớ đến với tình cảm và lòng biết ơn.

Giai đoạn cộng sản đang chấm dứt. Người Việt Nam không có lý do để quý mến đảng cộng sản, nó phá hoại nhiều hơn là xây dựng, nhưng cũng không có lý do để căm thù nó, vì nó chỉ là một sản phẩm tình cờ nhưng tự nhiên của lịch sử. Vấn đề là phải rút ra những bài học từ kinh nghiệm cộng sản. Các bài học đơn giản nhất có thể là phải dứt khoát từ chối bạo lực như là một phương tiện để giải quyết những tương quan giữa người Việt Nam với nhau, phải ý thức rằng không quốc gia nào có thể tồn tại và tiến lên nếu thiếu tư tưởng và phải hiểu rằng yêu nước Việt Nam trước hết là yêu người Việt Nam, kể cả và nhất là những người khác ý.

Trước mắt cần xây dựng một ý thức quốc gia đứng đắn làm nền tảng cho mọi cố gắng chính trị. Ý thức đó là coi quốc gia như một tình cảm, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Không gian quốc gia đó chỉ có thể có sau một cố gắng hòa giải bền bỉ.

Nguyễn Gia Kiểng

Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Đầu Xuân 2005 :

Gà Ất Dậu gáy vang Bình Minh Thế kỷ

* Ất Dậu xưa và nay * Tín hiệu Xuân * Đi với thời đại ? * Đại hội X : 2 lựa chọn *
* Tư duy trẻ tiến đưa nếp nghĩ cổ hủ * Vẫy nhau : lên đường ! *

Gà trống Ất Dậu 2005 khỏe khoắn dướn cổ cất cao tiếng gáy chào mừng Bình Minh thế kỷ XXI.

Ất Dậu xưa - 60 năm trước - niềm vui lớn xen cùng thảm họa. Phát-xít sụp đổ, đầu hàng ; niềm vui không trọn sau hai quả bom nguyên tử tàn sát dân thường Nhật Bản. Trên nước ta, phát-xít Nhật lật nhào thực dân Pháp, rồi những ngày hào hùng Cách mạng tháng Tám tiếp theo nạn đói khủng khiếp.

60 năm biến dâu, đây áp sự kiện đáng nghiên ngẫm cho một đời người. Đại nguyên soái Staline, "cứu tinh nhân loại", "người Ông hiền từ" trong thơ Tố Hữu bị chính dân Liên Xô đưa xác ra khỏi lăng giữa Hồng trường, với lời kết án : kẻ độc tài, hai tay đầy máu, chịu trách nhiệm chính về cái chết của hơn 20 triệu *gulag*, phú nông, trí thức, giáo dân, dân tộc thiểu số, hàng triệu đảng viên cộng sản cứng đầu và hơn 200 ủy viên trung ương và ủy viên bộ chính trị vốn là đồng chí của chính ông ta. "Người Ông hiền từ" ấy, chỉ bằng một nét bút giữa tháng 3-1940 đã kết liễu đời của 14.734 sĩ quan Ba Lan (có 295 viên tướng) trong rừng Katyn, rồi vu cáo cho quân Đức về tội ác tày đình ấy. Tháng 4-1990 tổng thống Gorbachốp công nhận sự thật lịch sử này, công bố *Tờ trình* của trùm mật vụ Béria ngày 5-3-1940, có chữ ký xét duyệt của Staline ở cạnh, đề nghị mật tiêu gấp số sĩ quan trên, là tinh hoa của dân tộc Ba Lan kiên cường chống mọi thế lực xâm lược Đức, Xô.

Biến dâu hoàn hảo nhất trong 60 năm qua là sự lớn mạnh một thời của phe xã hội chủ nghĩa bao trùm từ Âu sang Á, còn mở rộng sang châu Mỹ và châu Phi, đi đầu trong phóng vệ tinh và đưa tàu có người lái lên vũ trụ, bỗng nhiên sụp đổ tan tành, tiếp sau sự sụp đổ của bức tường Berlin. Mặc cho đến nay vẫn còn có người hối tiếc cuộc đổi thay lớn nhất thế kỷ 20 ấy, cho rằng đó chỉ là một "trục trặc đáng tiếc của lịch sử", một tai nạn tạm thời trái quy luật... để chửi rửa không ngớt "bọn cơ hội hữu khuynh cấu kết với bọn đế quốc" (!), đông đảo các nhà khoa học xã hội có thái độ khách quan đều cho rằng : sự sụp đổ ấy là kết quả tất yếu, hợp quy luật, hợp cả lẽ công bằng của tạo hóa và xã hội loài người ; nó giải thoát hàng mấy trăm triệu dân trong hàng chục nước khỏi sự cai trị của chế độ độc đoán-độc đảng-độc tài, chà đạp tự do của mọi công dân, giải phóng họ khỏi ảo tưởng hão huyền về một xã hội tiên tiến (!), công bằng (!) không có bóc lột, áp bức (!), thực tế lại là những xã hội đầy bất công, tham nhũng, không pháp

luật, thiếu vắng nhân tính, lạc lõng giữa thế giới loài người.

Chính vì vậy, xuân này gà Ất Dậu gáy vang báo tin mừng cuộc Cách mạng Cam thắng lợi ! Nước Ukraine rộng gấp đôi Việt Nam, 48 triệu dân, sau 14 năm độc lập nhưng vẫn bị phụ thuộc vào nước Nga, qua bầu cử tự do được chứng kiến bởi 12.000 quan sát viên quốc tế, đã tín nhiệm

Viktor Yushchenko, người có lập trường độc lập dân tộc, gắn bó với những giá trị dân chủ của thời đại, lên làm tổng thống.

Ở Việt Nam, tiếng gà Ất Dậu cũng gáy vang, khỏe khoắn, liên hồi. Hai nhà dân chủ Phạm Quốc Dương và Trần Khuê ngẩng cao đầu, lên tiếng đồng đạc hơn sau khi bước ra khỏi nhà tù trong sự quý mến của đông đảo bạn bè, bản án trở trên "làm gián điệp" rơi tõm trong sự khinh bỉ kẻ cầm quyền ngu xuẩn ; nhà khoa học Nguyễn Thanh Giang bền bỉ hầu chuyện bà con trong

ngoài nước về hai hiệp định Việt-Trung làm mất hơn một vạn kilômét vuông đất và biển của tổ quốc, xúc phạm hàng triệu sinh linh liệt sĩ, về vụ án Tổng cục 2 bán mình cho bọn bành trướng, phá hoại an ninh quốc gia.

Nhà thơ Bùi Minh Quốc lại ngâm vang bài thơ "*Các anh Tháng Tám đâu rồi ?*", như lời gọi tâm huyết :

Các Anh đâu rồi ? Các người Tháng Tám !

Chẳng lẽ khoanh tay nhìn tấn trò bội phản

Dân tộc này bị vỡ nợ Tự do ?

Kìa em gái Trường Sơn hiện hồn về nhìn tôi đau đau :

Tháng Tám ơi ! Tháng Tám nước non mình !

Tôi lại đi lầm lũi cuộc hành trình

Chỉ có thể thôi ! Thơ

Với cường quyền Đối mặt.

Sống trong tôi là triệu người đã khuất

Đang thét đòi món nợ : Tự Do !

Có gì cay đắng hơn, ô nhục hơn, 60 năm sau Cách mạng Tháng Tám, dân tộc này vẫn chưa có tự do, nhất là tự do của mỗi người công dân ! Mà kẻ mắc nợ dân ta, kẻ tịch thu quyền tự do của dân ta oái oăm thay lại chính là đảng cộng sản ; tước quyền tự do tôn giáo, tự do báo chí, tự do bầu cử, quyền người dân được xét xử công bằng theo luật, suốt 60 năm nay còn tệ hơn thời thực dân !

Chính vì thế, tiếng gà Xuân Ất Dậu vang động chào đón lời đề nghị mới mẻ của nhà toán học Phan Đình Diệu, mạnh mẽ, dứt khoát : "*Vì quyền lợi của dân tộc, đảng cộng*

sản phải tôn trọng quyền dân chủ, kể cả quyền lập đảng, của xã hội, và phải có một chế độ đa đảng hoạt động trong phạm vi luật pháp". Từ trong nước cho biết yêu cầu lập đảng chính trị mới đã khá là chín muồi trong xã hội, vì nhà trí thức Phan Đình Diệu không là đảng viên cộng sản, lại có chân trong Đoàn chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, là một học giả hàng đầu ngành toán học, có hàng mấy trăm đồ đệ trẻ thông minh, năng động ; ông thường có những buổi nói chuyện cho trí thức, các nhà kinh doanh trẻ, các cụ về hưu, tại Viện khoa học Việt Nam và Viện toán học... rất được hoan nghênh ; đề nghị của ông không chỉ là ý kiến cá nhân, mà là của đông đảo nhân vật ưu tú vài nghìn người nặng lòng với vận mệnh của đất nước.

Tiếng gà Xuân Ất Dậu còn vang động với sự xuất hiện khảng khái của anh kỹ sư trẻ Phương Nam - Đỗ Nam Hải, với năm bài luận văn già dặn, đậm tình với dân, với nước, với lời đề nghị giản dị mà sâu sắc, thực hiện một cuộc "trưng cầu dân ý" : *độc đảng hay đa đảng ?* Nét mới rất đẹp của hiện tượng Phương Nam là sau khi anh chủ động ra công khai thì lập tức hàng chục bạn trẻ trong nước lên tiếng ủng hộ anh trên internet, với bài viết mạnh mẽ của bạn trẻ Huỳnh Việt Lang (Sài Gòn), cũng như hàng chục bạn trẻ ở hải ngoại, với hai bài viết sâu sắc của bạn Trà Bồng từ nước Úc. Chiến sĩ dân chủ Phương Nam trả lời đảng hoàng nhiều cuộc phỏng vấn của ba đài phát thanh quốc tế. Nét đẹp độc đáo của anh là trên cơ sở đọc nhiều, biết nhiều, suy luận nhiều, tư duy anh luôn tỉnh táo để tự mình tìm ra lời giải cho mọi vấn đề, thẩm tra lại mọi kết luận có sẵn, không chấp nhận "ăn sẵn". Cái tư duy độc lập, khoa học, tự tin ở chính mình sao mà cần thiết trong một chính thể toàn trị, khi người ta cố tình nhồi nhét những chân lý giả có sẵn, những định kiến giáo điều vào mọi tư duy non nớt từ thời ấu thơ, từ khi bập bẹ biết nói, biết hát, để mà yêu, yêu say đắm, nhắm mắt mà yêu "Ông này", "Bác nọ", "phe này", "đảng nọ", "chủ nghĩa này", "học thuyết nọ"... suốt cả một đời, không suy suyển một ly !

Trên đất nước Việt Nam ta, Xuân Ất Dậu này, không hiếm những tín hiệu Xuân. Hãy quan sát cho sâu, nhìn cho kỹ, để không bị quan, nản chí. Đổi mới, mở cửa, trao đổi hàng hóa, thông tin trong ngoài nước, đi về tấp nập, đường phố nghe nói đủ thứ tiếng Tây, Tàu, Nhật, Ấng-lê..., điện thoại cầm tay, internet... đã đưa xã hội ta ra khỏi đáy giếng sâu, cách ly thế giới, để hòa nhập nhanh vào thế giới mới. Người Việt ta nay chẳng phải cần phải uyên bác gì để hiểu ra rằng về mặt trình độ sản xuất, ta chậm tiến hơn nước Thái lan láng giềng đến 20 năm, rằng ta "được" xếp hạng gần quán quân về nạn tham nhũng bất trị, gần "bết dem" về tính công khai - trong sáng (transparency) của công quyền, rằng trường đại học quốc gia Việt Nam được xếp thứ 62 trên 65 trường đại học châu Á về chất lượng, rằng nền tư pháp ta nếu dự thi quốc tế sẽ giật gù nhất về bất chấp luật pháp và lẽ công bằng ! Người dân, trí thức, tuổi trẻ vỡ lẽ dần, để rồi hiểu hết, hiểu rõ, không còn mù, bị động như xưa, để suy ngẫm, nuôi dưỡng tư duy độc lập, hành động theo lương tri có sẵn trong mỗi con người.

Cho nên khi cô nhà báo Nguyễn Thị Lan Anh bị cưỡng

quyền truy tố về tội "chiếm đoạt bí mật nhà nước" (!), cấm cô rời nơi cư trú chỉ vì cô đã quá xót thương dân nghèo ốm đau phải mua thuốc giá cao của bọn đầu cơ Zuellig Pharma hùn vốn với bọn quan chức bộ y tế, tố cáo bọn chúng trên báo *Tuổi Trẻ*, thì hàng chục, rồi hàng trăm tiếng nói lập tức vang lên bên vực cô, không chỉ trên các báo *Tuổi Trẻ*, *Lao Động*, *Sài Gòn Giải Phóng*, *Thanh Niên*, mà cả trên hơn một chục báo địa phương. Các luật sư trẻ tình nguyện bên vực cô giữa tòa án của chế độ ; các sinh viên luật cũng lên tiếng đòi công bằng cho cô nhà báo ngay thẳng, có công tâm này ; nhiều nhà hảo tâm cam kết sẽ nuôi con gái 4 tuổi của cô nếu cô bị tù. Chỉ có Hội nhà báo (quốc doanh) là im thin thít ! Xưa kia, ai bị chính quyền chỉ mặt là bị cả xã hội xa lánh, sợ bị "liên quan". Nay mọi sự không còn như trước. Gió đã đổi chiều ! Mùa Xuân đến rồi đó ! Chính quyền hủ lậu, lão hóa trừng phạt nhà báo trẻ hóa ra lại vinh danh cô !

Những phản ứng mạnh mẽ, tức thời của công luận trong nước khi lính Trung Cộng tàn sát ngư dân Việt Nam (bắn chết 9, bắn bị thương 7, bắt đi 8 người) trong vịnh Bắc bộ, rồi vụ cáo đó là cướp biển, cũng mang đậm nét của thời đại mới. Người dân trong nước lập tức phẫn nộ phê phán thái độ hèn yếu của thủ tướng họ Phan sau sự kiện bi thảm trên xảy ra có bốn ngày, đã bắt tay rất chặt bà Cố Tú Liên, phó chủ tịch quốc hội Trung Quốc, cười nhạo nhỡ ca ngợi rằng tình hữu nghị Việt-Trung đang phát triển tốt đẹp !

Năm Ất Dậu 2005 còn là năm diễn ra Đại hội của Đảng Cộng Sản Việt Nam từ cơ sở (chi bộ thôn, xã, phường, đại đội) đến quận, huyện, tiểu đoàn, trung đoàn, rồi lên đến cấp tỉnh, thành, sư đoàn, quân đoàn, quân khu ; rồi đại hội toàn quân, toàn lực lượng công an và các cơ quan trung ương... vào cuối năm, để đến đầu quý II 2006 sẽ họp đại hội đảng toàn quốc lần thứ X. Tất cả các cấp đều thảo luận, góp ý vào các bản đề cương chi tiết : *Báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương khóa IX, Tổng kết 20 năm đổi mới 1986-2005, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010, Báo cáo xây dựng đảng, bổ sung, sửa đổi điều lệ đảng*, đồng thời bầu lại cấp ủy đảng các cấp và cử đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên ; Đại hội toàn quốc sẽ bầu ra Ban chấp hành trung ương mới gồm 150 người, và ban này sẽ bầu ra Bộ chính trị mới gồm 15 người.

Quá trình các đại hội đảng các cấp sẽ diễn ra như thế nào, được Bộ chính trị hiện nay định hướng ra sao, sẽ có thể dẫn đến những thay đổi lớn, nhỏ, theo hướng nào ? Liệu đảng có dám mạnh dạn đưa ra thảo luận đề nghị của ông Phan Đình Diệu và ông Hà Nghiệp (từng là trợ lý của tổng bí thư Trường Chinh) đổi đảng cộng sản thành đảng xã hội dân chủ hay dân chủ xã hội chủ nghĩa, thay học thuyết "đấu tranh giai cấp", "chuyên chính vô sản" bằng "đoàn kết dân tộc" và "hợp tác giai cấp", như ở các nước Bắc Âu thanh bình và phát triển cao bậc nhất thế giới : Na Uy, Thụy Điển ? Liệu đảng cộng sản có lắng nghe ý kiến của đảng viên lão thành Nguyễn Trọng Vĩnh từng là trung tướng, ủy viên trung ương đảng, kiến nghị các đại hội từ nay tăng số ứng cử và đề cử lên gấp đôi số cần bầu vào

mỗi cấp ủy, để các đại biểu rộng đường lựa chọn, và không nên đưa ra "danh sách hướng dẫn" bầu cấp ủy, thực tế là vi phạm quyền lựa chọn tự do của các đại biểu. Phải chăng hai vấn đề hệ trọng nhất làm xáo động nội bộ đảng và xôn xao xã hội là việc ký kết hai hiệp định Việt-Trung và vụ án siêu nghiêm trọng "Tổng cục 2 và T4" nay sẽ không còn bị bộ chính trị ếm nhèm, bóp chết, đưa đến một cuộc thảo luận rớt ráo, đúng thẩm quyền của ban chấp hành trung ương đảng, của Đại hội ?

Xem ra những mong chờ và dự đoán lạc quan như trên đây vẫn còn là tương lai. Đại hội X chỉ có hai lựa chọn : dừng lại hay tiến lên phía trước một cách chủ động, quả đoán, không ngập ngừng.

Bộ chính trị hiện tại vẫn tỏ ra mềm yếu về chính trị, thiếu tầm nhìn chiến lược, không có khả năng đột phá trong lãnh đạo - đúng như ông Đặng Quốc Bảo đã chỉ ra. Họ chưa dám dứt khoát đi với thời đại. Họ thuộc về quá khứ, ngoài cổ ngấm về những hào quang "ảo", về những kỷ niệm đủ loại để gióng cờ, đánh trống, tế lễ theo những giáo lý xa xưa, hơn là tự tin, hứng khởi, khoác vai thế giới dân chủ - văn minh, cùng mạnh bước đến tương lai, trong ánh bình minh chói sáng của thế kỷ mới.

Đầu Xuân này, Đảng Cộng Sản Việt Nam đang đứng trước một nguy cơ hiểm nghèo. Nhóm người của tướng Lê Đức Anh tuy đã bị đông đảo đảng viên và hầu như toàn xã hội vạch mặt chỉ tên, vẫn ngang nhiên nắm giữ bộ máy tình báo quân sự, với quyền hạn không hạn chế, để mặc sức lũng đoạn nền chính trị của đất nước, đặc biệt là đang rắp tâm khống chế quá trình chuẩn bị đại hội đảng toàn quốc lần thứ X, khởi động từ cuộc họp hội nghị trung ương lần thứ 11 (khóa IX). Nhóm bị cáo về "trọng tội phá hoại đảng, phá hoại đất nước" này đang tận dụng thế yếu ớt của bộ chính trị, một mực che giấu đông đảo đảng viên và xã hội vụ án tày đình Tổng cục 2 để hồng thoát cảnh bị truy tố và bị kết án. Cuộc vật lộn điên cuồng để tồn tại và sống sót của nhóm tội phạm này đang diễn ra. Chúng khống chế một số nhân vật của bộ chính trị hiện tại, vì nắm chắc nhược điểm và điểm yếu của từng người - như từng nắm giữ chứng cứ đầy đủ về vụ ăn hối lộ cả triệu đôla của cựu tổng bí thư họ Đỗ, như từng nắm giữ tập phim và ảnh hành lạc của cựu tổng bí thư họ Lê Khả với các ả Hà và ả Dung, nhân viên của chúng.

Hơn nữa, hầu hết thành viên Bộ chính trị còn sợ rằng nếu vụ Tổng cục 2 bị phơi bày trước công lý thì một vụ án còn lớn hơn rất nhiều và trực tiếp liên quan đến trách nhiệm của họ là vụ ký kết hai hiệp định Việt-Trung, để mất đất, mất hơn 11 vạn kilômét vuông lãnh hải cho Trung quốc, cũng sẽ bị mở ra. Bọn tội phạm cầm đầu vụ án Tổng cục 2 đã chơi đòn hiểm : buộc chặt hai vụ án với nhau để hù dọa nhà cầm quyền chớp bu rằng : "bọn này chết thì các ngài cũng chết theo, cứu bọn này là các ngài tự cứu vậy!".

Ngay từ sau hội nghị trung ương thứ 10 (tháng 7-2004), trong đó có một số ủy viên trung ương chất vấn về vụ Tổng cục 2, nhóm tội phạm đã giật mình, rất sợ bị tách riêng ra, bị cô lập và bị xử trí, chúng bày ra quỷ kế là "đồng nhất hóa" Tổng cục 2 với bộ quốc phòng, với quân đội nhân

dân, thậm chí "đồng nhất hóa" Tổng cục 2 với đảng cộng sản và nhà nước, lu loa rằng đánh vào Tổng cục 2 là đánh vào quân đội, vào đảng và chế độ (!) ; chúng lên án lực lượng "đối lập cấp tiến" trong và ngoài nước đang dùng vụ này để đánh sập đảng cộng sản và chế độ. Do đó chúng vội vã nặn ra bản báo cáo của Bộ quốc phòng đề ngày 24-8-2004 nhằm thoát khỏi thế bị cô lập và trừng phạt. Thế nhưng bản báo cáo ấy đã phơi bày ra một sự thật được che giấu kỹ là : trong khi leo lên rằng Việt Nam thật lòng coi mọi nước là bè bạn, thì thật ra Hà Nội vẫn một mặt coi Hoa Kỳ là kẻ thù nguy hiểm nhất, mặt khác coi Trung Quốc là bạn đồng minh chiến lược vì cùng chung chế độ và học thuyết chính trị, mặc dù Bắc Kinh không mặn mà gì với sự kết thân và quy lụy này, họ còn trích thượng lẩn tới.

Vào Xuân Ất Dậu 2005, nhóm bảo thủ cực đoan trong Bộ chính trị đã tự mình tách riêng ra để khống chế cuộc họp lần thứ 11 của ban chấp hành trung ương (17/25-1-2005), một cuộc họp cực kỳ quan trọng, định hướng cho các cuộc họp sắp tới từ cơ sở lên đến đại hội toàn quốc lần thứ X. Trước cuộc họp của trung ương, nhóm sáu người : Trần Đức Lương, Trần Đình Hoan, Phạm Văn Trà, Nguyễn Khoa Điềm, Phan Diễm, Lê Hồng Anh đã họp riêng, chủ tọa trên thực tế bởi Đỗ Mười và Lê Đức Anh ; hai người này tuy không còn có một chức vụ gì nữa, song vẫn cứ làm y như là còn nắm chắc chức tổng bí thư và chức chủ tịch nước, như mười năm trước vậy ! Họ quyết định giữ vững chủ trương không để cho trung ương bàn đến hai vấn đề hù y ký là vụ Tổng cục 2 và vụ hai hiệp định Việt-Trung ; họ quyết định mở ra rất rộng hội nghị trung ương một cách vô nguyên tắc, cho hơn 60 người không phải ủy viên trung ương tham dự, để tạo nên một đa số áp đảo, uy hiếp và khóa mồm những người muốn đưa ra thảo luận hai vấn đề nói trên. Trong cuộc họp riêng, Đỗ Mười còn hung hãn yêu cầu khai trừ tướng Nam Khánh ra khỏi đảng. Lê Đức Anh được thể cũng đòi khai trừ luôn cả tướng Võ Nguyên Giáp ! Họ tưởng rằng nhóm họ đã nắm các mảng quyền lực chủ yếu: chủ tịch nước, thường trực bộ chính trị, ban tổ chức đảng, ban tư tưởng-văn hóa, bộ quốc phòng, bộ công an là quá đủ để dám làm bất cứ điều gì ! Họ khinh thường tổng bí thư Nông Đức Mạnh, cho là do yếu kém, nhu nhược, ông Mạnh sẽ phải tuân theo gậy chỉ huy của họ. Điều đáng chú ý là trong cuộc họp ông Phan Diễm tỏ ra rất e ngại việc khai trừ hai ông tướng và ông Lê Hồng Anh tỏ ra hết sức dè dặt, không phát biểu một câu nào.

Còn tám vị ủy viên bộ chính trị còn lại, bị nhóm cực đoan trên đây cho ra rìa, vẫn cứ im thin thít, lại còn cúi đầu diễn theo kịch bản của chúng ! Điều trở trêu là những ông Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải, Trương Tấn Sang, Nguyễn Văn An, Nguyễn Minh Triết... đều bị nhóm Tổng cục 2 bôi nhọ và vu cáo, thế mà vẫn cứ răm rắp tuân theo ý chúng. Điều trở trêu nữa là tám vị này tuy công nhận là phe tướng Giáp có lý, có lẽ phải, tướng Anh sai lầm nghiêm trọng, nhưng không dám chống lại nhóm thiểu số vì nhóm này có nhiều quyền thế hơn, có trong tay công cụ an ninh tào tợn. Với biện pháp nghiệp vụ tình báo hiểm độc, tinh vi, nhóm Tổng cục 2 chắc hẳn đã nắm gậy các

ngài, qua những hồ sơ, chứng từ tham nhũng cực lớn, hoặc qua những bằng chứng về sa đọa đạo đức bỉ ổi mà chúng đã giăng bày được.

Cuộc vật lộn giữa thế lực tiêu biểu của hai ông đại tướng chưa thể chấm dứt. Nó còn có thể diễn ra âm ỉ, ngấm ngấm, dai dẳng suốt năm 2005, sang cả năm 2006. Cuộc vật lộn này vẫn là đề tài sôi nổi của công luận xã hội, là đề tài bàn luận lý thú của vô số người ham mê thời sự vốn rất đông đảo ở nước ta, cho những người ham mê tiểu thuyết trinh thám, giật gân, cả những kẻ say mê cờ bạc, cá độ. Trong thời đại của computer, của điện thoại cầm tay, của internet, của email, của thông tin cực nhanh, mọi cấm đoán, cấm nghĩ, cấm bàn, tưởng lửa... chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Họ không có cách nào bóp nẹt, dập tắt được.

Hơn nữa, thế lực đòi đưa ra công khai vụ án Tổng cục 2 vô cùng đông đảo, ý chí tiến công và mưu lược "loại siêu", không dễ gì bỏ cuộc. Những đại tướng Chu Huy Mân, Nguyễn Quyết, những thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, Hoàng Minh Thảo, Phùng Thế Tài, Hoàng Cầm, Lê Ngọc Hiền..., những trung tướng Lê Tự Đồng, Phạm Hồng Sơn, Phạm Hồng Cư..., rồi Anh hùng Công an Nguyễn Tài, vô vàn cựu chiến binh gan góc như Trần Đại Sơn, Vũ Cao Quận cùng đồng đội... là lực không thể đánh giá thấp !

Trong những cuộc họp và trong tài liệu của họ, như trong báo cáo của bộ quốc phòng do Tổng cục 2 thảo ra, nhóm chóp bu cực đoan nhiều lần cay cú nói đến các chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước, mà họ gọi là những kẻ phản động cấp tiến (!). Họ nhiều lần nhắc đến tên tôi. Tôi không trả lời những lời vu cáo của họ ; tôi chỉ xin nhân đây thưa chuyện với đồng bào thân yêu rằng : chúng tôi không hề xúi giục ông tướng nào lên tiếng chống đảng cả ; đại tướng Võ Nguyên Giáp hay thượng tướng Nam Khánh chẳng cần đến sự xúi giục của anh chị em dân chủ trong và ngoài nước để viết những bức thư dài ấy. Chúng tôi không đứng về phía nào, không bênh ông tướng nào. Chúng tôi chỉ mong muốn mọi sự được giải quyết công khai, đàng hoàng, trong ánh sáng quang minh chính đại của toàn xã hội, theo lợi ích toàn xã hội chứ không theo đặc quyền đặc lợi của phe nhóm, theo tính trong sáng (transparency) của thời đại mới, chứ không trong sự tù mù, che che giấu giấu của các hội kín.

Và nhân đầu Xuân, cũng xin chúc các vị có chức có quyền minh mẫn để nhìn ra một sự thật, đó là : phá hoại đảng cộng sản, phá hoại uy tín của đảng, phá hoại tình đoàn kết nội bộ của đảng, không có lực lượng thù địch, cấp tiến nào làm được đâu. Chính các vị trên cương vị lãnh đạo đảng ở tầng cao nhất đang làm nên cái "kỳ tích" ấy. Và không có kẻ thù đế quốc cùng phản động quốc tế hay trong nước nào đã có thể làm cho đất nước tụt hậu thê thảm như hiện nay.

Về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đạo đức, tâm linh, nếp sống xã hội, xin đừng đổ lỗi cho người khác. Tình hình ấy là do chế độ độc quyền chính trị, độc đảng, độc đoán, "một mình một chiếu", mà các vị tổ ra kiên trì một cách mù quáng, chỉ vì tư lợi. Khi xã hội thiếu vắng tự do

tư tưởng, tự do báo chí, tự do bầu cử, người công dân không được ngừng cao đầu nói lên điều mình nghĩ, thảm họa và lạc hậu là tất yếu. Xin các vị đọc nhật ký *Rồng Rắn* của chiến sĩ dân chủ Trần Độ, trong đó người cộng sản kỳ cựu sau khi lên đến tột đỉnh danh vọng và quyền lực, cuối đời đã nghiền ngẫm để nhận rõ rằng : cái chế độ quái gở phi nhân do đảng cộng sản xây dựng trên nước ta đã tàn phá đất nước này cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, không kém gì tên bạo chúa Tần Thủy Hoàng ở Trung Hoa và bọn phát-xít Hít-le ở châu Âu cộng lại !

Mùa Xuân, sự vật sinh sôi như trẻ lại. Hơn bao giờ hết, đất nước Việt Nam cần những tư duy trẻ để phục hưng đất nước, hòa nhập với thế giới dân chủ văn minh. Đi với thời đại đang là nhu cầu bức thiết. Các chế độ độc đoán quanh nước ta đã nối gót nhau đi vào quá khứ. Thái Lan, Philippin, Nam Dương, Mã Lai... đều thực hiện bầu cử dân chủ theo chế độ đa đảng. Gần ta, chế độ độc đoán Myanmar đang bị cô lập và lên án. Qua gần 20 năm đổi mới, qua mở cửa và hội nhập với thế giới, nhân dân ta đã có quá đủ thực tế để so sánh, suy ngẫm, lựa chọn về nhu cầu trẻ hóa, hiện đại hóa chế độ chính trị nước ta, từ biệt không thương tiếc những quan điểm chính trị cổ hủ, lạc hậu, lão hóa.

Tiếng gà Ất Dậu 2005 đang cất lên vang động, kêu gọi tuổi trẻ Việt Nam hãy tỉnh dậy, hãy vẫy nhau lên đường, dẫn thân cho sự nghiệp cứu nước cấp bách là Dân Chủ Hóa Quê Hương !

Những ngày Xuân Ất Dậu này, mong ước cháy bỏng cũng là niềm tin vững chắc của tôi là Tuổi trẻ Việt Nam hiện chiếm số đông cử tri nước ta, vươn dậy làm chủ vận mệnh và tương lai đất nước, sát cánh cùng các vị thuộc thế hệ đi trước tuổi cao nhưng sức nghĩ trẻ lại với mùa Xuân, chung sức đưa Việt Nam vào kỷ nguyên dân chủ tự do, hòa nhập về mọi mặt với thế giới văn minh, dân chủ hiện đại.

Tiếng gà Ất Dậu gáy vang Bình minh của thế kỷ 21 với muôn vàn nét Xuân trong tạo vật và tư duy, chào mừng nhân dân Ukraine vừa qua bầu cử tự do thiết lập nền dân chủ trẻ trung ; chào mừng chiến sĩ dân chủ Phương Nam Đỗ Nam Hải công khai dẫn thân cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước ; biểu dương nhà báo trẻ Lan Anh có trái tim thương kẻ nghèo khó không mua nổi thuốc đất vì bọn đầu cơ. Tiếng gà như thét niềm phấn uất lên án bọn lính bành trướng Tàu giết hại ngư dân Thanh Hóa trong sự làm ngơ của giới cầm quyền nhu nhược ; tiếng gà còn gáy vang đón chào thiển sư Nhất Hạnh trở về thăm quê hương cùng gần 200 tăng ni Phật tử quốc tế, với lời phát biểu ngay thẳng với nhà cầm quyền Việt Nam : "*xin quý vị đừng có e ngại dân chủ và nhân quyền !*", "*thực hiện dân chủ và nhân quyền chỉ mang lại những điều tốt đẹp cho đất nước !*".

Chỉ vài sự kiện tiêu biểu trên đây cũng đủ làm cho những ngày Xuân Ất Dậu này làm dậy lên niềm tin sâu đậm ở tương lai, ở sự trẻ hóa của đất nước, ở sự kết thúc không sao tránh khỏi của một nền cai trị cổ hủ phi nhân, mà những rối loạn, đối xử tàn tệ, kiêu căng hào với nhau trong cung đình đang là những biểu hiện nổi bật nhất.

Bùi Tín (Paris)

Trung Quốc giết ngư dân Việt Nam

Sáng ngày 8-1-2005, hai tàu Việt Nam đang đánh cá ngoài khơi thì bị một số tàu Trung Quốc nổ súng tấn công dã man. Một chiếc chạy thoát về bờ biển Việt Nam với trên 400 vết đạn và một ngư phủ bị bắn chết. Chiếc tàu kia chịu số phận bi đát hơn : tám ngư phủ bị bắn chết tại chỗ, tám người khác bị thương và bị bắt đem về Trung Quốc.

Vụ thảm sát nghiêm trọng này đã chỉ được người phát ngôn viên ngoại giao Việt Nam, ông Lê Dũng, thông báo năm ngày sau đó. Ông Lê Dũng nói rằng đây là một sự kiện nghiêm trọng và yêu cầu phía Trung Quốc "*có các biện pháp tích cực nhằm ngăn chặn những hành động sai trái trên và cho điều tra xử lý nghiêm những kẻ bắn chết người*". Phản ứng quá chậm và quá yếu.

Ngày 15-1-2005, phát ngôn viên bộ ngoại giao Trung Quốc, ông Khổng Tuyên, tuyên bố rằng có ba tàu Việt Nam định bắn phá một số tàu đánh cá Trung Quốc, lực lượng tuần duyên Trung Quốc được cầu cứu đã tới giải cứu và vì ba tàu Việt Nam đã nổ súng trước nên lực lượng tuần duyên Trung Quốc "*đã bắn chết vài kẻ cướp có vũ khí và bắt tàu và tám kẻ khác cùng vũ khí, đạn dược và ngư cụ*". Khổng Tuyên cũng tuyên bố là những người bị bắt sẽ bị xét xử theo luật pháp Trung Quốc.

Năm ngày sau, ngày 20-1-2005, ông Lê Dũng lại lên tiếng một lần nữa yêu cầu chính quyền Trung Quốc trả lại cho Việt Nam những ngư dân đang bị giam giữ, thi hài những người đã chết và "*phối hợp với phía Việt Nam để điều tra làm rõ sự thật, báo cáo lên lãnh đạo hai nước*". Từ lời tuyên bố của ông Lê Dũng, người ta có thể suy ra rằng Trung Quốc đã xử lý một cách xác xược và đơn phương, coi chính quyền Việt Nam như không có.

Ngày 21-1-2005, cơ quan thông tấn Trung Quốc, *Tân Hoa Xã*, loan tin là những người bị bắt đã thú nhận từng thực hiện bốn vụ cướp trước đây.

Vụ này tuy chưa sáng tỏ, nhưng qua những tường thuật của các ngư phủ sống sót chạy về được bờ biển Việt Nam và những tuyên bố của hai chính quyền Trung Quốc và Việt Nam, người ta đã có thể có một số nhận định.

Trước hết là lời tuyên bố của phát ngôn viên Trung Quốc rất vô lý. Tại sao lại biết các tàu đánh cá Việt Nam định tấn công tàu Trung Quốc trong khi họ chưa hề tấn công ? Tại sao nếu quả thực muốn tấn công tàu đánh cá Trung Quốc họ lại không tấn công, đợi cho tàu tuần dương Trung Quốc đến giải thoát rồi lúc đó mới liều lĩnh bắn vào tàu hải quân Trung Quốc để bị tàn sát ? Hơn nữa phía Trung Quốc nói là có ba tàu Việt Nam trong khi chỉ có một chiếc tàu bị bắt và một chiếc tàu chạy thoát về bờ biển Việt Nam, chiếc thứ ba đâu ? Rõ ràng đây chỉ là lý của kẻ mạnh, muốn nói gì thì nói, nói để khiêu khích.

Các ngư phủ Việt Nam đều là những người đánh cá chuyên nghiệp, thuộc hợp tác xã Hùng Cường, huyện Hòa Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thuộc quyền kiểm soát của chính quyền Việt Nam. Họ hoàn toàn không có một tiền án, tiền

sự nào để có thể bị ngờ vực là cướp biển.

Sau đó là thái độ xác xược và trịch thượng của Trung Quốc. Bắn chết và bắt giữ công dân Việt Nam mà không thèm liên lạc với Việt Nam. Thái độ này chỉ có giữa hai nước đang có chiến tranh với nhau mà thôi. Trung Quốc và Việt Nam không có chiến tranh, hơn thế nữa Việt Nam lại rất quy lụy đối với Trung Quốc, không có lý do gì để Trung Quốc không thông báo cho phía Việt Nam để hai bên cùng phối hợp làm rõ sự thực như ông Lê Dũng yêu cầu. Giải thích duy nhất là Trung Quốc thấy mình hoàn toàn vô lý và không muốn để sự thật được làm sáng tỏ.

Chính quyền cộng sản Việt Nam đã tỏ ra tội tệ trong vụ này. Một sự kiện nghiêm trọng như thế mà phải tới năm ngày sau mới lên tiếng sau khi các hãng thông tấn thế giới đã loan tin và dư luận đã rất xôn xao. Phản ứng cũng quá yếu, chỉ dám đưa những yêu cầu với phía Trung Quốc và không dám nói sẽ làm gì nếu Trung Quốc không thỏa mãn yêu cầu. Một chính phủ có chút tự trọng chắc chắn đã phải đòi hỏi Trung Quốc thỏa thuận ngay cho các điều tra viên của mình tới gặp các nạn nhân để biết rõ sự thực, nếu không thì phải lập tức khiếu nại với các định chế luật pháp quốc tế. Trước thái độ lì lợm của phía Trung Quốc, Hà Nội cũng đã không dám làm cả một hành động rất thông thường trong bang giao quốc tế là triệu tập đại sứ Trung Quốc đến bộ ngoại giao để chất vấn.

Hung bạo và xác xược với người trong nước bao nhiêu, đặc biệt là với những người đòi dân chủ, tự do tôn giáo và các sắc tộc thiểu số, chính quyền cộng sản Hà Nội tỏ ra hèn nhát bấy nhiêu đối với Trung Quốc. Nhượng đất, nhượng biển cho Trung Quốc, rồi khi Trung Quốc ngang ngược giết và bắt dân mình cũng không dám có phản ứng. Sự tội tệ thật là khó tưởng tượng.

Tại sao Hà Nội phải khúm núm đến thế ? Đó là vì chế độ cộng sản Việt Nam cần đồng minh Trung Quốc để có thể tiếp tục tồn tại, dù đồng minh Trung Quốc không cho một ơn huệ nào mà trái lại còn gia tăng hà hiếp và áp bức. Một lần nữa, sự thực chứng tỏ rằng sự tồn tại của chế độ cộng sản Việt Nam mâu thuẫn với quyền lợi của đất nước.

Một lý do khác là chính quyền cộng sản Việt Nam hoàn toàn cô đơn, vừa nghèo vừa yếu lại vừa mang tiếng bạo ngược. Trước mắt thế giới, dù Trung Quốc ngang ngược đến đâu, đây chỉ là cuộc xung đột giữa hai chính quyền côn đồ. Thảm kịch trên đây càng phơi bày thực trạng liên hệ chủ-tớ, vua-chư hầu mà Hà Nội tự đặt mình vào đối với Trung Quốc. Không biết chính quyền cộng sản Việt Nam có tiếp tục muối mặt tổ chức long trọng lễ kỷ niệm 70 năm bang giao "tốt đẹp" giữa Việt Nam và Trung Quốc, như đã dự liệu và quảng cáo ồn ào, sau biến cố này không ?

Trong khi chờ đợi để biết rõ hơn sự thực của vụ thảm sát, Thông Luận xin chia sẻ nỗi đau và sự uất ức của gia đình các nạn nhân, của các ngư dân Thanh Hóa. Nỗi đau và sự uất ức của họ cũng là của mọi người Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

"Bạn" trong ngôn từ của cộng sản Việt Nam

"Bạn", "Friend", "Ami"... là một danh từ quen thuộc với tất cả chúng ta từ những năm còn rất trẻ của cuộc đời. Ngôn ngữ dân tộc của ta không những đẹp mà còn phong phú. Cũng với danh từ "tình bạn" nó đã diễn tả biết bao điều tốt đẹp trong cuộc sống. Nhiều người trong chúng ta quen thuộc với truyện "*Ba người lính ngự lâm pháo thủ*" của Alexandre Dumas (1802-1870), một thiên trường ca về tình bạn. Tình bạn chân thật bao giờ cũng đáng quý trọng và ngưỡng mộ, nhất là những mối quan hệ tô hồng cuộc sống. Người ta tự hào đã hy sinh cho tình bạn, cho chính nghĩa và mục đích chung - niềm tự hào dân tộc.

Thế nhưng, tình bạn trong ngôn từ của chính quyền cộng sản Việt Nam làm cho chúng ta bối rối.

"Tình bạn" và "bạn" trở nên lố lằng. Hãy đọc : "*các bạn Trung Quốc nhiều lần bày tỏ tình cảm đặc biệt đối với Hồ Chủ tịch và mong muốn củng cố truyền thống hữu nghị giữa nhân dân hai nước*" (<http://www.unet.org.vn/news/>). Tình bạn keo sơn hữu nghị giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc càng thắm thiết hơn khi bà phó chủ tịch Cố Tú Liên và đoàn đại biểu quốc hội Trung Quốc sang thăm Việt Nam và dự hội nghị lần thứ 13 Diễn đàn Nghị viện châu Á-Thái Bình Dương (APPF-13).

Chín ngư dân huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa bị hải quân Trung Quốc bắn chết và vụ án vẫn chưa được minh bạch. Chính quyền Trung Quốc vẫn chưa có một sự trả lời thích đáng nào và chính phủ Việt Nam cũng không có một phản ứng thích đáng nào trước vụ giết người này. Đến ngày 13 tháng 1 năm 2005, theo tờ *Hải Nam Nhật Báo*, thì tổng số ngư phủ Việt Nam bị bắt lên tới 80 người vì "tội xâm nhập hải phận đánh cá bất hợp pháp". *Những người bị bắt này vẫn chưa được thả về, và hiện nay vẫn chưa có nguồn tin xác thực về số phận của những người bị cầm tù trên đảo Hải Nam*. Báo *Tân Hoa Xã* của Trung Quốc đã đưa tin và tuyên bố rằng những ngư phủ Việt Nam là "*kẻ cướp*".

Lê Dũng, phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố : "*Chúng tôi coi việc tàu Trung Quốc bắn chết 9 ngư dân Việt Nam và làm bị thương nhiều người khác, gây thiệt hại đến tài sản và ngư cụ của ngư dân Việt Nam là nghiêm trọng. Việt Nam đã yêu cầu phía Trung Quốc có các biện pháp tích cực nhằm ngăn chặn và chấm dứt ngay những hành động sai trái trên, cho điều tra và xử lý nghiêm những kẻ bắn chết người*".

Thật là dở khóc dở cười. Một thứ tình bạn hèn hạ đáng sỉ nhục không có trong ngôn từ dân tộc đã được chính quyền Việt Nam đề cao. Quốc nạn và bức xúc dâng trào trong lòng dân trong nhiều năm qua, từ khi chính quyền Việt Nam đã dâng cho người "bạn láng giềng" hơn 700 km² đất liền và 15.000 km² lãnh hải. Hà Nội chỉ coi việc ngư phủ Việt Nam bị giết là một sự việc "*nhghiêm trọng*" và "*yêu cầu phía Trung Quốc có các biện pháp tích cực*". Hành động tàn bạo giết người của hải quân Trung Quốc, là nỗi

nhục cho dân tộc mà chính phủ Việt Nam chỉ coi là nghiêm trọng và yêu cầu (xin xỏ thì đúng hơn) có biện pháp tích cực. Sai phạm nghiêm trọng là lái xe trong lúc say rượu, hoặc tài xế bất chấp luật lệ giao thông. Còn cầm súng giết người và vu cáo là hành động của bọn sát nhân. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã hèn hạ dâng đất và biển, đã dẫm lên nỗi uất hờn của hồn thiêng sông núi. Giờ lại nhin nhục khi quân Trung Quốc ngang nhiên giết người Việt Nam để giữ một "tình bạn" chỉ có trong ngôn từ của họ.

Để giữ tình bạn với chính quyền Trung Quốc, chính quyền cộng sản Việt Nam đánh mất luôn lòng tự trọng và tự hào dân tộc. Nhưng với người dân, mỗi khi nghe chính quyền dùng đến từ "bạn" thì ai cũng khiếp vía. Thí dụ : "công an là bạn dân", "đảng cộng sản là người bạn chân chính của nhân dân", và cũng may không thấy nói "dân là bạn của công an" hay "dân là bạn của đảng", kể ra cũng có chút lương thiện. Sau vụ giết dân Việt Nam trên Vịnh Bắc Việt, báo *Công An Nhân Dân* chẳng buồn làm phóng sự, còn báo *Nhân Dân* thì cũng chẳng có tin tức gì. "Nhân Dân" cái gì đây hay chỉ là một vụ đả thương ngôn ngữ ?

Tình bạn mà chính quyền Việt Nam dành cho người dân là trù dập, đàn áp, và tiêu diệt kẻ bất đồng chính kiến. Nó chỉ là tình bạn nếu kẻ cướp được coi là người ơn. Nhiều người Việt Nam chân chính và cũng là những anh hùng của thời đại đang sống trong lòng dân tộc trong và ngoài nước như : Phương Nam, Nguyễn Hồng Quang, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Trần Đại Sơn, Trần Khuê, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Văn Lý,... và gia đình họ đã kinh nghiệm được "tình bạn" này.

Đối với đảng và nhà nước Việt Nam, bạn có nghĩa là kẻ mạnh, kẻ có quyền, kẻ có súng. Người dân phải khuất phục và ngoan ngoãn với "bạn" đảng và nhà nước như đảng và nhà nước đối với "bạn" Trung Quốc, một tình bạn vĩ đại - "tình anh em như môi với răng, môi hở răng lạnh". Thật là đau xót. Lên tiếng phản đối và lên án thứ tình bạn giả hiệu, tình hữu nghị lọc lừa giữa chính quyền Việt Nam và Trung Quốc thì bị coi là phản động. Còn lặng yên thì mang nỗi uất ức nhói tim. Khi ngôn ngữ đã trở thành vô nghĩa thì tất cả đều bế tắc. Khi ngôn ngữ đã trở thành ngược ngạo thì chỉ còn lại sự đố kỵ. Không phải là một sự tình cờ mà tiếng "đểu" trở thành tiếng thông dụng nhất trong nước hiện nay : hàng đểu, bằng đểu, nhà nước đểu...

Giọt nước sẽ tràn ly, 9 linh hồn oan ức một lần nữa đánh dấu sự tủi hờn của dân tộc và sự đốn mạt của chế độ. Những nạn nhân đã hy sinh đóng góp làm sống lại hồn thiêng sông núi. Trong một ngày không xa, khi sự chịu đựng đã đạt tới giới hạn của nó, dân tộc ta sẽ vùng lên đấu tranh cho một chế độ dân chủ đa nguyên, vứt bỏ một chính quyền "khôn nhà, dại chợ !".

Huỳnh An Bình (New Jersey)

CHUYẾN VỀ NƯỚC PHỨC TẠP CỦA THIỀN SƯ NHẤT HẠNH

Nghiêm Văn Thạch

Đầu tháng 1-2005 vừa qua, thiền sư Thích Nhất Hạnh đã về thăm Việt Nam cùng với một phái đoàn đạo hữu trên 200 người. Phái đoàn sẽ ở lại Việt Nam ba tháng. Thiền sư Nhất Hạnh đã được tiếp đón rất long trọng ngay tại phi trường Nội Bài, cửa ngõ Hà Nội. Ông và phái đoàn đã được hàng ngàn Phật tử ra đón, tặng hoa và tung hoa.

Theo lời tường thuật ở trên, trong lịch sử Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ một tăng sĩ được tiếp đón tưng bừng và long trọng như thế. Ngay sau đó, thiền sư Nhất Hạnh đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn của báo chí trong nước và một vài ký giả nước ngoài. Ông cũng đã thăm viếng nhiều chùa, thuyết giảng ở nhiều nơi. Theo chương trình, ông sẽ thăm viếng, tiếp xúc và thuyết giảng tại Hà Nội, Huế, Bình Định và Sài Gòn.

Cho tới nay, thời gian thăm viếng Sài Gòn đã không êm đẹp như ở Hà Nội. Nếu Hà Nội tiếp đón Nhất Hạnh tưng bừng thì Sài Gòn, địa bàn hoạt động của ông trước đây đã dành cho ông một vài thất vọng. Hòa thượng Quảng Độ và thượng tọa Tuệ Sỹ, viện trưởng và tổng thư ký Viện Hóa Đạo, đã từ chối gặp ông. Các Phật tử miền Nam cũng không tỏ ra hân hoan với cuộc viếng thăm của ông.

Theo tin từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gửi đi từ Sài Gòn và được Phòng Thông Tin Phật Giáo tại Paris phổ biến thì ngay khi tới Sài Gòn, ngày 23-1-2005, ông Nhất Hạnh đã gửi một phái đoàn do sư cô Chân Không (tên thật là Cao Ngọc Phượng, người cộng sự thân cận của thiền sư Nhất Hạnh từ nhiều thập niên qua) tới Thanh Minh Thiền Viện xin gặp hòa thượng Quảng Độ để dàn xếp một cuộc gặp gỡ giữa hai vị Quảng Độ và Nhất Hạnh. Nhưng Quảng Độ đã từ chối, viện lý do là công an cấm không cho ông gặp ai cả. Mặc dầu sư cô Chân Không đã nhấn mạnh nhiều lần nhưng hòa thượng Quảng Độ vẫn từ chối. Ông cũng không xuống gặp sư cô Chân Không mà chỉ ở trên lầu và nói chuyện với sư cô qua điện thoại. Dĩ nhiên việc công an cấm chỉ là một lý do nhả nhận để hòa thượng Quảng Độ từ chối gặp thiền sư Nhất Hạnh vì ông không hề sợ công an, đã từng bất chấp công an lên đường đi thăm hòa thượng Huyền Quang đang đau yếu để rồi bị giữ lại. Ông cũng đã từng gặp một số đạo hữu khác. Vả lại, sư cô Chân Không đã nói rõ là công an đồng ý để hai vị thiền sư Quảng Độ và Nhất Hạnh gặp nhau nhưng hòa thượng Quảng Độ vẫn không đổi ý.

Cũng nên biết là có lẽ hòa thượng Quảng Độ không hài lòng về những yêu sách nghi thức trước đó. Trước khi thiền sư Nhất Hạnh vào Sài Gòn, chính quyền cộng sản đã tiếp xúc với hai vị Quảng Độ và Huyền Quang, đề nghị họ tới gặp thiền sư Nhất Hạnh thay vì Nhất Hạnh tới thăm viếng họ. Tại sao giữa những người tu hành với nhau lại cần đặt ra vấn đề nghi thức trần thế như vậy? Nhất là thiền sư Nhất Hạnh trước đây thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và chưa từng tuyên bố rời bỏ giáo hội này; như thế đến thăm các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không khác gì về lại nhà mình.

Sự hình thức còn đạt tới mức độ cao hơn nữa khi thiền sư Nhất Hạnh tới chùa Già Lam thăm hòa thượng Trí Quang, vị tu sĩ tranh đấu nổi tiếng dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa nhưng đã im lặng sau chiến thắng của cộng sản, và thượng tọa Tuệ Sỹ, đương kim tổng thư ký Viện Hóa Đạo. Nghi thức được đề nghị là thiền sư Nhất Hạnh từ từ bước vào chùa dưới hai lọng che, đằng trước có khay trầu, khay hoa và khánh, khi thiền sư Nhất Hạnh qua cổng tam quan thì chùa nổi trống Bát Nhã chào mừng. Chùa Già Lam không đồng ý. Sau một hồi hiệp thương, Nhất Hạnh chịu bỏ nghi thức và vào chùa một cách bình thường. Ông được hòa thượng Trí Quang tiếp trong vòng 40 phút nhưng thượng tọa Tuệ Sỹ không tiếp ông, viện cớ đang nhập thất.

Chuyến viếng thăm Việt Nam của thiền sư Nhất Hạnh chắc chắn là có lợi cho chính quyền Hà Nội, họ đang cần một hình ảnh tốt về mặt tôn giáo sau khi bị Hoa Kỳ liệt vào danh sách các quốc gia đặc biệt đáng quan tâm về mặt tự do tôn giáo. Quyết định này của chính phủ Mỹ đã là hậu quả của những hành động thô bạo đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng như đối với giáo hội Công Giáo và Tin Lành qua các vụ án Nguyễn Văn Lý và Nguyễn Hồng Quang. Điều này có lẽ giải thích sự tiếp đón linh đình dành cho Nhất Hạnh và phái đoàn của ông tới Hà Nội. Nhóm "Phật tử" đông đảo ra tiếp đón Nhất Hạnh chắc chắn không phải là tự nhiên mà có. Phật giáo đã gần như bị xóa bỏ tại miền Bắc. Các tăng sĩ có mặt tại các chùa để tiếp đón các phái đoàn du khách phần lớn đều là công an mặc áo cà sa cho một công tác nhất thời. Trong những năm gần đây, Phật giáo miền Bắc có phần khởi sắc nhờ những người dân chủ theo đạo Phật. Phạm Quế Dương và Hoàng Tiến là hai gương mặt nổi trong cố gắng phục hưng Phật giáo, đặc biệt Phạm Quế Dương là linh hồn của cuộc tranh đấu chống quyết định dời chùa Một Cột để lấy chỗ xây Viện bảo tàng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Phật giáo miền Bắc vẫn còn rất yếu và chưa thành tổ chức.

Mặt khác, Hà Nội cũng rất hân hoan có được một thiền sư danh tiếng như Nhất Hạnh để cân bằng với uy tín của các hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ mà họ không mua chuộc được và cũng không khuất phục được.

Được hỏi ông có nghĩ rằng chuyến về nước của ông có lợi cho chế độ cộng sản không và có bị lợi dụng không, thiền sư Nhất Hạnh trả lời một cách thản nhiên rằng có thể là như vậy nhưng điều này không nằm trong ưu tư của ông.

Trả lời một câu hỏi khác, thiền sư Nhất Hạnh nói rằng theo ông người Việt Nam cần được giải phóng khỏi cái mà người Mỹ coi là nhu cầu giải phóng Việt Nam. Câu nói này thật là lạch lạc bởi vì người Mỹ không hề hào hứng

phóng Việt Nam từ sau 1975, họ còn cố gắng tăng cường bang giao với Việt Nam. Cuộc tranh đấu giành dân chủ và tự do, kể cả tự do tôn giáo, giải phóng dân tộc khỏi ách độc tài là hoàn toàn của người Việt Nam, do những người dân chủ Việt Nam và những người không hoạt động chính trị nhưng tha thiết với tự do tôn giáo như Chân Tín, Huyền Quang, Quảng Độ. Những người tranh đấu cho dân chủ hay cho tôn giáo đều đã phải trả những giá rất đắt. Câu nói của Nhất Hạnh là một xúc phạm không chấp nhận được đối với họ, vì nó hàm ý rằng những người đối lập Việt Nam là theo Mỹ. Điều này giải thích tại sao hòa thượng Quảng Độ và thượng tọa Tuệ Sỹ đã từ chối gặp thiền sư Nhất Hạnh.

Mặc dù là một thiền sư có danh giá, Nhất Hạnh đã từng không ngần ngại đưa ra những lời tuyên bố gây ngạc nhiên. Sau cuộc khủng bố của Al Qaeda vào World Trade Center ngày 11-9-2001, ông phát biểu rằng chính nước Mỹ cũng đã gây ra tội ác, thí dụ như đã san bằng thị xã Bến Tre trong dịp Tết Mậu Thân 1968. Điều này hoàn toàn không đúng. Bến Tre cũng không bị thiệt hại hơn các thị xã khác trong vụ Tết Mậu Thân, tổn thất về người có lẽ còn ít hơn.

Giữa thập niên 1960, trong một bài thuyết trình trước sinh viên Việt Nam tại Paris, Nhất Hạnh nói rằng Phật giáo cũng có phép lạ. Ông kể lại rằng một lần ông đi làm công tác xã hội tại Việt Nam thì bị Mỹ cho máy bay đuổi theo tấn công và thả một trái bom ngay bên cạnh ông; bom nổ dữ dội và khi khói tan thì chú tiểu đi với ông đã biến mất nhưng ông vẫn không sao cả vì đang lần tràng hạt niệm Phật. Người nghe không biết phải nghĩ gì.

Thiền sư Nhất Hạnh năm nay 78 tuổi. Ông là một trong những cấp lãnh đạo nổi tiếng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Ngay sau đó ông được đi du học Mỹ và sang Pháp vào giữa thập niên 1960. Ông thuộc khuynh hướng cải tiến Phật giáo và đã trình bày quan điểm này trong hai cuốn sách: *Đạo Phật hiện đại hóa* và *Đạo Phật đi vào cuộc đời*. Giáo hội Phật giáo mà ông mô tả qua hai tác phẩm này có nhiều điều giống với đạo Tin Lành. Nhất Hạnh viết nhiều cuốn sách. Những tác phẩm này chứng tỏ ông là một nhà văn lớn, dù không đặc sắc về mặt tư tưởng.

Thiền sư Nhất Hạnh cư trú tại Pháp và thành lập một làng tu thiền rất thành công tại miền Tây Nam nước Pháp. Ông cũng có ý định thành lập một giáo hội Phật giáo riêng, cho phép các tu sĩ Phật giáo lập gia đình.

Chuyến về thăm quê hương này có lẽ nằm trong phương án phát triển giáo phái của ông tại Việt Nam. Nhưng ông khó đạt mục đích, vì vô tình hay cố ý ông tỏ ra thân thiện với một chính quyền bạo ngược đàn áp Phật giáo và ông đã bị các vị lãnh đạo Phật giáo mà Phật tử Việt Nam kính mến tẩy chay. Thiền sư Nhất Hạnh là một người thông minh, ông không thể không ý thức được điều này nhưng ở tuổi 78, có lẽ ông không có nhiều thì giờ để phát triển giáo phái của ông, nhất là cho tới nay ông chưa đào tạo được một người thừa kế nào. Giáo phái của ông có thể sẽ không tồn tại lâu dài khi ông không còn nữa.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Tham khảo

BAL CANAR : Kinh đô cuối cùng của vương quốc Champa

Ya Biloh

Chính sách Nam Tiến của Đại Việt làm cho vương quốc Champa mất dần các tiểu vương quốc Indrapura (Quảng Bình, Quảng Trị), Amaravati (Quảng Nam, Huế), Vijaya (Bình Định). Mặc dù bị thất thủ, Champa vẫn còn giữ được chủ quyền tại tiểu vương quốc Panduranga (Phan Rang, Phan Thiết) ở miền Nam cho đến năm 1832, khi Minh Mạng quyết định xóa bỏ lãnh thổ Champa.

Năm 1771, phong trào Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ khởi xướng, kêu gọi dân chúng đứng lên chống lại chúa Nguyễn. Trong cuộc chiến này, anh em nhà Tây Sơn chiếm được một số đất đai ở miền Trung khi quân chúa Nguyễn rút về Gia Định tổ chức kháng cự giành lại ngôi báu.

Lãnh thổ Panduranga-Champa (trấn Thuận Thành) lâm vào thế ở giữa hai gọng kìm, Tây Sơn và chúa Nguyễn. Chính vì thế dù muốn hay không các sắc dân Churu, Raglai, Kaho và Chăm cũng bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Theo sử sách Việt Nam, cả Tây Sơn lẫn Nguyễn Ánh đều muốn làm chủ lãnh thổ Panduranga để làm nơi trú quân hoặc nơi ngăn chặn các cuộc tấn công của phe địch. Cho nên, trong suốt cuộc nội chiến tương tàn, lãnh thổ Panduranga là bãi chiến trường đẫm máu giữa hai anh em thù địch tranh giành quyền lực. Vì chiến tranh luôn luôn xảy ra trên lãnh thổ của mình, các vương quyền Panduranga khó lòng giữ tư thế trung lập chính trị. Nền độc lập của Panduranga thật là mỏng manh, nó hoàn toàn lệ thuộc vào tương quan lực lượng giữa Tây Sơn và chúa Nguyễn.

Năm 1802, sau khi thống nhất đất nước, Nguyễn Ánh lên ngôi, xưng hiệu Gia Long. Nhà vua cải tổ lại vương quốc Đại Việt để tránh những xung đột tương tàn Nam-Bắc có thể xảy ra; ông không muốn trở lại thời kỳ đối đầu Trịnh-Nguyễn, Tây Sơn-Nguyễn Ánh trước đó. Gia Long chia lãnh thổ ra làm ba vùng, miền Bắc, gọi là Bắc Thành, gồm 13 trấn dưới quyền cai trị của Lê Văn Thiêng. Miền Nam, gọi là Gia Định Thành gồm 6 trấn và đặt dưới quyền lãnh đạo của Lê Văn Duyệt. Lãnh thổ miền Trung, còn gọi là Phú Xuân, do triều đình nhà Nguyễn trực tiếp quản lý. Còn lãnh thổ Panduranga, từ vịnh Cam Ranh đến Bình Tuy và Đồng Nai Thượng (Đà Lạt, Lâm Đồng), tức là vùng đất không nằm trong trấn Bình Thuận, được trao cho một người thuộc hoàng tộc Champa, lúc đó là Po Saong Nhung Ceng mà sử sách Việt gọi là Nguyễn Văn Chấn, cai trị.

Sở dĩ có sự phân định lại lãnh thổ này là vì Gia Long muốn thăng thưởng cho những người đã cùng ông chiến đấu chống Tây Sơn. Đặc biệt nhà vua ban cho vùng đất Panduranga một qui chế tự trị, đồng họ Po Saong Nhung

Ceng trở thành vương tộc chính thống. Gia Long giao cho Po Saong Nhung Ceng toàn quyền cai trị lãnh thổ và dân chúng Champa theo đúng tập tục cổ truyền của tiểu vương quốc Panduranga ngày trước, nghĩa là được quyền tổ chức chính trị, hành chính, quân đội theo cách riêng để gìn giữ an ninh và dẹp loạn, nhưng không được chống lại triều đình Huế, và khi cần giúp triều đình dẹp loạn. Dân cư gốc Việt sinh trú tại nơi đây được đặt dưới quyền quản trị trực tiếp của một quan trấn thủ Bình Thuận người Việt.

Lòng trung thành của Po Saong Nhung Ceng đối với Gia Long là tuyệt đối, tình bằng hữu đối với Lê Văn Duyệt, người bạn chiến đấu chống Tây Sơn, chắc như keo sơn.

Được hưởng sự bảo hộ của triều đình Huế và tổng trấn Gia Định Thành, Po Saong Nhung Ceng canh tân lại đất nước bằng cách khôi phục lại kinh tế, cải tổ hành chính, thay đổi những nhân sự trong thời chiến tranh 1771-1802. Những cải tổ sâu rộng này gây tiếng vang ra đến tận Huế.

Năm 1820 Gia Long băng hà tại Huế, hoàng tử Đạm lên ngôi xưng hiệu là Minh Mạng. Ngay khi vừa lên ngôi, để tỏ quyền uy, Minh Mạng đã lấy một số quyết định ngược lại với những gì Gia Long chủ trương. Minh Mạng triệu Trương Văn Chánh về Huế, người được Lê Văn Duyệt cử ra coi trấn Bình Thuận, và thay vào đó là Mai Văn Lương. Đơn phương thay đổi nhân sự tại Bình Thuận, Minh Mạng muốn dần mất Lê Văn Duyệt, người được Gia Long giao toàn quyền cai trị sáu Trấn thuộc Gia Định Thành. Minh Mạng cũng nhân dịp này muốn tỏ mình là người nắm trọn quyền hành trên toàn lãnh thổ và với tất cả mọi người, kể cả các vị đại thần giữ cấp bậc cao nhất trong triều chính.

Sau khi cách chức trấn trưởng Bình Thuận do Lê Văn Duyệt đưa lên, năm 1822 Minh Mạng tách Bình Thuận khỏi Gia Định Thành để sát nhập vào lãnh thổ trực thuộc triều đình Huế. Sự phân chia lại lãnh thổ hành chính này chỉ nhằm cô lập và hạ bệ Lê Văn Duyệt, người được dân chúng địa phương mến mộ như một vị vua, để ông không còn cơ hội can thiệp trực tiếp trên phần đất này.

Để thực hiện uy quyền của mình tại Panduranga, vua Minh Mạng triệu phó trấn Panduranga là Po Klan Thu (theo tài liệu Việt là Nguyễn Văn Vĩnh) về Huế mà không cho biết lý do. Sự kiện này chưa hề xảy ra trong cuộc bang giao giữa Huế và Panduranga từ trước tới nay. Sự triệu tập này xảy ra vào đúng lúc trấn vương Panduranga, Po Saong Nhung Ceng người bạn chiến đấu ngày xưa của Gia Long và Lê Văn Duyệt, đang hấp hối trên giường bệnh.

Mục tiêu triệu tập Po Klan Thu về Huế của Minh Mạng là sau khi Po Saong Nhung Ceng chết, các chức sắc Panduranga sẽ không có dịp tôn Po Klan Thu lên thay Po Saong Nhung Ceng. Đây cũng là dịp để Minh Mạng hạ bệ uy tín của Lê Văn Duyệt, vì nếu để Lê Văn Duyệt ủng hộ sự tấn phong Po Klan Thu, uy thế ông ta sẽ lên cao và như càng bền chặt hơn đối với dân chúng ở Panduranga.

Po Saong Nhung Ceng mất năm 1822 tại kinh đô Canar (Tỉnh Mỹ, Bình Thuận), các chức sắc địa phương tổ chức đám tang theo đúng nghi lễ của người Chăm nhưng không có sự hiện diện của Po Klan Thu, vì đang bị cầm chân tại Huế, và như thế không được lên thay thế vị lãnh tụ Chăm

vừa quá cố ở Panduranga. Thay vào đó, Minh Mạng cử một người Chăm thân tín của triều đình, tên Bait Lan, và quản lý Panduranga. Quyết định này, không hề được thông báo trước cho triều chính Panduranga, đã gây một ấn tượng không mấy tốt đẹp trong lòng thần dân Panduranga. Vua Minh Mạng đã không tôn trọng một tập quán ngoại giao đã có từ trước đến nay giữa hai triều đình : triều đình Huế phải chấp nhận người cai trị Panduranga do chức sắc Panduranga tiến cử.

Tuy không có mặt, dân chúng Panduranga vẫn coi Po Klan Thu là như người kế vị chính thức Po Saong Nhung Ceng. Sự nhìn nhận không chính thức này đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Panduranga : sự trung thành của người Chăm đối với triều đình Huế giảm dần. Trong bối cảnh chính trị rối loạn và phức tạp đó, tháng 8 năm 1822, một lực lượng cách mạng do Ja Lidon lãnh đạo nổi lên chống lại Minh Mạng, đòi triều đình Huế phải tôn trọng thẩm quyền tôn vương của người dân Panduranga. Những người nổi dậy chiếm một vùng đất từ Tây-Nam Phan Thiết, vùng đất tận cùng phía Nam của Panduranga, đến biên giới Gia Định Thành làm căn cứ.

Trước tình thế nguy ngập này, Po Klan Thu, vị phó trấn Panduranga vẫn kẹt ở lại Huế, đã yêu cầu Minh Mạng tái xét lại tình hình chính trị tại Panduranga và được chấp thuận. Bait Lan bị triệu về Huế và Po Klan Thu được đưa vào thay thế. Ai cũng biết hành động phong chức cho Po Klan Thu chỉ là một hành vi chiến thuật, vì Minh Mạng vẫn muốn đánh dẹp các phong trào chống đối để củng cố trật tự và bảo vệ quyền lợi cư dân Việt trên đất Bình Thuận. Nhưng hành động đi nước đôi này của Minh Mạng, phong chức một người mà do chính mình đưa lên rồi sau đó lại hạ bệ để đưa kẻ mình không ưa lên ngôi, đã làm suy giảm uy tín của Minh Mạng trước mặt dân chúng và các chức sắc Panduranga.

Sau 7 năm cầm quyền, Po Klan Thu mất năm 1828. Ở đây cũng xin mở một dấu ngoặc nhỏ, đó là các chức sắc ở Bal Canar chỉ hay tin Po Klan Thu mất do các quan chức Việt ở trấn Bình Thuận thông tin. Không ai biết Po Klan Thu chết ở kinh đô Canar hay trên lãnh thổ Panduranga vì không có một tài liệu nào nói đến cái chết của ông. Ở Huế, Bình Thuận hay Panduranga ? Không ai biết. Nhưng có một điều chắc chắn là Po Klan Thu đã chết trên đất Việt, vì hung tin do trấn trưởng Bình Thuận báo cho các chức sắc Chăm biết về cái chết này.

Sau khi Po Klan Thu mất, mọi người chờ đợi Minh Mạng và Lê Văn Duyệt đưa người lên kế vị. Cả hai đều tìm cách đưa người thân tín của mình lên nắm chính quyền ở Panduranga, vì Panduranga là địa thế chiến lược rất quan trọng nằm giữa khu vực kiểm soát của nhà vua lẫn Lê Văn Duyệt.

Theo đúng thủ tục chọn người kế vị, ban nghi lễ phải thỉnh các chức sắc Panduranga, hội đồng ngài vàng dưới sự cố vấn của Lê Văn Duyệt và Minh Mạng. Lê Văn Duyệt muốn người nối ngôi này phải là con của Po Saong Nhung Ceng (mất năm 1822), tức Phaok The (tài liệu Việt là Nguyễn Văn Thừa), mà người cha là bạn chiến đấu cùng

ông trong việc chống lại Tây Sơn. Vua Minh Mạng thì không bằng lòng vì e rằng nếu để Lê Văn Duyệt tiến cử người thân tín ra cai trị Panduranga thì ảnh hưởng của ông ta sẽ mạnh hơn chính mình. Thế là có cuộc xung đột, sự tranh giành ảnh hưởng giữa một vị vua và một tổng trấn trở nên công khai.

Trong thực tế, Lê Văn Duyệt hoàn toàn kiểm soát sinh hoạt chính trị tại Panduranga, ông chỉ muốn tái lập lại uy tín mà vua Minh Mạng đã tước đoạt từ tay ông năm 1822. Dần dà với thời gian, uy quyền của ông lấn át nhà vua tại Panduranga. Theo các tài liệu Chăm còn lưu lại, đa số chức sắc và dân chúng Chăm, Churu, Raglai, Kaho đều nghe theo Lê Văn Duyệt và không những cắt đứt mọi liên lạc với triều đình Huế mà còn oán ghét vua Minh Mạng, một vị vua không được lòng dân.

Lê Văn Duyệt mất năm 1832, vua Minh Mạng liền tìm mọi cách kiểm soát Panduranga và Gia Định Thành. Không chịu nổi sự trả thù báo oán này, con nuôi của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi đã kêu gọi dân chúng Gia Định Thành, trong đó có người Chăm tại Châu Đốc và Bình Thuận, nổi lên chống lại triều đình Huế trong những năm 1833-1835. Nhóm người này ủng hộ Lê Văn Khôi vì mèn mộ công đức của Lê Văn Duyệt, kể là muốn được hưởng qui chế tự trị vì lý do tôn giáo nếu Lê Văn Khôi thành lập được một lãnh thổ riêng biệt, tách khỏi sự kiểm soát của triều đình Huế. Quân Chăm ở Châu Đốc rất thiện chiến nhờ tinh thần chiến đấu cao và được trang bị vũ khí tối tân của phương Tây. Đầu năm 1833, sau khi đánh bại quân triều đình từ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận (trong đó có quân Chăm của trấn Thuận Thành) vào dẹp loạn, Lê Văn Khôi xua quân lên đánh chiếm các tỉnh đông-bắc Gia Định. Trấn Thuận Thành là địa bàn gần nhất để quân của Lê Văn Khôi tiến vào. Trước sức ép của phe nổi loạn, quan trấn thủ Bình Thuận bỏ thành chạy về Diên Khánh, quân của Lê Văn Khôi tràn vào sát hại tất cả những ai ủng hộ Minh Mạng, trong đó có rất nhiều người Chăm. Nhưng năm 1835 phong trào nổi loạn của Lê Văn Khôi bị dập tắt trong máu lửa, những người chống đối bị bắt đem về Huế xử trảm, trong đó có những vị lãnh đạo tôn giáo Pháp và Chăm.

Từ sau ngày đó, vua Minh Mạng áp dụng kỷ luật sắt để cai trị và trái rợng uy quyền trên khắp lãnh thổ Việt Nam. Những hình phạt mà vua Minh Mạng dành cho những viên chức cũ của Gia Định Thành rất là dã man, nhất là vụ đào mả Lê Văn Duyệt để trả thù. Tuy vậy, ít ai biết những gì đã xảy ra cho dân chúng Panduranga, nhất là những người đã được Lê Văn Duyệt che chở hay theo Lê Văn Khôi. Vua Minh Mạng đã áp dụng một cách triệt để chính sách Việt hóa Panduranga và ra lệnh thu góp tất cả những tin tức về cuộc sống của dân tộc Chăm, đặc biệt là về hai tôn giáo Balamôn và Bani, để khống chế. Các vị quan Việt được cử tới cai trị buộc các chức sắc và dân chúng Chăm ăn mặc kiểu Việt Nam, tìm đủ mọi cách buộc người Chăm bỏ tín ngưỡng, tôn giáo của họ, thậm chí còn cho diễn tuồng ở những nơi thờ phượng của người Chăm, bắt gái Chăm phải kết hôn với trai Việt. Ngoài việc bị đóng thuế cao, những

thanh niên Chăm còn bị bắt đi làm tạp dịch, đốn cây để đóng tàu, làm xe bò cho các quan chức địa phương. Người ta có thể coi hành vi này như một sự phá hoại, hủy diệt hệ thống tinh thần và trật tự ngày xưa đã làm nền tảng cho dân tộc này. Đó là mục đích của hình phạt mà Minh Mạng dành cho dân chúng Panduranga sau 1832.

Chính sách phân biệt đối xử của Minh Mạng đã châm ngòi cho sự vùng dậy của phong trào Katip Sumat (1833-1834) và mặt trận Ja Thak Va (1834-1835). Hai người này chủ trương đánh đuổi quân Việt để phục hồi lại vương quốc Panduranga-Champa.

Để đánh dẹp quân nổi dậy, Minh Mạng áp dụng một chính sách cực kỳ tàn ác, "đất đai đỏ lửa", nghĩa là đi đến đâu đốt phá tới đó, không cho dân chúng Chăm xây dựng lại nhà cửa và canh tác đất đai. Người Chăm bỗng dưng trở thành nạn nhân của chính sách tàn bạo này. Hàng loạt các làng xã Chăm sống về ngư nghiệp ở dọc theo bờ biển từ vịnh Cam Ranh đến Lagi (Bình Tuy) bị đốt phá không tiếc thương, rất nhiều người đã chạy qua Campuchia, Thái Lan, thậm chí còn dùng thuyền vượt biển chạy sang Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân lánh nạn.

Chưa hả cơn tức giận của mình, vua Minh Mạng còn ra lệnh cấm chức sắc hai tôn giáo Balamôn và Bani không được tổ chức Katê và Ramadan, hai ngày lễ tôn giáo lớn nhất của người Chăm. Sự cấm đoán này kéo dài trong suốt 8 năm (1834-1842). Sự tàn khốc của chiến tranh và chính sách bóp nghẹt tôn giáo đã làm cho hai tôn giáo này suy tàn. Tháp Po Sah Anaih (tiếng Việt là tháp Po Sah Ina, Phan Thiết), nơi thờ phượng linh thiêng nhất của người Chăm, bị bỏ hoang không được chăm sóc. Rất nhiều nơi thờ phượng khác đã bị xóa tên, không còn vết tích. Rất nhiều sắc tộc Nam Đảo (Raglai, Churu) và Môn Khmer (Kaho) sinh sống trên cao nguyên Di Linh đã giúp hàng chục ngàn người Chăm băng rừng qua Campuchia lánh nạn.

Từ sau giai đoạn đó, dân số Chăm giảm xuống hẳn và sự hội nhập của người Chăm vào xã hội Việt Nam bị khựng lại. Dân tộc Chăm bị liệt vào hạng "man" và chịu chung số phận với những sắc tộc thiểu số sinh sống dưới chân dãy Trường Sơn và trên cao nguyên miền Trung.

Trái qua những giai đoạn thăng trầm lịch sử như vậy, vết thương trong lòng người Chăm rất khó hàn gắn. Từ một vương quốc có chủ quyền, có một nền văn minh sáng chói, để rồi cuối cùng trở thành một vùng đất bị trị và bị phân biệt đối xử, cái nhìn của người Champa về tương lai rất là yếm thế. Chính vì không thấy chỗ đứng của mình trong lòng dân tộc Việt Nam, cộng đồng người Champa như con thuyền mất định hướng, đã sống vì bất buộc phải sống nhưng chưa thể đóng góp hăng say hơn vào sự nghiệp xây dựng một đất nước chung, một tương lai chung.

Trách nhiệm của chúng ta, những người tranh đấu cho tự do và dân chủ tại Việt Nam là phải tìm cho ra một chính sách hội nhập thuận tình thuận lý để huy động sức mạnh bất động này. Đây là trách nhiệm của mỗi công dân Việt Nam đối với đất nước. Nếu thành công, dân tộc Việt Nam sẽ được sự kính phục của cả thế giới.

Ya Biloh (Cheoreo)

Tản mạn đầu Xuân

Được và Mất

Việt Hoàng

Được và Mất vừa là một khái niệm vừa là một thực tế gắn liền với mỗi người, mỗi gia đình, mỗi quốc gia.

Thành ngữ Việt Nam hay có những câu như: "được cái này thì mất cái kia", "cái gì cũng có giá của nó", "không ai cho không ai cái gì", hoặc "ông mất chân giò bà thò chai rượu", "tham bát bỏ mâm"... để nói lên sự tương quan giữa Được và Mất. Như vậy Được và Mất liên quan rất chặt chẽ với nhau, mỗi người khi lớn lên, có nhận thức và hiểu biết (trừ những người tâm thần) đều phải biết đắn đo, cân nhắc trước mọi việc. Cụ thể ở đây là phải biết tính toán thiệt hơn, xem cái Được và cái Mất, cái nào nhiều hơn. Người khôn ngoan là người biết dung hòa, tính toán sao cho Được nhiều, Mất ít. Tất nhiên là những cái Được và Mất đó phải phù hợp với những tiêu chuẩn đạo đức tối thiểu của con người, phải hài hòa với lợi ích chung của cộng đồng. Những kẻ chỉ vì lợi ích của mình mà sẵn sàng phá hoặc tước đi lợi ích của người khác thì đó là tội ác, là sự nhẫn tâm.

Đời người rất dài nhưng cũng rất ngắn. Để đánh giá một người, người ta đánh giá không phải ở chỗ người đó sống lâu hay mau mà là đã làm được gì cho gia đình, bản thân và xã hội. Có những con người mà sự có mặt của họ trên đời đã làm cho loài người phải mang ơn vì những việc họ đã làm như Galilê, Niuton... Nhưng cũng có những người mà tư tưởng và việc làm của họ đã làm khổ cả nhân loại ví dụ như Mác và Ăng-ghen. Tôi rất thích một nhận xét của kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa về Mác khi trả lời RFA, trong bài "Tản mạn cuối năm về kinh tế học": "*Khi Bastiat tạ thế Mác mới bắt đầu khai triển những lý luận ngoa ngụy của ông ta và Âu châu tăm tối làm nhân loại mù lòa đã thổi Mác lên thành một nhà tư tưởng vĩ đại. Giờ đây, thế giới mới thấy Bastiat có những lý luận kinh tế xác đáng hơn Mác, trong khi kinh tế học Mác-xít trở thành môn khảo cổ học về sự rở rạc của loài người*" (Bastiat là một nhà kinh tế học người Pháp, 1801-1850). Ông nói thêm: "*Karl Marx sinh năm 1818 mất năm 1883, nên thọ hơn Bastiat 15 tuổi và có thời giờ để viết ra nhiều điều nhằm nhảm làm khổ nhân loại*". Tôi rất hâm mộ ông Nguyễn Xuân Nghĩa, lúc là chuyên gia tài chính, lúc thì chuyên gia về báo chí và lúc là một kinh tế gia. Ông nói chuyện rất hay, nhất là ông bình luận về Frederic Bastiat. Chuyện về kinh tế và chính trị luôn là những chuyện nhức đầu và khô khan thế nhưng ông diễn giải rất lôgic và lôi cuốn người nghe.

Hôm nay là những ngày đầu năm vì thế chúng ta cũng nên nói chuyện khác cho vui vẻ và thư giãn một chút, bởi vì cả năm chúng ta đã nghe và nói quá nhiều về chính trị rồi. Bây giờ xin phép đọc giả để tản mạn về những chuyện của phụ nữ, về những bà vợ yêu quý của chúng ta. Đúng hay sai là do cách đánh giá của từng người, tốt nhất xin đọc giả coi đây là chuyện vui đầu năm. Đầu tiên tôi muốn nói ngay một điều mà bất cứ một người đàn ông nào đã có vợ

cũng phải xem đó như là chân lí bất di bất dịch: đó là "nhất vợ, nhì trời" mà trời thì ở rất xa thành ra với đàn ông thì "nhất vợ", mà cũng đúng như vậy thật. Không có vợ thì làm sao chúng ta có được như ngày hôm nay. Không hiểu các quý ông có đồng ý không? Chứ tôi thì tôi nói rất thật đấy! Nếu ai không tin thì cứ thử hình dung rằng mình đang... độc thân đi. Ngoài việc đi làm về bạn phải vào bếp để nấu cơm này, giặt đồ này, lau nhà này, dọn dẹp nhà cửa này, chăm sóc con cái này... Riêng tôi, chỉ mới nghĩ đến thôi là toát mồ hôi rồi. Như vậy tôi có thể khẳng định chúng ta không thể sống thiếu vợ được, ông bà mình ngày xưa cũng có nói rằng ba việc quan trọng nhất của đời người đàn ông là "lấy vợ, làm nhà, tậu trâu" trong đó lấy vợ là việc quan trọng đầu tiên. Tôi cũng nghĩ như vậy, hạnh phúc nhất, may mắn nhất của người đàn ông là lấy được người vợ chịu thương, chịu khó. Mà phụ nữ Việt Nam thì 99% là như vậy, nghĩa là luôn hết lòng vì chồng, vì con, nhiều khi không nghĩ đến bản thân mình. Trong bao nhiêu cái bất hạnh của người đàn ông Việt Nam vẫn có một cái để hạnh phúc, an ủi đó là có người vợ Việt Nam. Người phụ nữ Việt Nam thật là tuyệt vời, phải không quý vị?

Vậy làm một người chồng có khó không? Theo tôi rất khó. Việc đầu tiên mà bất cứ người chồng nào cũng phải làm cho tốt đó là phải biết... kiếm tiền, càng nhiều càng tốt. Người xưa từng nói "trai tài, gái sắc" đó sao? Một người đàn ông, một người chồng phải biết lo lắng và phải là trụ cột, chỗ dựa cho vợ con. Một người đàn ông sẽ không thể hoàn thiện nếu không lo được cho vợ con. Kiếm được tiền là một việc rất khó, nhưng thế đã đủ chưa? Không biết quý bà, quý cô thì sao chứ với vợ tôi thì... vẫn chưa! Ngoài chuyện đi làm, kiếm tiền ra thì vợ tôi còn muốn tôi giỏi thêm nhiều khoản khác nữa. Mà thú thật những khoản này thì tôi rất kém. Ví dụ vợ tôi muốn tôi đồng thời phải là một đầu bếp hạng nhất khi vào bếp, là một thợ mộc tài hoa khi phải đóng hoặc sửa bàn ghế gì đó, một người giặt đồ thật sạch (khi chưa có máy giặt), phải biết sửa ống nước, và rất siêng làm ba cái việc lật vật trong nhà... những lần khi cần làm những việc đó tôi đều bị xếp điểm kém so với những người hàng xóm của tôi. Và mỗi lần như vậy vợ tôi luôn lấy những ông hàng xóm ra để so sánh. Không chỉ lấy một ông mà rất nhiều ông, mỗi ông so sánh một cái khác. Oái ăm là những ông hàng xóm của tôi thì mỗi người lại có một cái tài, ví dụ ông thì nấu ăn ngon, ông thì đóng tủ đẹp... thành ra tôi hay bảo vợ rằng "nhất mấy ông hàng xóm, nhì mới đến chồng".

Làm đàn ông Việt Nam còn có một nỗi cực nữa đó là phải... nghe nhiều. Thậm chí nghe nhiều quá thành ra khi không thấy nói gì mới cảm thấy lạ! Mà nhân đây cũng xin quý ông đừng buồn phiền về chuyện đó. Đàn ông chúng ta có nhiều cái để mà vui thú: rượu chè, cờ bạc, đàn đúm... thế thì chị em cũng phải có cái gì đó để làm thú vui chứ? Theo tôi thấy thì phụ nữ Việt Nam chỉ có một thú vui duy nhất đó là... nói. Vợ tôi thì luôn bảo rằng không sung sướng gì khi phải nói nhiều, nhưng tôi thì nghĩ ngược lại, chắc phải sướng lắm nên các bà mới nói nhiều như vậy chứ, phải không các quý ông? Người ta thường bảo "nói cho

sương miệng" đầy thôi. Riêng tôi thì không bao giờ ngắt lời vợ khi nói, chẳng lẽ chỉ có một thú vui nhỏ như vậy mà cũng không được sao ? Một ngày mà không thấy vợ nói gì là tôi rất lấy làm lo lắng, mà đúng như vậy đấy, hôm đó không mệt thì cũng có chuyện không vui.

Còn một điều nữa đó là các bà vợ luôn thiếu tin tưởng chồng mình, nếu có hôm nào đi đâu về muộn là phải trả lời... mệt. Nói thật nhiều khi cũng không tin, mà luôn cứ nghĩ đến những điều tào lao khác. Thế mới khổ chứ ? Các cụ ngày xưa có câu "*đàn ông nông nổi giếng khơi, đàn bà sâu sắc như coi đặng trâu*", tôi không dám có suy luận gì, chỉ mong chị em là hãy luôn tin tưởng ở chúng tôi, làm gì cũng phải tính chứ ! Khi nào Được nhiều hơn Mất thì mới làm, yên tâm là như vậy đi ! Đàn ông mà ! Không vì vợ, vì con thì còn vì ai nữa ?

Quay trở lại chuyện Được và Mất, cũng nhân dịp năm mới xin phép luận đôi lời. Ở trên đời này muốn Được cái này phải Mất cái khác, đó là chân lí, muôn đời sẽ như vậy. Cho nên nếu có ai đó nghĩ, hoặc muốn rằng làm cái gì đó phải được trọn vẹn, được tất tậ, trọn vẹn đôi đường... thì đó chỉ là mong ước viển vông. Từ chuyện nhỏ như chuyện vợ chồng, đến chuyện làm ăn, hay chuyện quốc gia đại sự, tất tần tậ đều như vậy cả. Có nghĩa là Được cái này, sẽ Mất cái kia. Cái quan trọng nhất là Được nhiều hay Mất nhiều ? Đây mới là điều đáng suy ngẫm và bàn luận. Theo tôi thì một con người khôn ngoan phải là một con người thực tế, có nghĩa là trước một sự việc phải biết lựa chọn xem như vậy ta Được gì và Mất gì ? Người Việt Nam ta vẫn còn ít nhiều người mơ hồ, thiếu thực tế, biết Mất nhiều hơn mà vẫn chọn, mặc dù không bị bệnh tâm thần gì. Ví dụ nhiều người cứ chửi Mỹ, chửi tư bản hết lời và luôn khen ngợi và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, trong khi cuộc sống của Mỹ, của tư bản hơn ta rất nhiều lần. Tất nhiên trong bất cứ xã hội nào cũng có mặt thể này, mặt thể nọ nhưng chung cuộc thì cuộc sống của người dân ra sao ? Đó mới là cái mục đích cuối cùng, là những cái được mà mỗi người cần nghĩ đến cho mình. Tại sao nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa tốt đẹp mà chẳng thấy thăng tư bản nào xin tị nạn, trong khi đó dân Việt Nam ta cứ bỏ hết tổ quốc, quê hương, bán nhà bán cửa chạy đi nước ngoài hết ? Chúng ta luôn tự hào là chiến thắng thực dân Pháp lẫn đế quốc Mỹ để rồi được gì ? Cuộc sống chúng ta bằng bao nhiêu phần trăm so với những kẻ bại trận đó ? Sức người, sức của, đất nước điêu tàn... để Được cái gì ? Việt Nam độc đảng cộng sản lãnh đạo thì người dân Việt Nam Được gì ? Mất gì ? Cái nào nhiều hơn ?

Mùa xuân đang về trên quê hương Việt Nam yêu dấu, những ngày này đất nước như chuyển mình, mang thêm bao nhiêu sinh khí đến cho muôn người, muôn vật. Thật là thiếu sót nếu không nhắc đến những người đang đấu tranh miệt mài cho *tự do và dân chủ của đất nước*. Họ cũng là những con người bình thường như bao nhiêu con người khác. Chỉ có điều đối với họ ngoài vợ con, gia đình ra vẫn còn một thứ rất thiêng liêng, đó là Tổ Quốc.

Chủ đề của bài viết ngày hôm nay là Được và Mất, cho nên thiết nghĩ cũng nên đặt một câu hỏi họ Được gì và Mất

gì ? Mọi người nhìn nhận họ ra sao ? Tất nhiên với những người có hiểu biết và có một tấm lòng thì họ (những người đấu tranh cho dân chủ và tự do) là *những người chân chính và cao thượng*. Họ không còn nghĩ đến bản thân nữa mà còn nghĩ đến sự vinh nhục của cả một đất nước, một dân tộc. Tuy nhiên có nhiều người thiếu hiểu biết và ích kỉ thì cho rằng họ đại.

Về một khía cạnh nào đó thì họ cũng đại thật ! Thí dụ bác sĩ Phạm Hồng Sơn có một địa vị và chỗ đứng mà nhiều người mơ ước cũng không có được. Thế nhưng họ đã hy sinh tất cả, bản thân bị tù đầy, vợ con nheo nhóc... thế thì họ Được gì và Mất gì ? Thật ra cái họ mất chỉ là cái nhỏ so với cái được. Dù họ có phải hy sinh đi nữa thì tên tuổi và những việc làm của họ sẽ khiến cho cả một dân tộc mang ơn. Họ đã hy sinh cuộc đời mình cho cả một dân tộc được ngẩng cao đầu, được sống như những con người của một thời đại văn minh.

Thật ra ranh giới giữa sự sống và cái chết thật là mong manh, cơn sóng thần nghiệt ngã đã làm gần 300.000 người mất mạng, trong đó có nhiều công dân của các nước giàu có. Khi chết đi rồi không ai mang được gì theo mình, nếu có chẳng thì đó cũng là cái tiếng để đời. Tiếng ở đây có thể là tiếng xấu, muôn đời nguyên rửa, cũng có thể là tiếng tốt khiến ngàn đời xót thương. Phàm là một đấng nam nhi, một kẻ làm trai có chí khí thì ngoài chuyện lo cho gia đình, vợ con ra họ còn phải dành một phần trí tuệ và sức lực của mình để cống hiến cho đất nước. Nhà văn hóa lớn của Việt Nam Nguyễn Công Trứ từng nói rằng :

Làm trai sống ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông...

Tất nhiên danh ở đây phải là danh tiếng tốt, tiếng thơm cho muôn đời chứ không phải "đời cha ăn mặn, đời con khát nước". Bao nhiêu kẻ trí thức, bao nhiêu kẻ đang cầm quyền ở Việt Nam vẫn đang cố tình "ăn mặn", biết sai vẫn cứ cố làm, vì một chút Được của bản thân và gia đình mà sẵn sàng đánh Mất đi, hy sinh đi quyền lợi của cả dân tộc. Những giá trị đã mang lại hạnh phúc và tự do cho con người như *đa đảng, nhân quyền, tự do và dân chủ* vẫn bị cấm đoán và ngăn cản. Tất nhiên rồi một ngày không xa những kẻ đó sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát.

Mùa xuân đang đến rất gần, mong cho những lương tâm dân tộc trong Đảng Cộng Sản Việt Nam hãy thức dậy, hãy kiên quyết và dứt khoát vùng lên cùng với nhân dân cả nước mang lại những mùa xuân thật sự cho đất nước và quê hương. Lịch sử sẽ ghi công. Nên nhớ những người mang lại thay đổi cho khối xã hội chủ nghĩa và nước Nga đều là những quan chức cao cấp của chế độ cộng sản. Hay như cuộc "cách mạng màu da cam" thì cũng do Yushchenko, một cựu thủ tướng, cựu thống đốc ngân hàng trung ương Ukraine lãnh đạo chứ không phải do một kẻ ngoại bang nào tổ chức.

Mùa Xuân đã đến rồi, xin hãy dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất và hãy cầu mong rằng những người có tâm huyết với dân tộc sẽ chịu Mất, để cả đất nước Việt Nam Được sống trong hạnh phúc và tự do.

Việt Hoàng (Moskva)

Một cuộc phiêu lưu chính trị, tình cảm và trí tuệ đang kết thúc

Leon Trotsky (*Lev Davidovich Bronstein, 1879 - 1940*) là cánh tay mặt của Lenin và là nhân vật thứ hai trong cuộc Cách mạng tháng 10-1917 đưa đảng cộng sản lên cầm quyền tại Nga. Ông làm tổng tư lệnh Hồng Quân Nga trong cuộc nội chiến diễn ra sau đó và toàn thắng, tiêu diệt quân kháng chiến chống cộng. Trotsky cũng sắt máu không thua gì Lenin. Về mặt kỹ thuật có lẽ ông ta còn cực đoan hơn cả Stalin. Ông chủ trương cách mạng liên tục và toàn diện, đặc biệt là phải phát động đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản tại Tây Âu. Bằng phương tiện nào? Trotsky tuyên bố: «Những người cộng sản chúng tôi không bao giờ sợ đổ máu». Đó là một con người đam mê và cực đoan. Không có gì bảo đảm rằng nếu được cầm quyền kế tiếp Lenin, Trotsky sẽ không độc đoán và tàn bạo hơn Stalin. Nhưng Trotsky đã không có cơ hội đó, ông đã bị Stalin đánh bại trong cuộc tranh giành quyền lực sau khi Lenin chết. Ông đào thoát ra nước ngoài và bị Stalin ám sát.

Trotsky đã thua Stalin, dù hùng biện hơn và có ý thức hơn Stalin, vì đã phạm một sai lầm chiến lược là không biết rằng trong một chế độ cộng sản kẻ nắm được bộ máy đảng là kẻ mạnh nhất, do đó đã để cho Stalin làm tổng bí thư. Trotsky cũng sai khi cho rằng chế độ cộng sản sẽ không tồn tại được ở Nga nếu không thành công tại Tây Âu. Sau này chế độ cộng sản sụp đổ tại Nga thực, nhưng sụp đổ hơn 70 năm sau đó và vì chủ nghĩa Marx-Lenin thất bại chứ không phải như Trotsky phân tích. Stalin, trái lại, đã nhường hào quang cho Trotsky để âm thầm nắm chặt bộ máy đảng, mặt khác chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước.

Không biết Trotsky có nghe nói tới nước Việt Nam không, nhưng điều ông không ngờ là lại có một số người Việt Nam lấy ông làm biểu tượng và lấy lý thuyết của ông làm lập trường: Nhóm Cộng Sản Đệ Tứ Việt Nam.

Nhóm này được khai sinh chính thức ngày 16-7-1942 tại Pháp với hai kỹ sư (hai ông Nguyễn Đước và Hoàng Đôn Trí) và bốn công nhân (trong đó có các ông Hoàng Khoa Khôi, Đặng Văn Long, Nguyễn Văn Liên). Trong thực tế nhóm này đã được thai nghén trước đó vì lãnh tụ thực sự là ông Tạ Thu Thâu, đã rời Pháp từ 1930. Ông Tạ Thu Thâu thành lập trong nước một đảng lấy tên là Đảng Xã Hội Thợ Thuyền. Ông bị chính quyền cộng sản giết ngay sau Cách Mạng Tháng 8, chắc chắn là do lệnh của chính ông Hồ Chí Minh. Lúc đó ông Tạ Thu Thâu mới 39 tuổi. Nhờ tài năng và sức thu hút của ông, Tạ Thu Thâu và nhóm Đệ Tứ Việt Nam đã hấp dẫn được một khối đông người trong đó có những nhà trí thức nổi tiếng như Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch. Tất cả đều bị chính quyền Hồ Chí Minh tàn sát ngay sau khi giành được chính quyền, trừ ông Hồ Hữu Tường đã rời bỏ nhóm Đệ Tứ vì không theo chủ nghĩa Marx-Lenin nữa. Ông Hồ Hữu Tường bị bắt giam sau 1975 và chết trong tù. Như vậy toàn bộ nhóm cộng sản Đệ Tứ Việt Nam bị Đảng Cộng Sản Việt Nam tiêu diệt.

Một cách lạ thường, trong khi nhóm cộng sản Đệ Tứ bị tiêu diệt tại Việt Nam thì nó lại rất thành công trong giới Việt kiều tại Pháp. Lý do là vì đa số Việt kiều tại Pháp xuất phát từ số 20.000 lính thợ được gửi sang Pháp năm 1940 do nhu cầu chiến tranh trong khi những người lãnh

đạo nhóm Đệ Tứ tại Pháp như Hoàng Khoa Khôi, Nguyễn Văn Liên, Đặng Văn Long đều thuộc khối lính thợ này. Tuy nhóm Đệ Tứ tại Paris có lúc lôi kéo được một số trí thức, kể cả ông Nguyễn Khắc Viện trong một thời gian, nhưng các trí thức này không đóng vai trò chủ động, linh hồn của nhóm là ông Hoàng Khoa Khôi. Chính sự thành công trong giới công nhân tại Pháp này đã khiến nhóm Đệ Tứ tồn tại lâu dài cho đến ngày nay. Nói đến nhóm Đệ Tứ trước hết là nói đến "những người lính thợ không chuyên nghiệp" (ONS-Ouvriers non spécialisés) sang Pháp năm 1940, là nói đến các ông Hoàng Khoa Khôi, Đặng Văn Long, Nguyễn Văn Liên.

Trong suốt hai cuộc chiến tranh Việt Nam, 1945-1954 và 1960-1975, nhóm Đệ Tứ bị giam hãm trong một bế tắc bi đát: vì theo chủ nghĩa Marx-Lenin và chống thực dân Pháp nên họ vẫn phải miễn cưỡng ủng hộ Đảng Cộng Sản Việt Nam, dù đảng này đã mặt sát và tàn sát họ. Ông Hoàng Khoa Khôi nói: "*Chúng tôi đành phải ủng hộ kháng chiến, đợi cho vấn đề độc lập thống nhất giải quyết xong đã, nhưng lịch sử đã đi một hướng khác*". Chỉ từ sau 1975, nhóm Đệ Tứ mới lấy một thái độ dứt khoát với chính quyền cộng sản Việt Nam. Quá trễ.

Cuộc hành trình của nhóm Đệ Tứ đang chấm dứt. Chỉ còn lại ba ông Hoàng Khoa Khôi 87 tuổi, Nguyễn Văn Liên 90 tuổi và Hoàng Đôn Trí 87 tuổi. Các đồng chí và thân hữu đều qua đời vì tuổi già. Đầu năm 2005, ông Nguyễn Văn Xuyên (do Tạ Thu Thâu kết nạp tại Việt Nam, nhưng sinh hoạt tổ chức từ khi qua Pháp năm 1946, tác giả cuốn sách rất giá trị *Cách Mạng Và Phần Cách Mạng*) cũng qua đời ở tuổi ngoài 90.

Có một cái gì rất xúc động ở nhóm Đệ Tứ. Không ai có dịp tiếp xúc với họ mà không kính phục họ. Ở nơi họ lòng yêu nước, sự bao dung, sự lương thiện và sự bền bỉ được đẩy tới mức độ tuyệt đối. Sự kính phục đạt tới mức ngỡ ngàng khi người ta tự hỏi tại sao những người lính thợ, mà trình độ học vấn chỉ ở mức tiểu học hay trung học là cùng, lại có thể do học hỏi cá nhân mà đạt tới một trình độ kiến thức, lý luận và diễn đạt cao như vậy. Họ viết nhiều bài, nhiều sách và viết một cách xuất sắc. Đó là những người mà mọi người Việt Nam dù đồng ý hay không đồng ý với họ đều phải tự hào. Họ đúng là những tinh hoa thực sự của dân tộc Việt Nam, dù họ đã thất bại. Điều cũng cần phải nói ra là trong tất cả các lực lượng chính trị đã có mặt tại Việt Nam từ trước thế chiến 2 trong giai đoạn huynh đệ tương tàn, nhóm Đệ Tứ là nhóm duy nhất đã không làm đổ một giọt máu nào của bất cứ ai.

Như để trấn trối cho các thế hệ mai sau, ông Hoàng Khoa Khôi đã viết hồi ký *Nhìn Lại Sáu Mươi Năm Tranh Đấu cho Việt Nam*, ông Nguyễn Văn Liên viết *Tự Thuật*. Cả hai vị đã có nhã ý gửi tặng Thông Luận cuốn sách cuối cùng của họ. Ông Nguyễn Văn Liên viết trong thư: "*Đồng bào quốc nội và hải ngoại đang nóng lòng mong đợi sự toàn thắng của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên*". Xin rất cảm ơn hai vị tiên bối.

Thông Luận đăng lại sau đây một đoạn trong cuốn *Tự Thuật* của ông Nguyễn Văn Liên, kể lại đám tang ông nội ông. Bài viết thật sống động và tài tình. Đọc nó là cả một sự thích thú, không đọc là một sai lầm lớn.

Thông Luận

Đám tang ông nội tôi

Di ngược dòng thời gian, tôi cố nhớ lại quãng đời thơ ấu. Khi đó tôi lên 6 tuổi, nhưng nhớ rõ ràng những gì đã xảy ra trước, trong và sau đám tang của ông nội tôi. Ông tôi mất khi 83 tuổi, đã nhiều lần ăn trên ngai trước, và là tiên chỉ của làng. Mỗi khi làng có lễ, tết thì đã từng được hưởng "đầu gà má lợn". Được mời ăn phải trả miếng, ấy là món nợ tuần hoàn, vay trả, trả vay. Những thành kiến bất hủ ngàn xưa như một miếng ngoài làng bằng một sáng trong bếp; một người làm quan cả họ được nhờ. Những dị đoan bất dịch như khi sống gửi không trả được nợ trần, lúc thác về phải dọa dầy nơi địa ngục. Những đối phong bại tục đó đã tiêm nhiễm vào đầu óc từ ngàn xưa.

Bởi thế đám tang của ông nội tôi phải là đám tang to tát, có rước sách linh đình, có ăn uống trọng thể, có thể mời tròn đạo hiếu. Nếu không thì miệng đời mai mỉa, nhục nhã cho gia đình, cho tôn tộc. Gia đình bác và chú tôi giàu có, vấn đề phí tổn không cần đặt để tới. Nhưng đối với gia đình tôi thì sao? Gia đình tôi đứng vào giai tầng trung nông, song gặp mấy năm thiên tai liên tiếp, tuy chưa phải vay nợ, nhưng đã bắt đầu thiếu thốn. Bố mẹ tôi tuy nhiên không dám chối từ, nhưng lưỡng lự. Các chú, các bác họ xa tuy không phải đóng góp phí tổn, nhưng có quyền bàn cãi: chi họ ta bề thế nhất trong xã, phải cử hành đám tang thật trọng thể, để cho miệng đời không thể xúc phạm đến thanh danh của tôn tộc. Nên nhớ rằng cụ cố là tiên chỉ của làng. Ai nấy đồng lòng bàn xuôi câu chuyện mà phần quyết định cuối cùng là ông chú, bác đầu tôi và chú ruột tôi.

"Nếu chú cần gạo nếp, gạo tẻ thì sang nhà tôi lấy mấy chục thùng khi nào trả cũng được". "Nếu bác cần tiền tôi cho mượn muốn bao nhiêu tùy ý". Nhất là ông chú tôi có thẩm quyền thông qua ý kiến của bác đầu và chú tôi (vì bác ruột đã qua đời sớm). Thế là vấn đề được giải quyết xong xuôi. Họ hàng, làng xóm sẵn sàng giúp một tay, và công sự khởi đầu. Người thì xay lúa giã gạo tấp nập, người thì đi mua lợn hàng chục con, người thì đi chợ mua rau quả mắm muối. Đội ngũ đông đảo nhất là đội làm thịt lợn, nấu nướng bày bàn và tiếp khách. Ai nấy làm việc tấp nập như ngày hội và quên rằng đây là đám tang, chỉ trừ tang chủ.

Suốt ba ngày đêm linh cửu để ở nhà tôi, bố mẹ tôi phải canh gác thâu đêm. Hôm cử hành đám tang, mẹ tôi không còn đủ sức đi theo linh xá, đã ngã gục nhiều lần, bất tỉnh nhân sự, phải xoa thuốc mới tỉnh trở lại. Đó không phải là tục nằm đường chiếu lệ như các đám tang khác, mà là sự mệt mỏi quá độ. Bấy ngày đêm rờn rã, trước bàn thờ, đèn nến sáng choang, mùi trầm hương ngạt thở, trống kèn vang suốt. Bố mẹ tôi là tang chủ, bấy ngày đêm phải vái lạy trả lễ những khi có khách tới phúng viếng, và mỗi lần vái trả lễ phải khóc to cho khách nghe rõ tiếng khóc. Còn khổ dịch nào bằng khổ dịch này? Khóc không còn nước mắt cũng phải khóc! Khóc không ra tiếng cũng phải khóc.

Sau ba ngày mẹ tôi hoàn toàn thất thanh, không tài nào khóc ra tiếng được, cũng không nói ra tiếng được nữa. Các bà bác, bà thím, bà cô, bà dì nhao nhao quở mắng là khóc giả vờ, phờng thất hiếu! Lễ nghi nào, phong tục nào lại tôi tệ như vậy?

Dưới mái hiên và ngoài sân, từ 10 giờ đến 22 giờ, khi nào cũng có hàng trăm người ăn uống ồn ào. Một tiếng đồng đạc át cả tiếng ồn ào: "Ai là chủ nhà bếp, ra đây tôi hỏi. Đã mời khách phải tiếp khách phân minh. Tôi là người có chức tước, mà mâm cỗ của tôi lại không có tại và

mũi?". Một người khác lớn tiếng hơn: "Cỗ bàn như thế này mà cũng đòi mời khách khứa ư? Tại sao các mâm khác có hai chai rượu, mâm này chỉ có một chai? Kia xem, đĩa lòng chỉ có ba miếng gan thì ai ăn ai nhịn?". Người thứ ba đứng dậy nói oang oang như tiếng sấm: "Thế ra các người nhìn mặt đặt tên hay sao? Này, xem bát thịt xào ở mâm tôi chỉ bằng nửa bát của mâm bên cạnh!".

Ông đốc công trách nhiệm toàn chung việc nấu nướng bày bàn và tiếp khách, đứng ra xin lỗi: "Thưa quan viên và quý khách, trong đội ngũ dọn cỗ có nhiều người làm việc này lần đầu tiên nên xảy ra thiếu sót, xin quan viên và quý khách thứ lỗi cho". Thế rồi ông sai người đem đến những nơi đòi hỏi. Mọi người trở lại ăn uống ồn ào như vỡ chợ. Một lát sau, khi rượu mạnh đã ngấm vào mạch máu và giây thần kinh, tiếng ồn ào lại nổi lên gấp bội.

Trong số khách đang ăn uống, có nhiều người đã biến thành diễn giả, diễn viên. Tại một góc sân, một người đang hưng hăng nói lớn: "Chiêu đãi phải có năm bảy cách chiêu đãi, phải có nghệ thuật chiêu đãi, phải có thứ bậc, có qui khách, có thường khách. Bất cứ nơi nào cũng có kẻ trên người dưới, nếu ai cũng như ai thì xã hội sẽ hỗn loạn. Đời thuở nào lại đặt người chức sắc ngồi cùng mâm với những kẻ bạch đình".

Thế ra ông ta là chức sắc ở làng bên, ba người cùng ngồi một mâm với ông đều là bạch đình. Ba người này biết rõ ông ta nhằm công kích mình, không dám hở miệng hé răng. Bất đắc dĩ một người ở mâm bên cạnh đứng lên phản đối:

- Ở đây không phải là nơi đình trung mà phải xếp đặt ngôi thứ. Đây là nhà tư mời khách ăn uống, nếu không bằng lòng thì đừng đến, khi đã đến thì chỉ có việc ăn uống, chứ không có quyền chỉ trích. Làm sao có thể xếp đặt được ngôi thứ? Có hàng mấy trăm người xa lạ, biết ai là ai? Hễ đến trước ngồi trước, đến sau ngồi sau, cứ đủ bốn người là ngồi vào một mâm cỗ. Bất cứ nhà tư nào chiêu đãi cũng tổ chức như vậy, không làm thế nào khác được.

- Thằng này lại láo với ông à? Tao biết rõ ràng tông tích nhà mày. Bố mày đi hầu cụ chánh tổng làng tao, ngày nay mày có bát ăn, không phải đi hầu hạ nữa, nhưng vẫn là dựa đi làm thuê, làm thợ mộc là làm thuê chứ gì?

- Ở xã hội này dựa nào lại chẳng phải làm thuê. Một anh thợ mộc với một cụ lý trưởng đã chắc dựa nào hơn dựa nào!

Quả vậy, chưa chắc ai hơn ai! Ông cụ lý trưởng, được gọi là ông lý cụ, có chỗ ngồi ở đình trung nhưng không biết quốc ngữ. Anh thợ mộc cũng được người ta gọi là phó mộc, bác phó mộc đi đây đi đó nhiều, giao thiệp với người tứ xứ, nói năng hoạt bát, lại biết năm ba chữ quốc ngữ. Bác ta tự làm lấy kế toán, không cần đến "thầy ký" nào cả. Chưa chắc ông lý cụ đã hơn bác phó mộc!

Ông lý cụ không thể tha thứ cho một bạch đình, dám xấc láo với ông. Mặt đỏ gay ông chỉ vào mặt phó mộc và quát lớn: "Thằng bạch đình khốn nạn kia, mày dám xưng hô bằng anh và dựa với ông à! Ông sẽ cho mày một trận đòn biết tay". Thế rồi ông xông xáo đến nắm tóc bác phó mộc rồi dấm đá túi bụi. Cuộc ẩu đả khởi đầu, nhưng không phải là ẩu đả tay đôi. Bác phó mộc chỉ đỡ đòn và lùi bước chứ không đánh trả.

Ông đốc công tưởng rằng câu chuyện cái cọ chỉ qua loa rồi chấm dứt. Trái lại, tấn hài kịch cứ kéo dài mãi. Bất buộc ông phải can thiệp, và cũng chưa phải là lần cuối cùng.

- Xin quan anh miễn chấp cho, quả thật chúng tôi không được biết, nếu biết trước đã mời quan anh ngồi ở nơi xứng đáng những mâm ở trong nhà, sự sơ xuất đó chúng tôi xin chịu lỗi.

- Đã biết nhận lỗi ta cũng tha thứ cho.

Cuộc ẩu đả đơn phương chấm dứt, bác phó mọc lúi ra xa rồi bỏ ra về. Nhưng tấn bi hài kịch vẫn chưa hạ màn. Ông lý cựu vẫn cứ vanh vách một mình, và mỗi lúc nói lớn thêm, sau khi hớp một cốc rượu và nhắm một miếng thịt.

Đồng thời, tại một góc sân cũng diễn ra một vở bi hài kịch khác. Một người đứng tuổi, tóc đã hoa râm, cái quần lưng thụng xụt đến gần bẹn, áo cánh không cài khuy, để lộ cái bụng phệ như bụng lợn ỉ, đang ca hát oang oang. Hát xong, ông ta nhìn khán giả không thấy ai vỗ tay hoan hô, ông hờn tủi, hớp một ngụm rượu, nhắm một miếng thịt nhai nhồm nhoàm rồi chửi đổng : *"Thật là ngu si như lợn, không ai biết thưởng thức văn chương, nghệ thuật, chẳng khác gì đàn Tu Mã gầy trước tai trâu, chúng cứ vênh tai nhìn nhác như vịt nghe sấm, thơ Lý Bạch đọc trước bọn đũa ở con hầu chúng chỉ ngác nhìn nhau, rồi lẩn đi nơi khác"*. Ông ta tiu nghỉu, hờn tủi rồi khóc hu hu.

Một người liếc nhìn ông đốc công và nói khe : *"Đời thuở nào lại ca hát giữa đám tang"*. Ông này chán ngán uể oải và nói : *"Thôi, kệ họ, họ nói, cười hay khóc cũng chẳng có nghĩa lý gì nữa, hơi sức đâu mà can thiệp, chỉ cốt đừng xảy ra ẩu đả, vỡ đầu sứt tai là được"*.

Ở bên sân nhà chủ tôi, kể liên với sân nhà tôi, cũng có cỗ bàn, khách khứa đang ăn uống. Nhiều tấn tuồng hỗn hợp cũng đã xảy ra không kém phần náo nhiệt. Cũng có người đã hát, đã khóc, cũng có những người chửi bới nhau và đấm đá lẫn nhau, nhưng ai cũng để ý tới hai vở bi hài kịch cuối cùng. Mấy đứa trẻ hóm hỉnh từ ngoài cổng chạy vào sân, cười nói âm ỹ. Mấy người lớn ra lệnh im miệng. Tại sao chúng lại cười hí hửng và chạy nhón nháo? Bởi vì chúng thấy một người đang ăn cỗ, đứng dậy chạy ra sau hàng rào, đá tở tở, nước đá bắn cả vào chiếc chiếu của mâm bên cạnh. Tấn kịch đó ít quan trọng, những người có trách nhiệm tiếp khách làm ngơ.

Nhưng, bỗng nhiên một người đứng dậy và chạy ra ngoài cổng. Bọn trẻ hóm hỉnh chạy theo, lần này chúng không reo cười mà tò mò rình trộm xem người kia làm gì ? Người đó chạy ra đằng sau một bụi tre cách đám ăn cỗ chừng 20 mét rồi phóng uest tại đây. Mấy đứa trẻ rón rén trở về trước, nói khe vào tai ba người cùng mâm với người kia. Khi anh ta trở lại nơi cũ, một trong ba người đứng dậy chỉ vào mặt và nói : *"Mày không có quyền trở lại đây nữa, phải cút xéo ngay !"*. *"Mày không có quyền đuổi tao !"*, rồi thoi một quả đấm vào mặt địch thủ. Người kia không đề phòng, bị đánh một quả đấm ngàn cân có chuẩn bị. Hai người cùng mâm đồng thời đứng dậy túm cổ anh kia đánh cho một trận như tử, rồi lòi ra ngoài cổng tống cổ đi. Tên thương binh này ư a gây lộn, nơi nào có nó thì có ẩu đả, lần này gặp hai địch thủ không phải tay vừa nên bị một trận đòn đau. Ông đốc công cố gắng nhẫn nại và ôn hòa để tránh những cuộc ẩu đả, nhưng không tránh nổi.

Trời đã tối hẳn, bữa tiệc đã gần tàn, chỉ một ít khách tới trẻ còn đang ăn uống. Phần đông đã cáo lui. Một người gây guộc và đã có tuổi, lê lét từ trưa mà vẫn còn ngồi đó khề khà, ông ta ăn hết ở mâm của mình, khách ăn cùng mâm đã cáo lui hết. Ông lại lê lét đến mâm khác còn rượu thịt nhưng khách ăn đã đi khỏi, ông tiếp tục tự do nhậu nhẹt, chẳng ai phản đối. Bỗng nhiên ông quay ra ngoài chiếu, cúi mặt xuống rồi nôn oẹ một đồng bên cạnh chiếu. Một người tiếp khách muốn giấu giếm, lấy một mảnh chiếu che đậy cho yên chuyện. Nhưng không giấu được. Ông khách quay lại tiếp tục ăn uống, và 15 phút sau lại nôn oẹ lần nữa trên mảnh chiếu này rồi nằm gục bên cạnh mâm cỗ và ngáy khò khè. Ông đốc công cất cử hai anh thanh niên lực lưỡng thay phiên công ông hương X về nhà. Khi tới nhà, mù hương vẫn điềm đạ nói với hai cậu thanh niên : *"Xin các chú xá lỗi cho, ông ấy vẫn như*

thế chẳng thay đổi gì, ăn uống say sưa rồi nằm đầu ngủ đấy, lê đường, xô chợ, chỗ nào cũng ngủ được. Khi ngủ dậy giắc, đứng dậy về nhà, bình tĩnh như chẳng có chuyện gì xảy ra".

- Nhưng chúng tôi sợ ông ngủ ngoài trời nhất là đã say rượu sợ bị cảm gió.

- Cũng may, cho tới nay chưa bị cảm lần nào.

Ngày thứ bảy, khách khứa đã thưa dần, hình như ngày cuối cùng tiếp một thứ khách đặc biệt. Những ngày khác cũng có ăn mày đến xin ăn, nhưng chỉ lẻ tẻ, hôm nay ăn mày ở đâu tới đông như vậy? Có hàng trăm, thứ ăn mày này cũng đặc biệt, không giống như những ăn mày thường. Những người này tuy ăn mặc rách rưới nhưng thân hình không tiêu tụy, có người vạm vỡ, có người mặt mũi phương phi hồng hào, và đặc biệt hơn nữa là họ có tổ chức. Không lộn xộn, không tranh giành nhau, họ có đại diện và nói lên những lời thống thiết phúng viếng cụ cố, cũng nói lên những lời thân mật ủy lạo tang chủ và tang gia. Tuy họ không được ngồi ăn cỗ phân minh, nhưng mỗi người được tặng một gói nhỏ có thịt, xôi, cơm bánh dùm kín đáo bằng lá chuối sạch, những gói quà đó đã được chuẩn bị trước dành riêng cho họ, chứ không phải cho ăn mày những thức ăn thừa thãi như những ngày khác.

Mãi lâu sau tôi mới được biết là những người ăn mày đó không phải là ăn mày thực thụ. Họ cải dạng để đi ăn mày trong những ngày nhất định : Lễ, Tết, hoặc khi có những đám ăn tiệc, hiếu, hỉ.

Những ngày tiếp theo đám tang, nhà cửa bề bộn hoang tàn, người ta có cảm tưởng như có cơn bão táp vừa lướt qua. Những đồng rác ở ngoài sân ngổn ngang, hơi men bốc lên ngùn ngụt, tỏa ra mùi nồng nực muốn lợm mữa. Các cột nhà, đổ vách, cánh cửa đầy những vết mờ, thịt, dầu phải rửa ráy và tẩy uest công phu, rồi đốt các đồng rác ở ngoài sân, ngoài ngõ, có đến hàng tháng vẫn chưa trở lại quang cảnh bình thường. Sau đám tang, một luồng tư tưởng bao phủ cả làng xóm, gây ra nhiều cuộc bàn cãi dài dòng.

Đám tang làm về vang mặt mày cho chi họ, xứng đáng với danh giá của tôn tộc. Đã từ mấy chục năm nay, mới có một đám tang to tát như vậy, rước sách linh đình, khách khứa đông đảo và cả tổng ăn uống trong bảy ngày liền. Ông Cửu Cúc thật là người có tài tổ chức, rước sách cũng như cỗ bàn và tiếp đãi, cái gì cũng hoàn hảo.

Trái lại, những lời chê bai trách móc cũng không ít, nào là tiếng chào cao hơn mâm cỗ, cỗ bàn hậu hỉ đến mày mà tiếp khách không biết xã giao thì khách sẽ không hài lòng. Người ta đến phúng viếng là để chia buồn với tang gia, để tỏ tình thân mật với nhau những khi tối lửa tắt đèn, chứ đâu phải chủ ý đến để ăn uống say sưa. Ban tổ chức chỉ biết tận tụy làm việc, chứ không biết giao thiệp đã làm cho nhiều người mất lòng.

Bố mẹ tôi không để ý đến những lời bình luận. Những lời khen không làm cho đắc chí, những lời chê không làm cho lo sợ. Mà chỉ lo làm sao trả được món nợ, và trả đến bao giờ mới xong ?

Mặc dầu chú, bác tôi không đòi lãi, nhưng phải trả vốn, không đòi trả ngay, và trả đủ một lần. Trả nhiều lần góp lại, cũng phải trả đủ. Từ đó, gia đình tôi thay đổi hẳn nếp sống. Bố mẹ tôi không còn có thể cưng con cái như trước, sắm sửa cho chúng tôi những gì như bạn hữu có. Mặc dầu hết sức cần kiệm, nhưng làm lụng quanh năm không đủ ăn thì để dành sao được ? Rút cuộc phải bán ruộng để trả xong nợ. Gia đình tôi ngày càng xuống dốc, từ giai tầng trung nông tới giai tầng bản nông.

[...]

Nguyễn Văn Liên (Paris)

Lòng tự trọng của người ăn cắp

Phạm Việt Vinh

Dưới đây là những dòng thư của một người cha từ Nghệ An gửi cho đứa con trai đang xin tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức : "... Ở nhà rất thương con và cũng rất tự hào về con. Số tiền con kiếm được và gửi về đã làm cho bố mẹ rất hãnh diện với họ hàng, làng xóm : nhà mình đã được sửa sang, các em con đã có tiền để đi học thêm. Bố mẹ chỉ mong con ở bên đó luôn được khỏe mạnh, đi làm đều đặn để dành dụm được một số tiền làm vốn cho tương lai. Con phải nhớ rằng : một đồng Ô rô (1) con kiếm được và gửi về sẽ đủ cho con sau này sống được vài ngày trong nước. Hãy chịu khó, chịu khổ bây giờ để ngày mai sung sướng, con nhé ! Mỗi hôm nữa một số bạn bè của con lại sang Đức theo con đường của con, trong đó có C. là con chú P. Chú nhờ con giúp đỡ và chỉ bảo cho C. cách làm ăn...".

Người nhận thư là Hùng (2), một thanh niên mặt mũi khô ngo, chừng 20 tuổi, đã bị Cộng Hòa Liên Bang Đức bác đơn xin tỵ nạn vì đơn hoàn toàn không có lý do. Hùng ở trong một trại tỵ nạn dành cho thanh thiếu niên ở Berlin, nhận 160 Euro tiền trợ cấp xã hội mỗi tháng, cứ 2-3 tháng lại phải trình diện Sở Ngoại Kiều để gia hạn giấy tạm dung (*Duldung* - thực chất là giấy tạm hoãn trục xuất), và do vậy, lúc nào cũng nơm nớp nguy cơ bị đưa trả trở về bản quán. Khi được hỏi về việc "đi làm", Hùng đỏ mặt ngượng nghịu : "Xin tỵ nạn thì ai cho đi làm hả chú. Việc kiếm tiền của bọn cháu là đi ăn cắp tại các siêu thị. Nhưng nếu chăm chỉ và không dính vào nghiện hút thì cũng có tiền chú ạ". Sang nước Đức mới được một năm nhưng Hùng đã bị cảnh sát bắt 60 lần về tội ăn cắp. Theo thống kê "nội bộ" thì cứ ăn cắp hơn 10 vụ mới bị bắt một lần. Tức là trung bình ngày nào Hùng cũng "đi làm" 2-3 vụ. "Mới đầu cũng sợ lắm, cũng xấu hổ lắm. Nhưng dần dần cũng hết sợ vì cảnh sát Đức họ rất nhân đạo, và mình cũng chẳng còn xấu hổ nữa", Hùng cho biết.

Đây không phải là trường hợp cá biệt. Hàng trăm thanh thiếu niên xin tỵ nạn Việt Nam đang hành xử như Hùng ở những mức độ khác nhau. Đa số họ hoàn toàn không biết là nước Đức chỉ chấp nhận, giúp đỡ những người xin tỵ nạn do bị truy nã, vùi dập vì lý do chính trị, sắc tộc hay tôn giáo ở quê nhà. Với họ, nước Đức đơn giản chỉ là một chỗ kiếm tiền - cho hiện tại và tương lai. Cúc (2), một cô gái nhỏ nhắn, nhưng sắc sảo, thì tâm sự : "Thực ra thì ở Việt Nam cháu đã tốt nghiệp Đại học tài chính, nhưng bố cháu đã về hưu nên chẳng còn thân thế gì để có thể lo cho cháu một chỗ làm ổn định. Muốn làm chân kế toán tại một chỗ tử tế phải có hơn 10.000 Đôla để lót các cửa. Ở bên này, kiếm đủ số tiền đó, cháu sẽ về". Vậy là, cộng với hơn 6.000 Đôla chi phí cho "dịch vụ" đưa người sang Đức, trong thời gian ở đây, Cúc sẽ phải kiếm cho được 16-20.000 Đôla. Với tất cả những gánh nặng tinh thần, tài chính này, hàng trăm, hàng ngàn chàng trai, cô gái Việt Nam đã tự ép mình thành những "cỗ máy" kiếm tiền vô giác. Cử nhân tài chính Cúc

cũng đi ăn cắp thường xuyên.

Từ hoàn cảnh "tốt nghiệp phổ thông xong nhưng phải lêu lổng ở nhà vì không biết làm gì" như Hùng, hay "không có nhiều tiền thì không có chỗ làm tử tế" như Cúc, nghe theo những lời hứa "đường mật" và hoa mắt vì những bức vẽ bịa đặt của các đường dây đưa người vượt biên, dòng người tỵ nạn Việt Nam vẫn tiếp tục chảy sang Đức. Vài năm trước đây, người xin tỵ nạn thường lớn tuổi hơn, trong đó có cả những người mang ý thức chính trị. Nhiều khi họ đi cùng cả gia đình và nỗ lực tìm kiếm những việc làm đỡ tải nhọc hơn với mục đích tạo lập một cuộc sống lâu dài, ổn định. Trái lại, hầu hết những người xin tỵ nạn mới đều rất trẻ ; và với tâm thức "không hề biết ngày mai ra sao", họ bị đẩy vào con đường phạm tội với một tốc độ chóng mặt. Có người chỉ 7 ngày sau sang Đức đã bị bắt vì ăn cắp. Cách đây mấy năm, có ai dám nghĩ rằng chuyện người Việt Nam ăn cắp sẽ trở thành một vấn nạn phổ biến như ngày nay. Người mình có vẻ như đề cao chữ "sĩ diện", nên phải chăng, hiện tượng cụm từ "Việt Nam" đang dần dần đồng nghĩa với cụm từ "Di-gan" (3) tại Đức là một lẽ bất thường ?

Có ý kiến khẳng định những thanh thiếu niên Việt Nam ăn cắp tại Đức là "những phần tử không có lòng tự trọng, không biết sĩ nhục". Nếu nhìn kỹ, vấn đề không đơn giản như vậy ! Tuyệt đại đa số người xin tỵ nạn mới đều coi chuyện vượt biên sang Đức như là một chuyến "đi làm ăn". Ở trong nước, họ được nghe là "sang đó, chuyện ăn ở đã có nước Đức lo, các cháu chỉ chịu khó đi làm thêm là có tiền dành dụm". Nhiều gia đình phải vay mượn, phải thế chấp nhà cửa, đất đai để có đủ tiền xuất ngoại, coi như "vay vốn đi buôn". Nhưng, ngay khi đặt chân lên đất Đức, ảo tưởng của họ đã tan như bong bóng xà phòng. Người xin tỵ nạn phải đối đầu với một thực tế vô cùng khắc nghiệt và hầu như vô vọng : chỉ trong vòng 2-3 tháng là đơn xin tỵ nạn bị bác vì lý do họ nêu ra chỉ là "sang đây để kiếm việc làm" ; từ lúc này, thanh gươm trục xuất lúc nào cũng lơ lửng trên đầu, còn khả năng có việc làm hợp pháp vẫn là một con số không tròn trĩnh. Trong khi đó, cũng ngay tại những ngày đầu tiên, thôi thúc duy nhất của họ là phải ngay lập tức kiếm tiền, ít nhất cũng là để trả lại số nợ 6-7.000 Đôla "tiền vé sang Đức", và tiếp nữa là để đáp ứng "hy vọng của người nhà trong nước". Vì thế, mọi cố gắng "giúp đỡ hội nhập" nhưng mang tính "văn hóa" của nước Đức đối với họ đều như trứng đập vào đá. Rất hiếm thanh thiếu niên nào đến các lớp học tiếng Đức được mười ngày rồi mới bỏ. Nhiều người đã ở nước Đức vài năm nhưng vốn từ Đức ngữ vẫn đếm chưa hết ngón tay. Tuy được tự do đi lại trong địa phương mình ở, nhưng người xin tỵ nạn Việt Nam vẫn sống co cụm, hầu như tách biệt hoàn toàn với xã hội bên ngoài. Ngoài lúc "đi kiếm tiền", thời gian của họ là tập trung ăn nhậu và bài bạc. Người "yêu văn hóa" hơn

thì đọc báo *An Ninh Thế Giới, Thế Thao* và *Văn Hóa* (4), xem phim chương Tàu hay ngồi hát Karaoke. Họ không biết gì về nước Đức, và chẳng hiểu gì về người Đức. Với họ, đất Đức chỉ là một bãi cát để đãi vàng, và người Đức chỉ là một giống loài xa lạ. Một cô gái 30 tuổi, đã ở Berlin được 4 năm, khi được hỏi trại tỵ nạn của cô nằm ở phần Đông hay phần Tây Berlin, đã ngẩn mặt ngơ ngác : "*Sao Berlin lại có Đông, Tây ? Mà Berlin nằm ở Đông hay Tây Đức hả chú ?*". Đi ăn cắp nhiều lần, Hùng cho biết : "*Khi bị bắt, cảnh sát và khách hàng Đức họ nói gì nhiều lắm, nhưng cháu đâu có hiểu tiếng Đức nên coi như không nghe thấy. Còn họ chỉ biết cháu là người Việt Nam thôi, chứ có biết cháu là ai đâu, vậy thì làm sao mà phải ngưng ?*".

Người ta vẫn ca ngợi "những giá trị châu Á", và "tinh thần tập thể", "ý thức cộng đồng" được coi là những viên ngọc tinh thần của người phương Đông. Một con người chỉ được tồn tại với tư cách là con, em, cháu, bạn hay là đồng hương, đồng chí. Con người chỉ đáng quý khi nó có giá trị, có ý nghĩa với cha mẹ, họ hàng, làng xóm, tổ chức. Vị thế của con người cũng chỉ được đo với những người có quan hệ trực tiếp với mình. "Thua thầy một vạn không bằng kém bạn một ly". Vậy thì tại sao những thanh thiếu niên Việt Nam ăn cắp lại phải so bì, xấu hổ với những giống loài mất xanh mũi lõ chẳng có quan hệ gì, trong một môi trường xa lắc "làng mình chẳng phải, nước mình cũng không", và mấy thằng bạn mình cũng đang ăn cắp ? Những thanh thiếu niên này đối với nhau vẫn những là người bạn chí tình, nhiều khi no đói có nhau. Họ cũng thương cha, nhớ mẹ và xót xa cho mấy đứa em do thiếu tiền mà bỏ học. Họ giấu biệt không cho gia đình biết mình đang vào tù ra tội vì ăn cắp, mà chỉ báo về là "con vẫn đi làm đều". Họ lặn ngụp trong bùn nhơ để mang lại an ủi, hy vọng cho người thân và không cảm nhận được những độc tố tội tệ đã ăn sâu vào cơ thể. Bị cầm tù trong sự kém hiểu biết và bị cột chặt vào những ràng buộc tinh thần quá ác, họ tự hào là một đứa con hiếu thảo, là một công dân Việt Nam hiền lành và không thấm thía được sự tủi nhục của một phạm nhân trước những người xa lạ. Với người Đức, một cách vô tình, nhưng hữu hình, họ đã tự đặt mình vào một giống loài hạ đẳng. Có thể, khi vào một siêu thị để trộm hàng, đối với họ, đất nước và những con người xa lắc ở đây chỉ là ảo giác ; nhưng cũng có thể, họ tự coi mình như không có. Họ là con em, cháu chắt của những người thân ở nhà, chứ không phải là một cá thể thiêng liêng, có cùng phẩm giá như những khách hàng hay những nhân viên cảnh sát xung quanh. Khi đó, sự sĩ diện, lòng tự trọng không tồn tại trong họ. Họ chưa bao giờ được trang bị hai chữ "cá nhân" !

Cùng với việc tụng ca "chủ nghĩa tập thể", "ý thức cộng đồng", Việt Nam đã và vẫn là mảnh đất lớn miệng nguyên rủa "chủ nghĩa cá nhân". Người ta đồng hóa "chủ nghĩa cá nhân" với "chủ nghĩa vị kỷ" mang nội dung là mọi hành vi chỉ nhằm thỏa mãn cá nhân, bất chấp quyền lợi người khác. Người ta vô tình hay cố tình không hiểu rằng khái niệm "chủ nghĩa cá nhân", ra đời từ thời Phục Hưng, là một quan niệm coi trọng sự tự do phát triển tư tưởng và khả năng của từng cá thể. Trong chủ nghĩa cá nhân, từng cá thể

có một vị trí thiêng liêng phải được bảo vệ. Tự do cá nhân là nền tảng xã hội của các nước tiên tiến ; đồng thời, nó là kẻ thù không đội trời chung của các nước Khổng Giáo coi "quân thân phụ tử" là rường cột đạo đức quốc gia, và của các nhà nước độc tài coi người dân như một bầy cừu cần phải được lãnh đạo, chăn dắt cẩn trọng. Khi việc đề cao con người cá thể là động lực sự thăng hoa về tinh thần và vật chất của các nước dân chủ phương Tây, thì sự căm thù, triệt hạ chủ nghĩa cá nhân tại nhiều nước phương Đông, ngoài việc kìm hãm bước tiến xã hội, còn làm nảy sinh ra hàng loạt những căn bệnh giết chết nhân cách, hủy hoại con người. Sẽ hoàn toàn không ngoa ngoắt nếu khẳng định rằng chính chủ nghĩa tập thể, ý thức bầy đàn là một trong những nguyên nhân chính gây ra làn sóng ăn cắp một cách bình thản của thanh thiếu niên Việt Nam xin tỵ nạn hiện nay tại Đức.

Khi cái "Ta" không còn, chỉ còn lại cái "Chúng Tôi", thì cái "Tôi" ăn cắp đã trở nên vô hình, hoặc cùng lắm cũng chỉ mang "Hồn Trương Ba, da hàng thị". Sự gian lận, lẩn tránh nhân cách con người cá nhân này, đương nhiên không phải chỉ có ở những người Việt trẻ tuổi đang lang thang dưới trời Âu. Nó đang hoành hành trong nước ở một mức cao hơn nhiều, với một cái tên mỹ miều là "tham nhũng". Các quan chức chính quyền Việt Nam, kể cả ở cấp cao nhất, khi điềm nhiên chia chác hàng triệu, hàng chục triệu Đôla trong các vụ "làm ăn", "biểu xén", ngoài việc nghĩ rằng họ đang tự thưởng công cho tài năng leo cao của mình, chắc cũng nghĩ đến phúc lộc, đến tương lai cho vợ con, họ hàng. Khi giành giật cho gia đình khu đất này, biệt thự kia, chắc họ cũng muốn là một người chồng, một người cha biết lo cho vợ, cho con. Khi móc ngoặc với nhau để "tao ăn, mày ăn, chúng ta cùng ăn", khi bao che, nâng đỡ người quen để thụt két nhà nước, chắc họ cũng nghĩ đến tình "đồng hội, đồng thuyền". Tất cả những cái đó sẽ mờ trốn, sẽ bảo vệ được chữ "sĩ", chữ "trọng" đối với những người xung quanh, những người thân thuộc. Khó có thể bảo rằng họ không có "sĩ diện", không có lòng "tự trọng". Nhưng thực chất - không hơn không kém, hành động của họ chính là ăn cắp !

Theo định nghĩa pháp lý, ăn cắp là hành vi lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt sở hữu của họ, chuyển thành sở hữu của mình. Sơ hở có thể là sự vắng mặt, và có thể là sự không hiểu biết. Khi ăn chia bổng lộc bất hợp pháp, khi moi két nhà nước, các quan chức chính quyền đã ăn cắp của nhân dân, của quốc gia. Nhân dân và quốc gia thì hiện hữu nhưng vô hình. Vậy thì cũng như những thanh thiếu niên Việt Nam ăn cắp tại các siêu thị Cộng Hòa Liên Bang Đức, với sự thiếu hụt về trí tuệ và nhân cách cá nhân, các quan chức tham nhũng đã coi như mình đang chiếm đoạt sở hữu ở một chốn không người. Họ sẽ không bị vương vấn bởi những giá trị như "sĩ diện" hay "tự trọng". Họ hãnh diện vì đã lấy được nhiều, và hoàn toàn không phải xấu hổ khi các đồng chí, đồng liêu, đồng nghiệp của họ cũng đang đua nhau làm như họ. Một điều khác biệt là khi cúi gầm mặt ở các siêu thị Đức, với tên tuổi giả (5), người ăn cắp Việt Nam có vẻ như vô dạng, "tôi không phải là tôi",

còn các quan chức ở Việt Nam thì trẻ con cũng rõ danh tính; khi dùng vị thế để chiếm đoạt của cải người khác, họ đã là những tên ăn cướp. Điều khác nữa là ăn cắp ở Đức rất dễ bị công tay, còn ăn cắp - thậm chí là ăn cướp cao cấp - ở Việt Nam thì đã là một vấn nạn bất trị, một "luật chơi" được chấp nhận bất thành văn trong một môi trường bầy đàn lầy động; và hơn thế, các quan chức ăn cắp ở ta còn có quyền bắt giam, bỏ tù những ai đòi đổi thay cái thể chế lưu manh của họ. Việc ông "nhà thơ" Nguyễn Khoa Điềm, trưởng ban tư tưởng-văn hóa, "đầu têu" vụ cuỗm bản quyền sản phẩm tin học của nước ngoài rồi chuyển thành *Giải nhất cuộc thi Trí Tuệ Tuổi Trẻ Việt Nam* vừa qua cho thấy ăn cắp đã trở thành thói tính. Ở ta, đã hình thành một văn-hóa-ăn-cắp-thần-nhiên!

Có lẽ, một trong những nguyên nhân sâu xa nhưng chính yếu của việc ăn cắp, tại các siêu thị ở Đức hay tại các công sở uy nghiêm ở Việt Nam, là thủ phạm không còn khả năng đối diện với chính mình. Văn hóa bầy đàn, thân thuộc là một tấm bình phong vững chắc cho những hành vi vô sỉ, tệ hại. Luật pháp là vô nghĩa khi chính những người làm ra nó và thi hành nó lại là tội phạm. Nó cũng phải bó tay trước một khối người vòng tròn, người này úp mặt vào lưng người khác.

Chỉ đến khi từng cá nhân được tôn trọng cả về thân thể và tư tưởng, thì con người mới có thể tự hào về tư cách con người, mới có thể tự trọng để bảo vệ sĩ diện cho chính cá thể mình. Chỉ đến khi đó, người Việt Nam tại Đức mới có thể ngẩng mặt coi mình ngang cấp như những các khách hàng và nhân viên cảnh sát Đức. Lúc đó, người Việt tại Đức hay tại Việt Nam sẽ biết xấu hổ khi đi ăn cắp; và như vậy, đất nước, con người mới dần dần trở nên lành mạnh.

Phạm Việt Vinh
(Berlin, tháng 01-2005)

Chú thích :

- (1) : Đồng Euro.
- (2) : Tên người đã được thay đổi.
- (3) : Người Di-gan (tzigane) vẫn luôn bị coi là một sắc dân hay ăn cắp.
- (4) : Các báo được chuyển từ Việt Nam sang và có số người đọc rất lớn.
- (5) : Khi nộp đơn xin tỵ nạn, hầu hết thanh thiếu niên Việt Nam đều khai tên tuổi giả để hạn chế khả năng bị trục xuất về nước.

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng". (*Thành Công Thế Kỷ 21*, trang 133)

Đọc và cổ động Thông Luận

SÁCH NÊN ĐỌC

* *Nhìn Lại Sáu Mươi Năm Tranh Đấu Cho Việt Nam*, tác giả Hoàng Khoa Khôi. Sách dày 500 trang, khổ A5. In ấn trang nhã. Giá bán 20 euros. Ngân phiếu và liên lạc : Hoang Khoa Khôi, 8 rue Saint Ambroise, 75011 Paris.

* *Tự Thuật*, tác giả Nguyễn Văn Liên. Sách dày 255 trang, khổ A4, giá 25 euros.

* *Les Travailleurs Requis*, tác giả Nguyễn Văn Liên và Đặng Văn Long, 127 trang, khổ A4, giá 15 euros.

Các cụ Nguyễn Văn Liên (90 tuổi), Hoàng Khoa Khôi (87 tuổi) và Đặng Văn Long (đã qua đời cách đây ba năm ở tuổi 87) đều là những công nhân ONS được gửi qua Pháp năm 1940 do nhu cầu chiến tranh. Cả ba cụ đều là những vị lãnh đạo nhóm Đệ Tứ Việt Nam, và là đồng chí của Tạ Thu Thâu. Do cố gắng học hỏi cá nhân và qua kinh nghiệm, họ đạt tới một trình độ hiểu biết, lý luận và diễn đạt hiếm có.

Cả ba cuốn sách trên đều giống như những hồi ký, qua đó độc giả thấy được những thực tại của Việt Nam trong giai đoạn Cách Mạng Tháng 8-1945. Tất cả những cuốn sách này đều được viết một cách thành thực, rành mạch và sống động, với một giá trị văn chương cao. Điều quý giá nhất là chúng cho thấy tấm lòng của những con người tha thiết với tổ quốc. Hơn những hồi ký, đây là những cuốn tiểu thuyết về sự kiên trì và lòng yêu nước. Rất nên đọc và cần mua ngay vì số lượng sách in ra rất ít. Đặt mua, ngân phiếu xin đề *Vietnam Fraternité* và gửi về tòa soạn *Thông Luận*.

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

1. Đông Bắc * Tây Bắc - Trường Sơn Bắc * Trường Sơn Nam - Tây Nguyên

Lê Văn Hào

DÂN TỘC VIỆT NAM : 54 SẮC TỘC VÀ 10 VÙNG VĂN HÓA



Thiếu nữ Tày

Dân tộc Việt Nam là tập đại thành của 54 sắc tộc và có thể tạm thời khẳng định rằng văn hóa Việt Nam là tập đại thành của 10 vùng văn hóa : *Thăng Long – Hà Nội, Phú Xuân - Huế, Sài Gòn - Gia Định, Trung du và đồng bằng Bắc bộ, Đông Bắc, Tây Bắc và Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam - Tây Nguyên, đồng bằng ven biển Bắc Trung bộ, đồng bằng ven biển Trung và Nam Trung bộ, Nam bộ.*

Các sắc tộc thiểu số và đa số

của đất nước ta - với tổng số hơn 80 triệu người mà 85% là người Việt - có số dân không đồng đều : 6 sắc dân trên một triệu người (Việt, Tày, Thái, Khmer, Mường, Hoa) ; 3 sắc dân từ 600.000 đến một triệu người (Nùng, Hmông, Dao) ; 8 sắc tộc từ 100.000 đến 600.000 người (Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Sán Chay, Chăm, Xơ Đăng, Sán Dìu, Cờ Ho) ; 14 sắc dân từ 1.000 đến 100.000 người, 5 sắc dân từ 300 đến 600 người (Ơ Đu, Si La, Pu Péo, Brâu, Rờ Măm). Nhưng dù chỉ có 300 người hay chiếm 85% dân số Việt Nam, mỗi sắc dân đều có một nền văn hóa đóng góp vào vườn hoa trăm sắc ngàn hương của đại gia đình văn hóa Việt Nam.

Bây giờ chúng ta hãy chiêm ngưỡng những nét đẹp của đại vùng văn hóa núi rừng ở ba vùng : Đông Bắc - Tây Bắc và Trường Sơn Bắc - Trường Sơn Nam và Tây Nguyên (các cao nguyên miền Tây Nam Trung bộ).

Nét đẹp vùng văn hóa Đông Bắc (Việt Bắc)

Đó là vùng núi rừng gồm phần đất các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, một phần các tỉnh Quảng Ninh, Lào Cai, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang. Cư dân các sắc tộc sinh sống nơi đây là người Tày, Nùng, Hmông, Dao, Hoa... trong đó người Tày là cư dân bản địa lâu đời nhất, có số dân đông nhất. Các sinh hoạt văn hóa cộng đồng thể hiện qua các hình thức lễ hội cổ truyền, qua sinh hoạt văn hóa chợ, qua một nền văn học dân gian phong phú : *Pú Lương Quân, Chín Chúa Tranh Vua, Then Bách Diểu, Lấy Chông Bé, Chống Ép Duyên...* mà các mẫu đề và hình tượng thể hiện quá trình giao lưu văn hóa giữa nhiều sắc tộc núi rừng.

Vùng văn hóa Đông Bắc trước hết là quê hương của hội

lồng tồng (xuống đồng). Hội này là sản phẩm văn hóa của cư dân nông nghiệp Tày Nùng, tối thiểu diễn ra trong phạm vi một bản (làng), thông thường một số bản gần gũi nhau liên kết cùng tổ chức, có khi mở rộng ra một vùng vài chục bản. Dự hội đông đảo nhất là người Tày, người Nùng nhưng luôn có nhiều sắc tộc láng giềng tham gia, kể cả những người đồng tộc ở bên kia biên giới Việt-Trung và người Việt ở miền xuôi lên.

Hội tổ chức ngoài trời, trên một thửa ruộng lớn gọi là *ruộng xuống đồng*. Chủ trì hội là *ông thạ đình* (người coi đình) hay người coi việc thờ cúng Thần Nông của bản. Tất cả gia đình tham dự hội đều mang theo cỗ để làm lễ vật cúng thần đất, thần núi, Thần Nông và Thành Hoàng : đó là những mâm cỗ thịnh soạn, trình bày đẹp. Ở một số hội

qui mô lớn, người chủ trì còn cho tổ chức lễ *hiển tam sinh* (trâu, heo, gà hay heo, dê, gà). Là lễ hội quan trọng nhất của vùng Đông Bắc nên mọi người đều mặc y phục sắc tộc đẹp nhất, các bà, các cô được tô điểm bằng đồ trang sức quý nhất.

Hội thường diễn ra trong một ngày, có nơi kéo dài đến ba, bốn ngày. Các bản không tổ chức hội một cách đồng loạt để còn có dịp dự hội ở các bản láng giềng gần xa, cho nên hàng chục hội lồng tồng được tổ chức luân phiên, bắt đầu từ ngày mồng 2 Tết nguyên đán cho đến hết tháng giêng, thậm chí có khi sang tháng hai, như người Việt vùng Bắc Ninh tổ chức luân phiên mười mấy hội quan họ của

thời xuân xưa.

Trên thửa *ruộng xuống đồng* đàn tế Thần Nông và các thần khác được trần thiết. Lễ hội bắt đầu khi chiêng trống nổi lên, rồi các bô lão và tráng đinh rước Thần Nông và Thành Hoàng từ đình ra ruộng, còn các gia đình thì rước cỗ bày ra trên bãi hội. Người chủ trì hội xuống bài *mo* cúng chư thần rồi tuyên bố *phá cỗ*. Gia đình nào có cỗ thịnh soạn và mời được nhiều khách dự hội đến thưởng thức cỗ nhà mình thì xem



Thiếu nữ Tày ngày hội lồng tồng



Thiếu nữ Thái ngày hội hoa ban



Cô gái Hà Nhì

đó là điều may mắn cho cả năm. Có nơi các vị bô lão được mời đi *thường cố*, có thanh niên gái trai đi theo múa hát, chúc cho từng gia đình vạn sự tốt lành. Ăn cỗ xong, mọi người tiếp tục ca hát và tham gia các trò chơi dân gian : cướp còn (như người Mường, người Việt vùng trung du chơi cướp *nõn nường*), ném còn, kéo co, đánh quay, đánh

hương của một nền văn học và ca nhạc dân gian rực rỡ, đã cố gắng hiến cho văn hóa Việt Nam những *Tiền dân người yêu, Chàng Lú-Nàng Ủa, Ú Thềm, Nàng Dợ-Chà Tăng, A Thào-Nù Câu, Tiếng hát cưới xin, Tiếng hát làm dâu, Tiếng hát mồ côi, Tiếng hát cúng ma : Hát cúng Đám To, Hát cúng Đám Nhỏ...*



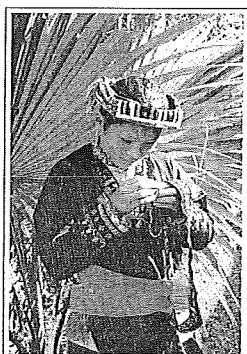
Cô gái Xinh Mun

yến, đánh đu, múa kỳ lân, múa sư tử, múa võ, múa giáo...

Trong khi chơi trò *ném còn*, gái trai chia làm hai phe để hát *sli, lượn*, là hai hình thức đối ca giao duyên nam nữ thể hiện tục *cầu mùa*, còn trò chơi *kéo co* giữa các cô gái chàng trai Tày Nùng vừa mang tính chất cầu mùa, cầu mưa, cầu nước như một nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp lâu đời.

Điệu múa tiêu biểu của hội lồng tồng là *múa sư tử*. Những điệu múa lễ hội khác của người Tày Nùng là *xòe chiêng, múa then*.

Ngoài hội lồng tồng, vùng văn hóa Đông Bắc còn có những lễ hội lớn khác là *hội Lượn Nàng Hai* (lễ hội Mẹ Trắng) được tổ chức ba năm một lần ở một số địa phương tại Lạng Sơn, Cao Bằng để bày tỏ sự sùng bái nữ thần Trắng. Đó cũng là những lễ hội *cầu mùa*, nhưng tổ chức về đêm, là một loạt hội mùa xuân diễn ra



Cô gái Dao

trong những đêm trăng đẹp vào trung tuần các tháng Giêng, Hai, Ba. *Mẹ Trắng* là một hình thức nữ tính của Thần Nông được ca ngợi qua các điệu *Lượn Hai* là hàng trăm bài ca cầu nguyện và bài ca tình yêu mà các cô gái, chàng trai Tày Nùng say sưa hát đối đáp trong hơn một chục đêm *Hội Lượn Nàng Hai* (Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, 1976).

Nét đẹp vùng văn hóa Tây Bắc - Trường Sơn Bắc

Đó là vùng núi rừng gồm phần đất các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Hòa Bình và miền núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế. Cư dân các sắc tộc sinh sống nơi đây là người Thái (có dân số đông hơn cả), người Hmông, Dao, Hà Nhì, Lô Lô, Mường, Khơ Mú, Xinh Mun, Lào, Lự, Chứt, Thổ..., tất cả hơn 20 sắc tộc cư trú xen cài với nhau và thuộc ba gia đình ngôn ngữ khác nhau : Môn-Khmer, Hmông-Dao, Tạng-Miến.

Vùng văn hóa Tây Bắc - Trường Sơn Bắc trước hết là quê

Lễ hội đầu tiên đáng chú ý của vùng Tây Bắc - Trường Sơn Bắc, đó là *những hội mừng mùa măng mọc* của các sắc tộc Khơ Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mảng, được gọi chung là các sắc tộc *Xá*. Trong lễ hội này, người ta hát dân

ca *Mưa rơi*, bài hát được ưa thích nhất và cũng là một trong những điệu dân ca Việt Nam đẹp nhất : "*Mưa rơi cho cây tốt tươi - Búp chen lá trên cành - Rừng đẹp trăm hoa rung rinh theo gió - [...] Mưa rơi cho chim ướt cánh - Để nó sa bầy trong rừng - Dập dìu ai đi đơm cá bên suối - [...] Trên nương thơm hương nếp vàng - Măng cười hé vươn lên cùng...*"

Trung tâm ngày *hội mừng mùa măng mọc* là cây *quần hoa*, một cây chuối có cắm treo các con giống bằng nan nhuộm nhiều màu, các loài hoa, các hạt giống ngũ cốc. Trong ngày hội xuân này, con trai con gái Khơ Mú, Xinh

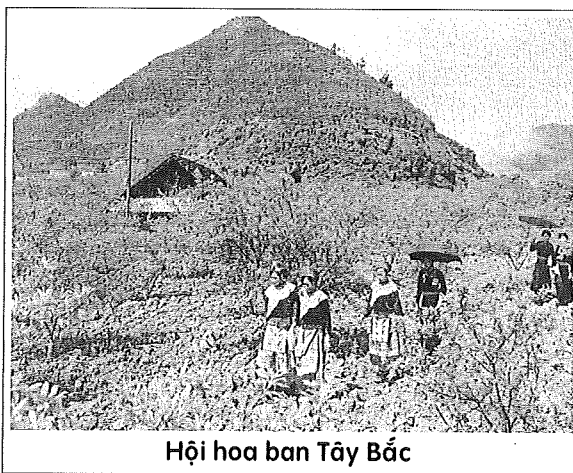
Mun... không chỉ hát dân ca *Mưa rơi* mà còn *múa tăng bu, múa hùn mậy, múa xe cạp...*

Tăng bu tăng bẳng là những ống tre to, rỗng, có kích thước dài ngắn khác nhau được vổ xuống một tấm ván phát ra những âm thanh *brum brum* có cao độ khác nhau và nhịp nhàng theo tiết tấu múa. *Múa tăng bu* gồm nhiều động tác quen thuộc của đời sống nương rẫy : phát cây, dọn cỏ, gieo hạt, đuổi chim tha giống... Mỗi động tác đều phóng khoáng, say sưa theo nhịp dồn dập của ống tăng bu tăng bẳng vổ mạnh xuống tấm ván.

Hùn mậy là những ống nứa to nhỏ khác nhau ; *múa hùn mậy* đượm nhiều chất trữ tình nhờ âm thanh của các ống nứa gọt rỗng đập nhẹ vào bàn tay nghệ nhân, nghe như tiếng vọng thì thào của núi rừng.

Múa xe cạp có tiết tấu tung bưng, khí thế hồ hởi của những thanh nam thiếu nữ yêu đời khi mùa xuân, mùa của tình yêu, đang trở về với thiên nhiên, vạn vật.

Tây Bắc còn là quê hương của những ngày *hội chơi núi hái hoa* tuyệt vời và *hội hoa ban* là những ngày hội lớn nhất, lâu đời và trữ tình nhất. Người Thái và



Hội hoa ban Tây Bắc

nhiều sắc tộc láng giềng mở *hội chơi núi ngắm hoa xuân* này để tưởng nhớ mối tình trong trắng của một đôi gái trai sống trước Roméo và Julliette hơn cả ngàn năm.

Tục truyền có chàng trai tên *Khun* làm nương giỏi, săn bắn tài. Láng giềng của anh là nàng *Ban*, đẹp như hoa xuân, dịu như trăng rằm, khéo tay dệt vải, hát hay như vàng anh. *Khun* và *Ban* thương yêu nhau, một mối tình nồng nàn như nước suối rừng. Cha mẹ *Ban* tham giàu, bắt nàng phải lấy con trai *nhà tạo* (thủ lãnh địa phương), lưỡi biếng và gù lưng. *Ban* trốn nhà đi tìm *Khun* nhưng *Khun* đi vắng, nàng chạy tìm người thương khắp nơi, gọi tên chàng vang cả núi rừng, lên đến đỉnh núi thì gục ngã, bất động. Từ nơi nàng nằm mọc lên một cây hoa trắng như búp tay người con gái, đó là *cây hoa ban*. Chàng *Khun* trở về không thấy *Ban*, chạy tìm nàng khắp chốn. Cuối cùng *Khun* kiệt sức ngã xuống bên đường biến thành con chim. Từ đó *chim khun* sống lẻ loi trong rừng, mùa xuân đến hoa ban nở trắng núi đồi thung lũng, gọi hửng cho con chim khun hót vang, hót mãi như tiếng gọi người tình, tuyệt vọng đến muôn đời. Trên đây chỉ là một trong những huyền thoại về hoa ban Tây Bắc.

Mùa xuân hoa ban nở rộ, và *hội hoa ban* chính là ngày hội của tình yêu, của tuổi trẻ và mọi lứa tuổi. Hoa ban làm đẹp mùa xuân và lòng người, đi vào huyền tích, cổ tích và dân ca như tượng trưng của khát vọng yêu đương : "*Đôi ta yêu nhau không tính mùa ban nở - Không thấy ngày ban tàn - Không tính tháng, không tính năm - Mãi mãi như mùa hoa đầu đôi ta yêu nhau*" (*Tình ca Thái*).

Hoa ban của tình yêu còn là hoa của ước mơ trường thọ, của thiên nhiên và tâm hồn trẻ mãi không già nhờ nghị lực tình yêu và hài hòa vũ trụ : "*Trăm mùa ngắm ban nở còn ngắm mãi - Mỗi mùa ban lại trẻ thêm ra không già*".

Mùa xuân đến trên dòng *Nậm Na* (Lai Châu), nhìn hoa ban, hoa mạ nở trên bờ đất hay vách núi in bóng xuống nước tưởng như *Nậm Na* trở thành một dòng sông hoa. Chính lúc ấy diễn ra những *hội giao duyên* trên thuyền, *hội chơi thuyền hái hoa*. Trên sông *Nậm Na* mùa hoa ban trắng rực, chan hòa với màu áo trắng tinh, nẹp áo cài hai hàng khuy bạc hình bướm, áo may sít gọn làm nổi bật đường nét thân hình cô gái Thái. Rồi từ mặt sông



Cô gái Tây Nguyên biểu diễn đàn T'rưng

vang lên âm điệu của những bản tình ca *Tân chụ xiết xương* đệm đàn *tính tẩu* với lời ca của người con gái : "*Anh ơi ! Ta yêu nhau khi ban còn đơm nụ - Ta yêu nhau khi ban nở trên cành*". Người con trai đáp lại : "*Má em yêu trắng hồng màu hoa ban - Má em yêu tươi thắm màu hoa mạ - Má thắm hồng, lòng em không ngã nghiêng...*". Tiếng đàn, tiếng hát trải dài trên sông hoa theo thuyền về hạ lưu. Tới một quãng rừng ban đẹp, thuyền cập bến, gái trai lên bờ hái hoa tặng nhau rồi vui chơi xê múa giữa thiên đường hoa.

Tây Bắc - Trường Sơn Bắc là quê hương của rất nhiều điệu múa đặc sắc : *xê vòng* (còn gọi là *múa cầm tay*), *múa khăn*, *múa quạt*, *múa nhạc*, *múa sạp*, *múa nón*, *múa then*. Múa nón Thái cũng có nhiều điệu, *múa nón Mường Lay* không giống *múa nón Phong Thổ*. Người Dao có *múa chuông*, *múa đao*, *múa đi ngựa*, *múa bắt ba ba*. Người Cao lang có *múa chim gâu* ; người Hmông có *múa khèn*, *múa ô...* làm cho các phiên chợ Tây Bắc - Trường Sơn Bắc càng thêm rộn ràng sống động. Có thể nói Tây Bắc - Trường Sơn Bắc là vùng có nhiều điệu múa đẹp, độc đáo vào loại nhất nhì của các sắc tộc thiểu số Việt Nam.



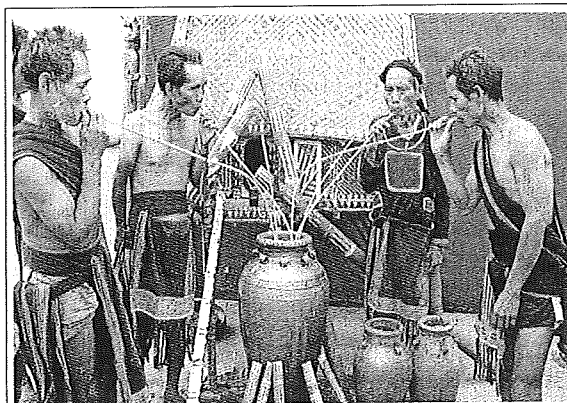
Thiếu phụ và thiếu nữ Xơ Đăng

Nét đẹp vùng văn hóa Trường Sơn Nam - Tây Nguyên

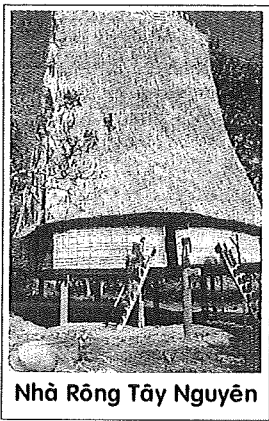
Đó là vùng núi rừng gồm phần đất các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng và rẻo cao các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Thuận, vùng sơn nguyên xen cài giữa các dãy núi cao trung bình với các cao nguyên đất đỏ, quê hương của hơn 20 sắc tộc thuộc hai gia đình ngôn ngữ. Các sắc tộc tiêu biểu cho gia đình Môn-Khmer (Nam Á) là *Ba Na*, *Xơ Đăng*, *Mơ Nông*, *Mạ*, *Xtiêng...* Còn các sắc tộc tiêu biểu cho gia đình Malayo-polynésien (Nam Đảo) là *Ê Đê*, *Gia Rai*, *Raglai*, *Chu Ru*.

Cũng như ở Trường Sơn Bắc, nếp sống chủ đạo ở vùng Trường Sơn Nam - Tây Nguyên là *nếp sống nương rẫy*, nó qui định tất cả các sắc thái văn hóa lớn của vùng, nó sản sinh ra quan niệm *vạn vật hữu linh* : mọi vật chung quanh con người đều có hồn, có thần linh (*yang*) che chở, phù hộ.

Nếp sống nương rẫy để lại dấu ấn trong *luật tục*, trong văn học nghệ thuật truyền thống, từ *huyền thoại*, *huyền tích*, *tục ngữ*, *dân ca* đến *cổ tích*, *truyện cười* và nhất là *sử thi anh hùng*, một



Uống rượu cần trong lễ hội Tây Nguyên



Nhà Rông Tây Nguyên

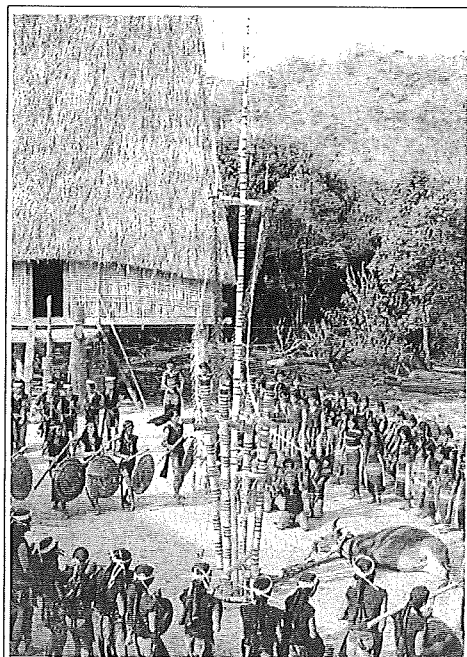
sáng tạo văn hóa lớn. Đó là những *trường ca* mà người Ê Đê gọi là *Khan*, người Gia Rai gọi là *Hori*, người Ba Na gọi là *Homôn*, người Mạ gọi là *Nôtông*, người Mơ Nông gọi là *Ót Nrong*. Kho tàng sử thi anh hùng ấy, với hơn một trăm tác phẩm lớn nhỏ : *Đăm San, Đăm Di, Đăm Noi, Khinh Dú, Xinh Nhã, Chàng Tiêng, Hobia Đorang, Đăm Ktech Mlan...* nay đã thuộc về kho tàng văn hóa của nhân loại.

Bên cạnh các sử thi anh hùng là những đóng góp khác của văn hóa Trường Sơn Nam - Tây Nguyên : những nhạc cụ độc đáo như các đàn *cồng chiêng, đàn kôk, klong put, đàn t'rưng, t'rưng nước, t'rưng gió, chình krên* (chiêng gió), *đinh goong...* những điệu múa : *kiêng, chim grít* (Ê Đê), *brim, xơ goa* (Ba Na)... những công trình kiến trúc và điêu khắc độc đáo : *nhà rông, nhà dài, nhà mồ, tượng mồ, những con rối* trong lễ bỏ mả... Gây ấn tượng nhiều hơn cả trong sinh hoạt và diễn xướng văn hóa vùng Trường Sơn Nam - Tây Nguyên là *lễ hội đâm trâu* và *lễ hội bỏ mả*, bên cạnh các *hội đua voi, hội cồng chiêng...*

Lễ hội là những sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa rất quen thuộc của các sắc tộc, những cái mốc đánh dấu hoạt động khai thác nương rẫy và mọi sinh hoạt quan trọng của đời người, từ cái nô ru em đến ngôi nhà mồ đầy tính thẩm mỹ. Trong lễ hội nổi bật lên nghi thức *hiển sinh* và con vật hiến sinh tiêu biểu nhất là *con trâu*.

Lễ hội đâm trâu gắn liền với văn hóa nương rẫy với ý nghĩa tiễn biệt năm cũ, đón mừng năm mới. Người chủ trì lễ hội - vị già làng có uy tín nhất của buôn, plây - cho chặt một cây *bông gạo* làm cột chính, bên cạnh là nhiều cột phụ, trong đó có bốn cột dùng để cột trâu. Trên mỗi cột vẽ hoa knia hay những đàn chim. Trâu nuôi để tế lễ phải thật béo, da mỏng, sừng to. Quanh bãi đâm trâu, dân làng và dân các buôn plây láng giềng vây kín, chiêng trống rền vang, những điệu múa hát diễn ra tưng bừng, rộn rập.

Sau những bài khấn vái bằng văn vần, thầy cúng trịnh trọng lấy giáo đâm vào đùi trước của trâu như là nghi thức khai mạc. Một chàng lực sĩ của buôn plây, được chọn từ trước, dùng chiếc giáo dài vừa múa theo nhịp trống chiêng vừa tìm chỗ đâm vào sườn trâu cho trúng thẳng vào tim. Khi giáo được rút ra cũng là lúc máu trâu được hứng vào một chiếc nồi pha với rượu để tế thần. Nhảy múa và ca hát vẫn tiếp tục rộn ràng, hào hứng và mọi người bắt đầu vào tiệc, một bữa tiệc thịnh soạn được



Lễ hội đâm trâu Tây Nguyên

chuẩn bị từ nhiều ngày trước, làm cho mọi người đều thỏa mãn. Một mùa nương rẫy mới có thể bắt đầu.

Tục lệ *bỏ mả* là tín ngưỡng và tập tục lớn nhất của vùng Trường Sơn Nam - Tây Nguyên. Sau khi chôn cất người chết, một túp lều nhỏ được dựng trên

mồ, chung quanh có hàng rào ; trong lều đặt ché, chiêng, và những vật tùy táng khác. Người trong gia đình đi lại thăm nom mồ mả một thời gian rồi được sự giúp đỡ của buôn plây sẽ tổ chức *lễ hội bỏ mả* để sau đó không đi lại thăm viếng mồ mả nữa. Tất cả các sắc tộc Tây Nguyên đều có lễ này, thường tổ chức vào mùa xuân. Một *nhà mồ* được xây dựng đẹp, được trang trí bằng nhiều tượng mồ độc đáo và lễ hội có thể thực sự bắt đầu.

Lễ hội bỏ mả của người Ba Na thường kéo dài từ ba đến năm ngày. Đã có *cột đâm trâu* thì cũng có *cột bỏ mả*, người Ba Na và Gia Rai gọi đó là *cột klao*, một hình thức cây-đời hay cây-vũ trụ ; ở một vài sắc tộc khác được gọi là *cột kút*. Nghi thức quan trọng nhất của lễ hội là *đám rước hồn người chết đi vòng quanh cột klao và nhà mồ*. Già làng khấn vái khai mạc hội lễ, mời thân nhân vào nhà mồ than khóc người chết lần cuối rồi hạ lệnh cho cồng, chiêng, trống nổi lên và đám rước bắt đầu, gồm hàng chục người múa (thường là phụ nữ), người khiêng và đánh trống lớn, người đánh cồng chiêng, người đeo mặt nạ, người trình diễn các con rối. Rước xong, thân nhân người chết và dân buôn plây tổ chức ăn, uống rượu cần thoải mái, rồi tiếp tục nhảy múa, ca hát quanh nhà mồ suốt đêm.

Nghiên cứu các sắc tộc của vùng văn hóa Trường Sơn Nam - Tây Nguyên trên thực địa, một nhà văn hóa học đã đi đến kết luận sâu sắc : "...Tất cả những thứ như khố hai vạt với khăn quấn đầu có cắm lông chim, đàn chiêng cồng và cái trống lớn, cối giã gạo hình thuyền và chày đứng, kiểu mái nhà trên nở dưới thót, thuyền độc mộc hình thoi với trang trí ở mũi và mạn, v.v. tất cả những thứ ấy dường như mới từ những hình khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ I trở về với hiện thực. Đến Tây Nguyên ít nhiều có cảm giác như đang sống trong không gian văn hóa Đông Sơn vậy. Vùng văn hóa Tây Nguyên hay là vùng hậu duệ rõ nét nhất của văn hóa Đông Sơn ? Có thể lắm chứ!" (Tô Ngọc Thanh, "Vùng văn hóa Tây Nguyên", 1995).

Lê Văn Hảo (Paris)

AUSCHWITZ - 60 năm sau

Ngày 27-1-1945, Hồng Quân Nga đánh lui quân Quốc Xã Đức tại Krakow (Ba Lan), giải phóng trại tập trung Auschwitz (Oswecim) và khám phá ra một cảnh tượng ghê rợn chưa từng có trong lịch sử loài người : một trung tâm giết người tập thể có tổ chức với các phòng hơi ngạt, lò thiêu xác, nhà chứa di vật của các nạn nhân, v.v. cùng với 7.000 tù nhân gầy ốm trơ xương mà quân Đức chưa kịp giết, một số đông đã chết sau đó, dù được săn sóc, vì đã quá kiệt quệ.

Người ta ước tính có khoảng một triệu rưỡi người bị giết tại trại này, trong đó có một triệu người Do Thái, số còn lại là người Ba Lan và các sắc dân thiểu số.

Sáu mươi năm sau, 45 nhà lãnh đạo quốc gia từ khắp thế giới đến đây để tưởng niệm các nạn nhân tại trung tâm tội ác kinh khủng này với cùng một quyết tâm : không để xảy ra những tội ác như vậy nữa.

Trong thế chiến 2, Ba Lan đã là nước chịu thiệt hại sinh mạng nhiều nhất so với tỷ lệ dân số. Nhưng thảm khốc hơn nhiều, Ba Lan còn bị Hitler chọn làm trung tâm tiêu diệt người Do Thái, gọi là "giải pháp cuối cùng". Ngoài Auschwitz, nhiều trại tập trung và tàn sát khác còn được thiết lập tại đây. Các nạn nhân, chỉ có tội là người Do Thái hay thuộc một chủng tộc bị coi là xấu, được chuyên chở tới Ba Lan để bị tiêu diệt. Sáu triệu người, trong đó một nửa là người Do Thái, đã bị giết. Sáu triệu cũng là tổng số người Do Thái bị Quốc Xã Đức tàn sát trên toàn châu Âu.

Tội ác này do trách nhiệm của ai ? Dĩ nhiên tên tội phạm chính là Hitler, kế đến là những thủ hạ thân tín của hắn trong đảng Quốc Xã (Nazi). Tuy nhiên, trong dịp kỷ niệm trọng đại này, người ta cũng cần một suy nghĩ sâu xa hơn. Tội ác bắt nguồn từ ý thức, đằng sau mỗi tên bạo chúa gian ác thường là một triết lý bệnh hoạn. Hitler và đảng Quốc Xã của hắn đã thực hiện một triết lý chính trị tội ác được khai sinh từ gần một thế kỷ trước đó tại Đức và một số nước Tây Âu. Kể tội Hitler, người ta cũng không thể quên một vài triết gia của tội ác : Karl Marx, Carl Smidt và Bernard Shaw.

Carl Smidt coi chính trị là đặt nền tảng trên mâu thuẫn bạn-thù cũng như nghệ thuật đặt nền tảng trên mâu thuẫn xấu-đẹp, đạo đức đặt trên nền tảng đối nghịch thiện-ác. Theo Smidt, tiêu diệt đối thủ là bình thường. Karl Marx cũng lý luận tương tự như Smidt, coi chính trị là đấu tranh tiêu diệt lẫn nhau, nhưng đi xa hơn Smidt, ông còn vạch rõ những kẻ thù phải tiêu diệt : tư sản và các sắc tộc ít người. Marx không ngần ngại kể tên các dân tộc cần phải tiêu diệt, trong đó có Do Thái. Dù chính ông là người Do Thái, Karl Marx đã viết một câu kinh khủng : "*Trong thế giới tương lai không có chỗ cho người Do Thái*". Bernard Shaw cụ thể hơn, kêu gọi các nhà khoa học tìm ra một hơi độc "*giết người nhưng nhân đạo*" (nguyên văn) để giải quyết số phận các dân tộc cần phải tiêu diệt. Hitler đã thực hiện đúng như Bernard Shaw đề nghị.

GEORGE W. BUSH

tướng bừng khai trương nhiệm kỳ 2

Thứ năm 20-1-2005, tổng thống George W. Bush đã tướng bưng khai trương nhiệm kỳ 2. Chính quyền cộng hòa đã xài 20 triệu USD cho chi phí an ninh và 45 triệu USD

cho lễ tấn phong này. Nhiều người đã kích Bush đã phí phạm quá đáng cho lễ tấn phong giữa lúc Mỹ đang cần ngân sách cho cuộc chiến tại Iraq. Những người bênh vực, trái lại, cho rằng chính vì Mỹ đang gặp

khó khăn tại Iraq mà cần động viên tinh thần dân Mỹ dù phải chi tiêu.

Bài diễn văn nhậm chức của Bush có giá trị như một tuyên chiến với các chế độ bạo ngược. Bush nói rằng tự do càng thắng lợi thì thế giới càng an ninh hơn, và tự do càng được bảo đảm tại Hoa Kỳ nếu nó thắng lợi tại các nước khác. Lời tuyên bố này tuy đúng về nguyên tắc nhưng gây lo ngại cho nhiều người. Đa số báo chí châu Âu bình luận rằng lời tuyên bố của Bush có thể là dấu hiệu cho nhiều cuộc chiến khác tương tự như Iraq. Hai nước độc tài đang được coi là mục tiêu triệt hạ của Bush 2 là Iran và Syria.

Sự chống đối của châu Âu đối với Bush có hai lý do. Lý do thứ nhất là châu Âu chưa chấp nhận nguyên tắc chiến tranh phòng ngừa, nghĩa là đánh gục trước một địch thủ mà mình tin là đang chuẩn bị tấn công mình. Lý do này đúng bởi vì nó có thể là lý do để các nước mạnh tấn công các nước yếu và đưa tới những hậu quả không lường trước được, nhưng nó không đúng trong việc chống khủng bố, nhất là trong một thế giới đầy rẫy những vũ khí cực kỳ nguy hiểm. Nếu phải đợi bị tấn công rồi mới phản ứng thì thiệt hại có thể quá cao. Lý do căn bản hơn, nhưng các nước châu Âu không thể nói ra, là các hoạt động khủng bố nhắm vào Hoa Kỳ nhiều hơn họ và hơn nữa châu Âu đang lâm vào tình trạng kinh tế trì trệ, do đó cần một thế giới ít sôi động.

Ông Bush lên cầm quyền vào lúc mà Hoa Kỳ bị đặt trước thách đố nghiêm trọng của các lực lượng Hồi giáo toàn nguyên, thách đố này là hậu quả của chính sự thành công của mô thức dân chủ tự do mà Hoa Kỳ là biểu tượng. Tình trạng của ông giống như tình trạng của Churchill trước thử thách của Hitler. Giống như Churchill, Bush đã chọn lựa đối đầu một cách quả quyết. Ông cũng bị chống đối như Churchill đã bị chống đối. Ngày nay Churchill được coi như một vĩ nhân vì đã dám chống đối trực diện với Hitler, nhưng người ta quên rằng Churchill đã bị chống đối rất mạnh, mạnh đến nỗi ông bị thảm bại trong cuộc bầu cử ngay sau chiến thắng. Bush may mắn hơn Churchill, ông sẽ không ra ứng cử một nhiệm kỳ khác.

Những nhân vật lịch sử được tôn vinh vì đã dám lấy những quyết định cần thiết, nhưng thất nhân tâm vì đòi hỏi những cố gắng hơn. Nếu cuộc bầu cử sắp tới tại Iraq thành công và đưa tới một nước Iraq ổn định trong dân chủ thì Bush đã đạt được một thắng lợi quyết định, không những cho nước Mỹ mà cho cả tương lai của thế giới.

THỜI SỰ

QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

IRAQ : một dân tộc đứng cảm

Cuộc bầu cử tự do đầu tiên trong lịch sử Iraq đã thành công. Bất chấp đe dọa của bọn khủng bố, hơn 60% cử tri Iraq đã tham gia cuộc bầu cử ngày 31-1-2005 vừa qua. Họ bầu một quốc hội lập hiến và các hội đồng địa phương. Riêng sắc dân Kurd còn bầu thêm nghị viện vùng.

Bọn khủng bố đã hăm dọa nhận chìm ngày bầu cử trong biển máu. Chúng đã tung ra 13 vụ đánh bom quyết tử và làm thiệt mạng khoảng 40 người. uy vật tTất cả các quan sát viên và các định chế quốc tế đều nhìn nhận cuộc bầu cử đã diễn ra một cách hoàn toàn lương thiện.

Cả thế giới, ngay cả những nước chống cuộc tấn công đánh đổ chế độ Saddam Hussein, đã chào mừng kết quả này như một thắng lợi quyết định của dân chủ.

Iraq sẽ có dân chủ vì người Iraq vừa chứng tỏ họ là một dân tộc rất lớn, xứng đáng để có dân chủ.

UKRAINE

chính thức bước vào kỷ nguyên dân chủ

Cuối cùng phe dân chủ đã thắng tại Ukraine, Viktor Yushchenko, 50 tuổi, đã chính thức nhận chức tổng thống ngày 23-1-2005 tại thủ đô Kiev.

Ngay khi được tấn phong, Yushchenko đã sang Nga gặp tổng thống Vladimir Putin, người đã trắng trợn tiếp tay cho phe bảo thủ gian lận bầu cử để loại trừ ông trong một cố gắng hòa dịu. Sau đó ông đã tới Nghị viện châu Âu trong một cố gắng khác : dọn đường cho Ukraine gia nhập Liên Hiệp Châu Âu trong tương lai. Tương lai này chắc sẽ còn xa vì Ukraine còn phải vượt rất nhiều trở ngại khác trước khi hội đủ những tiêu chuẩn để gia nhập ; không những thế, còn phải kể đến sự chống đối của Nga khi Liên Hiệp Châu Âu xem xét việc kết nạp Ukraine.

Thắng lợi của phe dân chủ tại Ukraine, sau thắng lợi của phe dân chủ tại Georgia cách đây gần một năm đang làm rung động các nước độc tài thuộc Liên Bang Xô Viết cũ : Belarus, Kazakstan, Kyrgyzstan... Trong những nước này, chế độ Lukashenko tại Belarus là chế độ hung bạo nhất, những người đối lập dân chủ bị bắt cóc và thủ tiêu. Belarus được Mỹ xếp vào danh sách sáu tiền đồn của tội ác. Các chế độ độc tài này chắc chắn sẽ không thọ, tất cả đang run sợ trước làn sóng dân chủ từ Tây Âu tràn sang. Riêng Belarus, sự thay đổi có thể sẽ tương tự như kịch bản Romania, nghĩa là bằng bạo lực.

Kẻ thất bại ê chề nhất trong thay đổi chế độ tại Ukraine là Putin, ông ta đã phơi bày bộ mặt lì lợm để rồi phải nhượng bộ một cách bẽ bàng. Điều đáng ngạc nhiên là trong thời gian không đầy một năm, phe dân chủ toàn thắng tại hai nước thuộc Liên Xô cũ, Georgia và Ukraine, với cùng cùng một kịch bản : một ứng cử viên dân chủ được đa số nhưng bị tuyên bố thất cử vì chính quyền gian lận trắng trợn, dân chúng xuống đường rầm rộ, đánh bại chính quyền, đưa ứng cử viên dân chủ vào chức tổng thống. Cả hai lần Putin đều khuyến khích sự gian lận rồi thua to.

TRUNG QUỐC

có trên 300.000 triệu phú đô la

Theo báo *Thanh Niên Trung Quốc* và *Sách Xanh Về Xã Hội*, phát hành tại Trung Quốc cuối năm 2004, số người có tài sản trị giá trên một triệu USD là trên 300.000 người, số người có tài sản trên 10 triệu USD gần 100.000 người. Người ta dự trừ sang năm 2006, Trung Quốc sẽ có từ 400 đến 500.000 triệu phú đô la.

Phần lớn những nhà triệu phú đô la mới này tập trung trong ba thành phố lớn : Bắc Kinh, Thượng Hải và Quảng Đông, tương trưng hơn 50% tổng thu nhập của dân cư thành thị. Đa số là doanh nhân và chuyên viên kỹ thuật cao (bác sĩ, luật sư, kỹ sư tin học...) ; lợi tức trung bình của họ (một triệu USD) bằng 100 năm làm việc của một công nhân (lợi tức bình quân đầu người trên toàn quốc là 1.100 USD/năm). Chính vì có quá nhiều tiền, những thành phần giàu có mới này phò trương tiền của một cách lộ liễu và đầy thách thức : trị giá tối thiểu một biệt thự của họ là 500.000 USD, một chiếc xe là 100.000 USD.

Sự chênh lệch giàu nghèo hiện nay tại Trung Quốc đang là một vấn nạn lớn. Bất cứ một xáo trộn xã hội nào cũng có thể dẫn đến bạo loạn mà không ai lường trước được hậu quả. Năm 2003, Viện khoa học xã hội Trung Quốc cho biết có 290 triệu người xếp vào hạng cực nghèo với thu nhập 637 nguyên/năm (80 USD/năm).

VIỆT NAM

địa bàn đầu tư lý tưởng ?

Báo *Sankei* phát hành tại Nhật, số ra ngày 11-1-2005, cho biết Việt Nam sẽ là địa bàn đầu tư của giới tư bản Nhật trong những năm sắp tới. Doanh nhân Nhật Bản đang lo ngại sự tập trung quá đông đảo của tư bản quốc tế vào Trung Quốc có thể gây ra những hậu quả khó lường cho sinh hoạt kinh tế thế giới khi có biến động tại đây. Họ cũng lo ngại sự cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc trong những năm tới ảnh hưởng đến thu nhập của họ nên đã tìm kiếm những địa bàn đầu tư khác, trong đó có Việt Nam.

Hiện nay Việt Nam có 17 khu chế xuất, trong đó có 5 khu dành riêng cho Nhật. Được các công ty Nhật tài trợ, hệ thống hạ tầng tại đây (đường sá, điện nước, viễn thông...) phát triển hơn các khu chế xuất khác. Các công ty Canon, Toto, Matsushita, Fuji... đã xuất khẩu hàng hóa sản xuất trong những khu này đi khắp thế giới.

Trong tương lai, giới đầu tư Nhật dự trừ sẽ xây dựng thêm nhiều khu công nghiệp khác, hoặc tân trang lại những khu chế xuất đã có sẵn để tăng thêm số cơ sở sản xuất và chế biến mới tại Việt Nam.

Đây là một cơ may lớn cho Việt Nam, nếu biết lợi dụng cơ hội này chúng ta sẽ bắt kịp sự tiến bộ chung của khu vực. Những nhà đầu tư Nhật và các định chế tài chánh quốc tế chỉ yêu cầu Hà Nội hạn chế tệ nạn quan liêu bòn gĩa và tham nhũng để họ yên tâm đổ vốn vào đầu tư.

MỘT BỘ CHÍNH TRỊ LÊ ĐỨC ANH ? Tướng Nguyễn Nam Khánh bị khai trừ ?

Một nguồn tin từ anh em dân chủ trong nước cho hay, vào trung tuần tháng 10 vừa qua Lê Đức Anh đã triệu tập sáu ủy viên bộ chính trị thuộc phe đảng của mình trong một buổi họp đặc biệt. Sáu người này là Phan Diễn, thường trực bộ chính trị ; Trần Đức Lương, chủ tịch nước ; Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng ; Trần Đình Hoan, trưởng ban tổ chức đảng ; Nguyễn Khoa Điềm, trưởng ban tư tưởng văn hóa ; Lê Hồng Anh, bộ trưởng công an. Buổi họp có mặt cả Đỗ Mười, cựu tổng bí thư đảng cộng sản.

Ông Trần Đình Hoan báo cáo là ủy ban kiểm tra trung ương đã điều tra về những tố giác là Lê Đức Anh khai gian lý lịch cá nhân và lý lịch trong đảng và đã kết luận là : "*Lý lịch đồng chí Lê Đức Anh rõ ràng, trong sạch như đã ghi trong lý lịch đảng viên*". Ông Lê Đức Anh như vậy được bạch hóa. Sở dĩ có cuộc "điều tra" này là vì có nhiều người biết rõ ông Lê Đức Anh, đã tố giác ông không gia nhập đảng cộng sản năm 1938 như đã khai, hơn nữa còn là một cai đồn điền gian ác, đã đánh đập công nhân một cách tàn nhẫn. Chủ đồn điền này không ai khác hơn là Bazin, một trùm mật vụ của Pháp. Cũng nên biết là cha của Bazin, cũng là trùm mật vụ Pháp tại Hà Nội và đã bị Việt Nam Quốc Dân Đảng ám sát năm 1929 ; chính vụ ám sát này đã khiến cho Việt Nam Quốc Dân Đảng bị lộ và bị đàn áp đẫm máu, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí bị xử tử tại Yên Bái ngày 17-6-1930. Thực ra vụ "điều tra lý lịch Lê Đức Anh" chỉ làm cho có lệ để bảo vệ Lê Đức Anh mà thôi, ông Lê Đức Anh là người cầm quyền sinh sát tại Việt Nam, điều tra viên nào dám hạch hỏi ông ta ?

Ông Phan Diễn báo cáo về cuộc gặp mặt với tướng Nguyễn Nam Khánh [xem *Thông Luận* số 187, tháng 12-2004, tr. 10-13].

Ông Trần Đức Lương lưu ý rằng cần phải hết sức quan tâm tới các hoạt động của "bọn dân chủ cấp tiến phản động trong và ngoài nước". Ông Lương phân tích rằng chiến lược của "bọn này" là đánh sập Tổng Cục 2, gây mâu thuẫn trong bộ chính trị, khiến bộ chính trị thanh trừng lẫn nhau trong nội bộ, khiến ban lãnh đạo đảng phải tan rã hoặc tự tuyên bố giải tán. Ông Trần Đức Lương cũng xác nhận rằng báo cáo của quân ủy trung ương ngày 24-8-2004 là do Tổng Cục 2 soạn thảo [chú thích : điều này phù hợp với nhận định của *Thông Luận* trong số 186, tháng 11-2004, tr. 10].

Ông Nguyễn Khoa Điềm cho mọi người nghe lại lời phát biểu của ông Bùi Tín tại Đại hội Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên hồi cuối tháng 7-2004 tại Ba Lan, trong đó ông Bùi Tín mô tả sự phân hóa trong nội bộ đảng cộng sản và những bối rối của phe Lê Đức Anh.

Đó là phần kiểm điểm tình hình của buổi họp. Sau đó đến lượt hai nhân vật chủ chốt Lê Đức Anh và Đỗ Mười. Hai ông này tuy không còn trong bộ chính trị và ban chấp hành trung ương nhưng lại là những người có quyền lực nhất trong hậu trường. Ông Lê Đức Anh chi phối tất cả, ông Đỗ Mười tuyệt đối trong thành với ông Lê Đức Anh.

Ông Đỗ Mười phát biểu trước. Ông nói rằng đây là cuộc đấu sinh tử của đảng cộng sản. Ông nói một cách dữ tợn, hai tay chém dòn đập vào không khí. Ông đòi phải khai trừ tướng Nguyễn Nam Khánh và cắt tất cả mọi tiêu chuẩn ưu đãi một đảng cộng sản đã dành cho tướng Khánh.

Phần kết luận thuộc về ông Lê Đức Anh. Ông Lê Đức Anh dựa trên báo cáo của Tổng Cục 2 quả quyết rằng chính Nguyễn Gia Kiểng và Bùi Tín đã móc nối với những người dân chủ trong nước như Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, Hoàng Tiến để qua họ xúi giục "Nguyễn Nam Khánh và một số tướng lĩnh" đánh phe đảng của Lê Đức Anh, qua tài liệu của ông Nguyễn Nam Khánh ngày 17-6-2004. [Ông Lê Đức Anh không nói "một số tướng lĩnh" là những ai]. Ông cho rằng muốn thể hiện sức mạnh lãnh đạo tập thể của bộ chính trị thì phải khai trừ thượng tướng Nguyễn Nam Khánh lẫn đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Đáng lẽ ra lời của ông Lê Đức Anh phải là lời cuối cùng và là lời kết luận của buổi họp. Nhưng lần này ý kiến của ông Lê Đức Anh làm nhiều người lo sợ. Ông Phạm Văn Trà, có lẽ vì tình nghĩa với hai tướng Giáp và Khánh từng là thượng cấp của ông, yêu cầu cân nhắc kỹ trước khi làm. Ông lo ngại phản ứng của quân đội và của các cựu chiến binh. Ông Phan Diễn cũng đồng ý với ông Trà. Theo ông Phan Diễn thì khai trừ hai vị tướng này cũng dễ thôi (ý ông Diễn nói là phe ông Lê Đức Anh đủ sức làm) nhưng phải tìm cho ra lý do ; hơn nữa, cũng nên rút kinh nghiệm những hậu quả tai hại của việc khai trừ tướng Trần Độ trước đây. Ông Trần Đức Lương yêu cầu lưu ý đến những quan tâm của hai ông Phạm Văn Trà và Phan Diễn. Theo ông Lương, việc khai trừ tướng Nguyễn Nam Khánh là điều bộ chính trị sẽ làm trong phiên họp sắp tới, nhưng còn việc khai trừ tướng Giáp thì ông nghĩ là không có lợi.

Hai ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười không phát biểu gì thêm và buổi họp bế mạc.

Có thể nhận xét gì về buổi họp này ?

Đây là một buổi họp mật, chỉ có tám người chủ chốt trong đảng, nhưng nội dung đã được tiết lộ ra ngoài hai tháng sau đó. Chúng ta có lý do để tin rằng nguồn tin này là hoàn toàn chính xác. Vậy phải có ít nhất một trong tám người này đã tiết lộ, người này chắc chắn sẽ bị ông Lê Đức Anh phát giác. Như vậy phải hiểu là sự tiết lộ này đã được ông Lê Đức Anh đồng ý. Đây là một cách để thăm dò phản ứng của dư luận, nhất là dư luận trong quân đội trước khi ra tay.

Với buổi họp này ông Lê Đức Anh đã chính thức nhìn nhận điều mà *Thông Luận* đã nhận định từ lâu là có một "đảng cầm quyền trong đảng cộng sản". Từ trước tới nay phe này hoạt động kín đáo. Bây giờ họ họp lại để quyết định những gì bộ chính trị sẽ phải làm, như vậy "bộ chính trị chính thức" chỉ là bù nhìn.

Một lần nữa ông Lê Đức Anh lại đem Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên ra làm ngáo ộp [hai ông Nguyễn Gia Kiểng và Bùi Tín là thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên], cho nó là mối nguy sinh tử đối với đảng. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã nhiều lần khẳng định là một tổ

chức ôn hòa, đấu tranh cho dân chủ bằng đường lối bất bạo động, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tập Hợp không là mối nguy cho bất cứ ai, kể cả những người cộng sản. Tập Hợp chú trọng bảo đảm sinh hoạt tự do cho mọi chính đảng, kể cả đảng cộng sản trong một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên. Tại sao cứ lấy Tập Hợp ra để hù dọa, tại sao gán ghép cho nó những âm mưu móc nối với các tướng lĩnh, v.v. ?

Có lẽ ông Lê Đức Anh và phe đảng của ông lo ngại Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thật, nhưng nếu quả thực như thế thì cũng vì họ yếu chứ không phải vì Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mạnh. Họ là một nắm người, cấu kết với tư sản đỏ để chia chác đặc quyền đặc lợi, dung túng tham nhũng, khống chế và lũng đoạn đảng cộng sản, biến đảng cộng sản thành một đảng cầm quyền vừa yếu lại vừa hung bạo, vừa hèn nhát lại vừa xác xược, bỏ tù những người dân chủ, những tu sĩ, đàn áp đồng bào thiểu số, quy lụy Trung Quốc, dâng đất, dâng biển và im lặng khi ngư dân bị Trung Quốc tàn sát. Sự phẫn nộ lớn nhất là ở ngay trong Đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ nên suy ngẫm bài học Ceausescu tại Romania.

ĐẠI TƯỚNG LÊ HỒNG ANH

Một cách âm thầm, ông Lê Hồng Anh đã được phong quân hàm đại tướng ngày 14-1-2005. Bốn thứ trưởng bộ công an được phong quân hàm thượng tướng.

Đại tướng là quân hàm cao nhất, chung cho mọi binh chủng. Bộ binh có thiếu tướng, trung tướng, thượng tướng và đại tướng. Hải quân có chuẩn phó đô đốc, phó đô đốc, đô đốc và đại tướng. Vậy đại tướng là chức vụ tối cao. Hiện nay chỉ có một đại tướng hiện dịch là Phạm Văn Trà và bốn đại tướng về hưu là Võ Nguyên Giáp, Chu Huy Mân, Mai Chí Thọ và Lê Đức Anh.

Điều ngộ nghĩnh là ông Lê Hồng Anh không thuộc quân đội cũng không thuộc công an. Ông chỉ là một đảng viên, chức vụ cuối cùng của ông trước khi vào bộ chính trị và làm bộ trưởng công an là bí thư tỉnh ủy An Giang.

Tại sao có quyết định lạ kỳ này ? Phải chăng là ông Lê Đức Anh muốn xoa dịu sự bất mãn của công an sau những lộng hành của Tổng Cục 2 được đưa ra ánh sáng ? Hay ông Lê Đức Anh muốn mua chuộc ông Lê Hồng Anh để sử dụng trong giai đoạn thanh trừng sắp tới.

Điều đáng chú ý là trong buổi họp mật của "bộ chính trị Lê Đức Anh" mà *Thông Luận* thuật lại trong số này, Lê Hồng Anh giữ im lặng trong suốt buổi họp. Chưa được thuyết phục hoàn toàn ?

BỐN TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ nổi tiếng được trả tự do

Nhà cầm quyền cộng sản vừa tuyên bố sẽ trả tự do cho bốn tù nhân chính trị nổi tiếng. Giáo sư Nguyễn Đình Huy, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, linh mục Nguyễn Văn Lý và thượng tọa Thích Thiện Minh (tên đời Huỳnh Văn Ba). Gia đình các vị này đã được công an tới tận nhà thông báo. Tuy

nhiên họ không được cho biết ngày giờ trả tự do và cũng không được phép đi đón người thân về. Chính quyền cho biết sẽ chờ các vị trên về tận nhà trước ngày Tết Nguyên Đán.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, 62 tuổi, là một gương mặt dân chủ nổi tiếng vì sự bất khuất. Trong 30 năm dưới chế độ cộng sản, ông đã bị cầm tù ba lần, tổng cộng 21 năm.

Giáo sư Nguyễn Đình Huy, 72 tuổi, chủ tịch Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ, đã phá tất cả mọi kỷ lục thế giới về gian lao. Trong 30 năm dưới chế độ cộng sản, ông đã ở tù 28 năm. Trước 1975, ông Huy là phó chủ tịch đảng Đại Việt. Ông cũng đã ở tù nhiều lần trong thời gian chống Pháp và chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Chính quyền cộng sản đã nhiều lần đề nghị trả tự do cho Nguyễn Đình Huy với điều kiện ông phải chấp nhận ra nước ngoài hoặc ngưng hoạt động chính trị, nhưng ông Huy luôn luôn từ chối. Nguyễn Đình Huy phải được coi là người còn sống đã hy sinh nhiều nhất cho độc lập, tự do và dân chủ.

Thông Luận xin chia vui với gia đình bốn vị. Xin gửi đến quý vị lời chào kính mến.

MỘT PHÓNG VIÊN báo Tuổi Trẻ bị truy tố

Ngày 6-1-2005, bộ công an đã ký quyết định truy tố cô Nguyễn Thị Lan Anh, phóng viên báo *Tuổi Trẻ*, về tội "chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước". Cô Lan Anh đã viết một mẩu tin trên báo *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 20-5-2004, cho biết bộ y tế đã gửi văn thư cho thủ tướng Phan Văn Khải đề nghị thanh tra toàn diện công ty dược phẩm Zuellig Pharma. Bộ công an viện cớ đây là một công văn mật. Tuy nhiên về nội dung, ký giả Lan Anh không nói điều gì mới, các quan chức bộ y tế đã tuyên bố nhiều lần với các ký giả là sẽ có tờ trình thủ tướng về công ty này.

Vậy tại sao lại có việc truy tố ký giả Lan Anh ? Theo dõi những bình luận của báo chí trong nước về vụ này người ta có thể hiểu đây là vấn đề quyền lợi chứ không phải luật pháp. Thị trường thuốc tây rất quan trọng, được quản lý theo nhiều tầng hành chính và nhiều tiêu chuẩn chuyên môn, mỗi cơ quan nhà nước và mỗi công ty đều có những quyền lợi lớn trong sự chia chác này.

Báo chí mô tả thị trường thuốc tây tại Việt Nam như một hệ thống mafia. Giá mỗi loại thuốc do một nhóm mafia quyết định, và tăng vùn vụt. Ký giả Lan Anh đã tỏ ra bức xúc về giá thuốc tây. Cô đã nhiều lần báo động là giá thuốc tây "vô lý không thể chịu nổi, thế này thì ai dám ốm nữa ?". Từ đó người ta tìm mọi cơ hội để bịt mồm cô ký giả phiền phức này.

Điều đáng lưu ý là phản ứng của báo chí Việt Nam trong vụ này. Trước đây đã có nhiều ký giả bị truy tố, bỏ tù vì tiết lộ những "bí mật nhà nước" nhưng các báo đều đã im lặng. Lần này họ đã đồng loạt lên tiếng bênh vực một đồng nghiệp. Các ký giả Việt Nam đã bắt đầu có ý thức về sự liên đới cần thiết và họ đã dám bênh vực nhau. Một diễn tiến đáng khuyến khích.

Quyền

Hắn quan tâm đến Việt Nam kể từ khi lấy cô học trò người Việt. Yêu vợ rồi yêu luôn nước của vợ, hắn học tiếng Việt rất hăng và có phương pháp, sau cùng đọc và viết tiếng Việt hơn hẳn vợ. Do công việc, hắn cũng về Việt Nam thường xuyên trong những chuyến công tác khá dài. Hắn mới từ Việt Nam qua.

Hắn bảo tôi :

- Tiếng Việt của chúng mày rắc rối quá. Tao nói chuyện với các quan chức trong đảng cộng sản về chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi tao nói bác Hồ là người bình thường thì họ không bằng lòng, mà nói Bác là người không bình thường họ cũng giận. Thế là nghĩa gì ?

- Họ giận là đúng. Bình thường là không hơn gì ai, còn không bình thường là có bệnh tâm thần. Họ muốn mày nói Bác Hồ của họ là một người kiệt xuất.

Hắn cười khoái chí :

- Đâu có giản dị như vậy. Mày không biết gì cả. Khi tao nói Bác Hồ của họ là người phi thường thì họ lại rất đồng ý. Mà phi thường với không bình thường có khác gì nhau đâu, thì cũng là không. Chẳng qua chúng mày thiếu tự hào dân tộc, tiếng Tàu thì cho là hay, tiếng Nam thì cho là dở. Chính chúng mày nói "nôm na là cha mách quế", chính chúng mày chửi tiếng mẹ đẻ của chúng mày. Thí dụ vợ tao tên Nga, nga chỉ là con ngỗng trong tiếng Tàu thôi, nhưng nếu tao gọi bà ấy là ngỗng hay ngan là có chuyện ngay.

Thấy tôi bối rối, hắn thừa thắng xông lên :

- Tiếng Việt của chúng mày rắc rối, nhưng thay vì được cải tiến nó ngày càng méo mó thêm. Một quan chức nhà nước hỏi tao có cần "quan hệ" không. Dĩ nhiên tao trả lời là cần, ai đi công tác nghiên cứu mà không muốn có thật nhiều quan hệ ? Thế là vị này dẫn tới cho tao một cô thật son trẻ, cô này hỏi tao muốn quan hệ một lần hay muốn quan hệ suốt đêm !

Tôi choáng váng, nhưng tin là hắn nói thực. Hắn bồi thêm :

- Bây giờ mày về Việt Nam chưa chắc đã hiểu họ nói gì. Họ không nói là hàng giả, bằng giả mà nói là hàng đều, bằng đều. Cái gì cũng đều cả. Xe đều, phở đều, xin đều, khen đều, học đều, dạy đều. Tao chỉ chưa nghe nói tới công an đều, đảng đều, Bác đều. Có lẽ người ta vẫn còn biết sợ.

Tôi đính chính :

- Mày không hiểu về xã hội Việt Nam đó thôi. Đó là một thái độ phản kháng. Tất cả những gì tốt đẹp, danh giá bọn đều nó đã chiếm hết rồi. Người dân chiếm lấy cái đều như một cách đề kháng không chịu sống chung với chúng nó. Mày chiếm nhà tao thì tao chiếm nhà mày. Tao không chung sống với mày. Nhà tao dù sạch mà có mày cũng thối, nhà mày có thối tao vào ở cũng thành thối.

Mục lục

1. Xác xược và lúng túng
Thông Luận
2. Thị trường chung Đông Nam Á và Hoa Nam
Nguyễn Minh
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam được 75 tuổi
Nguyễn Gia Kiểng
6. Gà Ất Dậu gáy vang Bình Minh Thế Kỷ !
Bài Tin
10. Trung Quốc giết ngư dân Việt Nam
Nguyễn Văn Huy
11. "Bạn" trong ngôn ngữ của cộng sản Việt Nam
Huyền An Bình
12. Chuyển về nước phức tạp của Nhật Hạnh
Nghiêm Văn Thạch
13. Bal Canar : kinh đô cuối cùng của Champa
Ya Billoh
16. Đuợc và Mất
Việt Hoàng
18. Một cuộc phiêu lưu chính trị, tình cảm, và trí tuệ đang chấm dứt
19. Đám tang ông nội tôi
Nguyễn Văn Liên
21. Lòng tự trọng của người ăn cắp
Phạm Việt Vinh
23. Sách nên đọc : "Nhìn lại sáu mươi năm tranh đấu cho Việt Nam", "Tự thuật" và "Les travailleurs requis"
24. Những vùng văn hóa Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên
Lê Văn Hào
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Quyền
Đáy

Tôi tưởng vừa thắng hắn một bàn, không ngờ hắn gạt phăng đi một cách khinh bỉ :

- Mày đừng ngụy biện. Dân chúng của mày mà dám phản kháng cái gì. Ý niệm phản kháng không có ngay trong ngôn ngữ của chúng mày. Lấy thí dụ chữ "quyền". Người phương Tây coi quyền - *rights*, hắn nhấn mạnh - là của người dân đối với nhà nước, nhà nước phải tránh xa không được đụng tới. Người Việt chúng mày lại gọi nhà nước là chính quyền, là người cầm quyền. Chúng mày vớ vẩn quá. Nó đã cầm quyền rồi thì mày còn cái quyền gì ? Nó cho mày cái gì thì mày được nhờ cái ấy, phản kháng cái gì ? Chúng mày nô lệ ngay từ trong khái niệm và ngôn ngữ. Đừng lộn xộn. Thôi, hãy biết nhớ ơn đảng, ơn Bác đi con!

Đến đây thì tôi không giữ bình tĩnh được nữa :

- Nếu mày tiếp tục ăn nói sỗ sàng như vậy thì tao không nói chuyện với mày nữa, tao sẽ cho mày ăn vãi đường quyền.

Đáy